

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Bát thập cửu niên)
Tòa Thánh Tây Ninh

Tập San
THẾ ĐẠO



*- Bản Lên Tiếng ngày 1-3-2014 và
Thông báo số 11/QCT/TB ngày 2-3-2014
(Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại)

*- Sơ lược về cuộc Đời Đức Phật

(Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ)

*- Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California
đã ra đời (Lê Bình)

*- Tình thương & Công Chính)

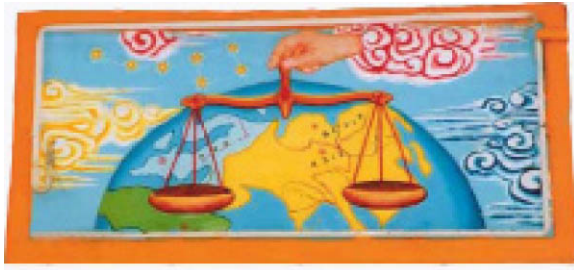
(HT Lê Văn Thêm)

Tập mới

SỐ 60

05-2014

Tạp San Thế Đạo
Quarterly Magazine
Issue 60 - May 2014



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547
Web: www.banthedao.net

MỤC LỤC

01	Sơ lược về cuộc đời Đức Phật (Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ)	03
02	Nghiệp khẩu (Viên Thành).	24
03	Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc (HT. Nguyễn Trung Đạo)	33
04	16 ngôi chùa đẹp nhất Hàn Quốc.	54
05	Bản Lên Tiếng của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại	63
06	Thông báo số 11/QCT/TB ngày 2-3-2014 của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại	70
07	Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California đã ra đời (Lê Bình)	75
08	Vườn thơ bạn đọc	90
09	Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại	97
10	Tóm lược Hội Tương Tế Cao Đài	99
11	Vô cùng thương tiếc Cố Phối sư Thượng Nhã Thanh	101
12	Phân ưu	102
13	Danh sách cơ sở, đồng đạo, thân hữu yểm trợ Tập San Thế Đạo	111
14	Cái học của người học thức & cái học của kẻ vô học (Thu Giang Nguyễn Duy Cần) .	115
15	Bạn thơ (Tràm Cà Mau)	126
16	Tình thương & Công Chính - Amour et Justice (HT. Lê Văn Thêm)	147
17	Giảng Đạo chơn ngôn (Giáo sư Thái Đến Thanh)	164
18	Điều kiện gia nhập Ban Thế Đạo	184

SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Bài này được trích trong sách Phật Học Chỉ Nam (chương 1) của Học giả Bác Sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ do nhà xuất bản Nhân Tử Văn xuất bản.

Sách này nghiên cứu về nhiều tôn giáo chính trên thế giới Tập San Thế Đạo xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả nhân ngày Đản sanh của Đức Phật Thích Ca

Ban Biên Tập TSTĐ

Năm đản sinh của Đức Phật khó mà biết. Theo Việt Nam Phật Giáo sử lược, Ngài có thể sinh vào các niên đại sau đây: 1023, 685, 624, 623, 566, 563, 561, 559, 557, 487 trước Tây Lịch.

Trước kia ở Việt Nam, Phật giáo có những ngày lễ sau:

- 8 tháng 4: Phật đản sinh.
- 8 tháng 2: Phật xuất gia.

- 8 tháng 12: Phật thành đạo.
- 15 tháng 2: Phật nhập Niết Bàn.

Theo thuyết phổ thông hiện nay, Đức Phật đản sinh, thành Đạo, nhập Niết bàn vào ngày trăng tròn tháng Vesak của xứ Ấn Độ, tức là ngày 15 tháng tư Âm Lịch, năm 624 trước Tây lịch.

Trước kia, tính Phật lịch, người ta tính năm đản sinh của Đức Phật. Ví dụ muốn biết, năm 1971 là năm nào của Phật Lịch, người ta cộng 1971 với 624=2595. Đức Phật sống 80 tuổi, như vậy, nhập Niết Bàn năm 544.

Đại hội nghị Phật giáo thế giới kỳ II tại Tokyo Nhật Bản, vào năm 1952, đã quyết định lấy năm Phật nhập Niết Bàn để bắt đầu Phật lịch cho toàn thế giới. Vậy bất kỳ năm nào, muốn được Phật Lịch ta đem cộng nó với 544, ta sẽ được năm Phật Lịch.

Ví dụ: 1971 chuyển sang Phật Lịch sẽ là $1971 + 544 = 2515$; 1983, sẽ là $1983 + 544 =$ Phật lịch 2527

Ngược lại khi có năm Phật Lịch, muốn tìm ra năm Dương Lịch, ta lấy năm Phật Lịch trừ cho 544.

Ví dụ năm Phật Lịch 2526 sẽ là $2526 - 544 = 1982...$

Và như vậy ngày Phật đản sẽ được thống nhất và mừng vào ngày Rằm tháng Tư.

Thái tử Siddharta (Sĩ Đạt Ta), thuộc giai cấp Satriya (Sát đế Lị) giòng Cakya (Thích Ca) đại quý tộc Ấn Độ.

Ngài là con Hoàng đế Tịnh Phạn (Cuddhodana), và Hoàng Hậu Mayadevi (Tịnh Diệu).

Ngài đản sinh tại vườn hoa Lumbini (Lâm Tì Ni), nay là xã Ruminidhchi, hạt Aouth, phía tây nam xứ Nepal, và phía đông Rapti.

Kinh đô của cha ngài là Kapilavatsu (Ca Tì La Vệ).

Đản sinh được bảy ngày, thì mẫu thân ngài băng hà. Nhờ bà dì là Mahaprajapati (Ma Ha Bà Xa Ba Đề), và cũng là vương phi của vua cha, nuôi đến lớn.

Năm lên bảy, Ngài học văn với ông Visvamistra (Tì Sa Mật Đà La), và học với ông Ksantidiva (San Đề Đề Bà). Năm 16 tuổi, ngài kết hôn với công nương Yasodhara (Da Du Đà La), và sinh hạ được một người con trai tên là RahuLa (La Hầu La).

Theo kinh Trường A Hàm (Digha Nikaya) quyển IV, thì Ngài xuất gia năm 29 tuổi, sau khi mục kích được những cảnh sinh lão, bệnh tử của chúng dân...¹

Từ đó trong vòng 7 năm trời, ngài đi lang thang hết khu rừng nọ sang khu rừng kia trong khu vực sông Hằng, và đã xin thụ giáo với những đạo sư danh tiếng thời ấy như:

-Arâda và Kâmâla ở Vesali.

-Rudraka ở núi Pandava.

Theo Phật Học Tinh Yếu của Thích Thiển Tâm, sau khi xuất gia, Đức Phật còn đi phỏng đạo với các đạo sĩ Ấn Độ khác như Bạt Già Bà tiên nhơn (Bhàrgava), Ra La Ca Lan tiên nhơn (Arâda Kàlàma), Uất Đà La Ca Ma Tử tiên nhơn (Udraka Ràmputra) v....

Trong thời kỳ này Ngài cũng đến xứ Magadha (Ma Kiệt Đà), và được sự hỗ trợ của vua Bimbisâra (Bình Sa Vương). Vua này đã phái người theo hầu Ngài. Sau đó Ngài cùng

năm đệ tử của Rudraka đến thành Uruvêla, bên dòng sông Nairanjanâ, bên tháp núi Vương Xá (Râdsjagriha), tu trường trai khổ hạnh trong sáu năm trường.

Năm người bạn đạo đó tên là:

- Ajnâta Kaundinya (Kiều Trần Như).
- Asvajit (A Thấp Bà).
- Bradrika (Bạt Đề).
- Dasabala Kâsyapa (Thập Lực Ca Diếp).
- Maha nâman (Ma Ha Nan).

Vì quá khổ hạnh, nên có lúc Ngài bị kiệt lực. May nhờ có nàng Sujata, con gái của Nandika, chường bình thành Uruvela khuấy sữa và mật ong cho Ngài uống, Ngài mới thoát hiểm. Từ đấy Ngài ăn uống bình thường đầy đủ, và sức khoẻ dần dần hồi phục.

Trong các sách Phật Giáo ta thường thấy có hình Đức Thích Ca sau sáu năm khổ hạnh. Thật đúng là mình hạc xác ve

Năm người đạo hữu thấy Ngài chuyển hướng, không còn tu khổ hạnh nữa, bèn bỏ Ngài và đi sang thành Bénarès, tới vườn Lộc Uyển (Mrigavana) tiếp tục tu khổ hạnh.

Khi đã lấy sức lại, Thái Tử Siddhârta đến gốc một cây pippala, ngồi thiền định 49 ngày, sau đó giác ngộ. Cây đó sau được đổi tên là cây Bồ Đề (Cây Giác Ngộ = Bodhidruma).

Tới đây, ta đã học được với Đức Phật nhiều bài học:

-Trước hết là sức mạnh tinh thần phi thường, để có thể rũ bỏ được mọi công danh, lợi lộc, quyền quý, địa vị và mọi lạc thú gian trần để phát tâm cầu đạo giải thoát vô thượng.



-Thứ nữa là trước khi thành đạo, Ngài đã học hỏi với nhiều thầy. Như vậy ta đừng nên ngại chuyện:Tâm sư, học đạo.

-Trong khi cầu đạo, tu đạo, Ngài cũng thấy cần phải có bạn đạo.

-Ngài cũng có thể lầm lẫn, Ngài cũng có thể tu lầm đường, cũng đã hành hạ thân thể quá mức. Nhưng khi đã biết mình lầm, lập tức sửa sai.

-Ngài cũng đã được rất nhiều người trợ giúp.

-Sau cùng Ngài cho ta thấy rằng, muốn tìm cho ra chân lý, cần phải biết tập trung tinh thần và mài miết suy tư. Theo tôi sau khi đắc đạo, Ngài đã đạt tới Chân tâm hằng cửu của vũ trụ và của Con Người. Ngài gọi đó là cảnh giới Niết Bàn. Như vậy, Ngài cho thấy rằng:

Dưới những lớp lang hiện tượng biến thiên của vũ trụ và của tâm thân con người, sinh sinh diệt diệt, khổ ải lao lung, biến thiên chất chướng, còn có Chân Tâm hằng cửu của trời đất, bất sinh, bất diệt.

Chân Tâm ấy, Niết Bàn ấy không ở đâu xa, mà đã khuất lấp ngay sau hình hài con người, tâm tư con người. Con

đường đưa tới Chân tâm đó chính là Trung Đạo; phương tiện để thực hiện Lý tưởng đó là Chính đạo, hay Bát Chính đạo.

Con đường Trung Đạo của Phật là tránh cực đoan: Không phóng túng nhưng cũng không hành xác.

Đến đây tôi liên tưởng đến Đạo Khổng với hai chữ TRUNG, CHÍNH của Dịch Kinh và của Nho giáo:

TRUNG là luôn luôn sống cho hay cho phải, cho hợp lý, hợp định tắc thiên nhiên, thực hiện tinh hoa trời, hằng giây, hằng phút. CHÍNH là CHỈ NHẤT, là CHỈ Ư CHỈ THIÊN: Luôn luôn vươn lên cho tới TINH HOA HOÀN THIÊN. Sau đó làm cho người khác trở nên giống mình (THỨ).

Sau khi Phật giác ngộ liền về thành Bénarès, tới vườn Lộc Uyển, tìm lại 5 đồng đạo xưa, và từ nay những bạn đạo xưa trở thành đệ tử đầu tiên của Đức Phật.

Đức Phật bắt đầu giảng giáo, hay chuyển Pháp luân.

Ngài dạy về Tứ Diệu Đế, Bát chính đạo, và Thập nhị nhân duyên. Ngay từ sinh thời Đức Phật có rất đông đệ tử. Sau đây là tên những đệ tử danh tiếng của Ngài mà trong kinh gọi là Thập đại đệ tử:

- Đại Ca Diếp (Kasyapa) tôn giả, bậc tu định đệ nhất.
 - Xá Lợi Phất (Sariputra) tôn giả, bậc trí tuệ đệ nhất.
 - Mục Kiền Liên (Maudgalyàyana) tôn giả, thần thông đệ nhất.
 - Ca Chiên Diên (Kàtyàyana) tôn giả, nghị luận đệ nhất.
- Bốn vị này thuộc giai cấp Bràhmana (Tư tế).

- Anan Đà (Ananda) tôn giả, đa văn đệ nhất.
- A Nậu Lô Đà (Amisuddha) tôn giả, thiên nhãn đệ nhất.
- La Hầu La (Rahula) tôn giả, mật hạnh đệ nhất.
Ba vị này xuất thân từ giai cấp Ksatriya (Hoàng tộc).
- Tu Bồ Đề (Subhùti) tôn giả, giải không đệ nhất.
- Phú Lô La (Purna) tôn giả, biện tài đệ nhất.

Hai vị này thuộc giai cấp Vaisya (giai cấp bình dân).

- Ưu Ba Li (Upàli) tôn giả, trì luật đệ nhất.
Vị này từ giai cấp Sùdra (tiện dân, nô lệ).

Ngoài ra còn có các vị đệ tử tại gia danh tiếng như:

- Vua Bimbisàra (Bình Sa Vương), nước Magadha (Ma Kiệt Đà)
- Vua Ajàsatru (A Xà Thế), nước Magadha
- Vua Prasenajit (Ba Tư Nặc) nước Kosala (nước Kiều Tát La hay Xá Vệ quốc).
- Cư sĩ Duy Ma Cật (Vimalakirti), tác giả bộ kinh Duy Ma Cật).
- Bà Videhi, bà Srimàla và vợ ông Tu Đạt Là (Sujàtà).

Đệ tử cuối cùng là ông Tu Bạt Đà La (Sudhadra), 120 tuổi, thuộc Bà La Môn giáo.

Có thể đức Phật tùy căn cơ từng đệ tử đã tiến hành song song hai phương pháp giảng giáo. Đối với quần chúng Ngài dạy Hiển giáo hay Quyền Giáo, tức là dạy về phần hình danh sắc tướng của vũ trụ, và của con người. Còn đối với những đệ tử có thượng căn, Ngài dạy Mật giáo hay Thực giáo, tức là dạy về chân tướng của vũ trụ và của con người².

Ngoài vườn Lộc Uyển, Đức Phật còn thuyết giáo tại vườn Jetavana, ở thành Savâthi (nay là thành Sahet Mahet), và vườn Veluvana (Trúc Lâm Viên) ở thành Râjagriha (nay là thành Rajghir, thành Vương Xá), cách vườn Jetvana (Cấp Cô Độc Viên) 600 cây số.

Vườn Jetavana thường được gọi là vườn Cấp Cô Độc do trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika) mua lại của thái tử Kỳ Đà (Jeta hay Jetireta), và cống hiến cho Đức Phật. Trong vườn có xây tinh xá cho Phật và chư tăng. Tinh xá đó có tên là Kỳ Viên Tinh Xá.

Năm Phật 80 tuổi, Ngài bỏ thành Rajagriha, vượt sông Hằng, lên phía Bắc, gần thành Patna ngày nay, ở phía tây thành Bénarès. Năm ấy đương ở Beluva, thì Ngài nhuộm bệnh. Ngài bèn sang thành Kusinârâ, mà chết ở giữa hai cây sa la.

Sau này vua Asoka (A Dục) (272-226) có dựng những trụ đá lớn để đánh dấu năm thánh tích chính trong đời Đức Phật. Đó là:

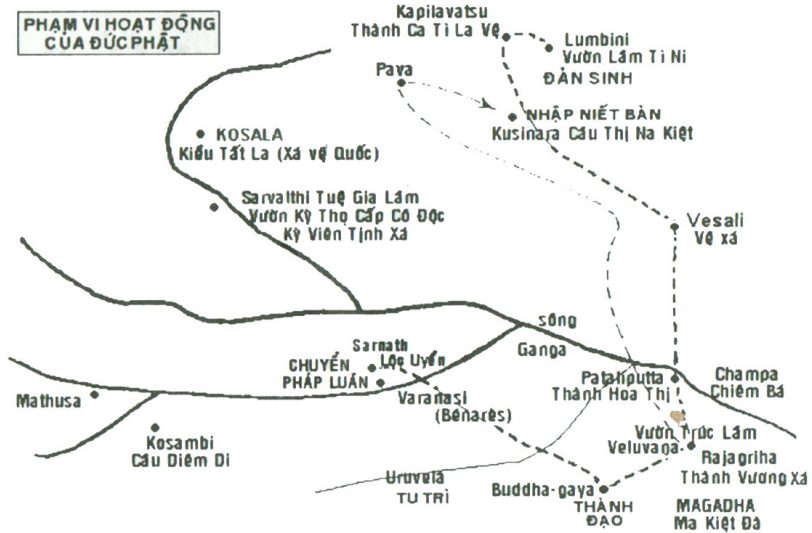
- Vườn Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đản sinh.
- Thôn Ưu Lôu Tần Loa (Uruvela), nơi Ngài tu khổ hạnh.
- Bồ đề đạo tràng (Budha गया), nơi Ngài thành đạo.
- Vườn Lộc Dã, nơi Ngài chuyển Pháp Luân lần đầu tiên.
- Rừng Sa La Song Thọ, gần thành Kusinara (Câu Thị Na Yết La), nơi Ngài nhập diệt.

Ta có bản đồ ghi lại ít nhiều địa điểm Đức Phật đã cư ngụ hoặc hoạt động lúc sinh thời:

Muốn hiểu rõ giáo lý của Ngài, ta cũng nên bàn qua về bối cảnh lịch sử tư tưởng Ấn Độ đương thời.

Phan Văn Hùng viết trong quyển Triết Học Phật Giáo, Phật Học Viện quốc tế xuất bản năm 1984 như sau:

“Trước thời Phật giáo ra đời ở Ấn Độ có những nền triết học sâmsi chẳng đều nhau, cùng chủ trương phiếm thân luận như nhau. Brahma là căn bản vũ trụ. Nhất thiết sự vật đều là hình thái của Brahma. Vạn hữu đều ở Brahma mà sinh ra. Lúc trụ thời ở tại Brahma. Lúc diệt trở về Brahma. Brahma như thế nó vô thủ vô chung. Sống đây là sống gởi. Chết sẽ trở về Brahma, đời đời khoái lạc.” (sách trích dẫn, tr. 135).



Đại Thừa Phật giáo tư tưởng luận, tác giả là Bác Sĩ Nhật Bản Kimura Taken, dịch giả là Thượng Tọa Thích Quảng Độ, Phật Học viện quốc tế xuất bản năm 1986, nơi trang 148, có ghi như sau:

“...Đối với vạn hữu, đặc biệt là tự thân con người, người ta

cảm thấy cần phải so sánh đối chiếu giữa cái chân tướng và giả tướng của vạn vật. Và do cái ý hướng muốn xa lìa giả tướng để trở về với chân tướng, mà đã phát sinh ra tư tưởng giải thoát. Song tại Ấn Độ, cái thời đại mà sự đối chiếu giữa chân tướng và giả tướng được bộc lộ một cách rõ ràng, đồng thời vấn đề giải thoát được luận cứ một cách rộng rãi, dĩ nhiên là thuộc thời đại U Ba Ni Sát Đàm (Upanishads). Do đó, vấn đề giải thoát được thiên hạ đặc biệt chú ý và đưa ra thảo luận vẫn là thuộc thời đại Upanishads(800-500 trước kỷ nguyên). Đến thời này, giải thoát quan mới thật sự được qui định thành hình. Upanishads nói: "Cái bản tính của Tự Ngã cùng với Thật Tại của vũ trụ tức Phạm Thiên (Brahman) là đồng nhất, bản lai thanh tịnh, không như chớp, là cảnh giới diệu lạc, vĩnh viễn bất biến. Nhưng vì mê mờ không thấy được cái chân tướng ấy, nên con người bị tách khỏi cái tính đồng nhất kia để rồi phải lăn lộn trôi dạt trong bể khổ sinh tử, bị đắm chìm và trói buộc mất hết tự do." Cũng vì thế mà cái lý tưởng cứu cánh của con người là làm thế nào để thoát ly được cảnh giới sinh tử trói buộc này, để trở về với bản tính đồng nhất của Phạm Thiên. Nền giáo lý Upanishads tuy rất mờ mịt, nhưng cái qui kết tối hậu thì không ngoài tư tưởng này..."

Đem những tư tưởng trên soi rọi vào đời sống Đức Phật, ta có thể suy ra được khi Ngài giác ngộ, Ngài đã chứng được những gì?

Phật Học Tinh Yếu, Thích Thiên Tâm soạn, Phật Học Viện quốc tế xuất bản 1984, nơi trang 142-143 có ghi:

"...Và đến lúc sao mai mọc lên, Ngài chứng được lậu tận mình, dứt sạch phiền não, rõ hết đầu mối nghiệp duyên, tâm thể lặng yên sáng suốt. Bấy giờ Ngài đã thành Phật.

Nội dung của sự giác ngộ chân chính này, có thể giải đáp vấn đề nhưn sanh một cách mỹ mãn. Trước kia Ngài thắc mắc về hai yếu điểm:

1. – Già, bệnh, chết và tất cả sự ràng buộc của kiếp người do đâu mà có?

2. – Làm thế nào để giải thoát những điều ấy?

Và đây là lời giải đáp:

– Do vô minh làm mê mờ bản thể, nên mới có sanh, già, bệnh, chết, lo thương buồn rầu.

– Muốn được giải thoát phải có chính kiến, dứt trừ phiền não, trở về bản tính, tức là phải tu theo con đường Bát chánh...”

Sau khi Đức Phật thành đạo, điều mà Ngài muốn đem truyền dạy cho các đệ tử và cho thiên hạ, chính là Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên và Bát Chính Đạo. Ngài chú trọng dạy người phương pháp tu trì, khuyên mọi người tìm cho ra những định luật tự nhiên vĩnh cửu của đất trời để mà theo mà giữ, dạy tăng chúng sống một cuộc đời thanh thản, trang nghiêm, kỷ luật và hòa hiệp. Ngoài ra Ngài không thích bàn cãi những vấn đề triết học ngoài tầm hiểu biết của quần chúng. Tôi vẫn nghĩ rằng ngay từ khi đức Phật còn sinh tiền, giới luật được coi trọng hơn cả. Các đẳng cấp trong hàng tăng chúng được xác định bằng số giới luật mà mỗi người tình nguyện giữ. Ví dụ thiện nam (ưu bà tặc), tín nữ (ưu bà di) muốn tu tại gia, thì thọ ngũ giới (chẳng sát sinh, chẳng trộm đạo, chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, chẳng uống rượu); hoặc bát giới (năm giới trên cộng với chẳng dùng hoa phấn dầu; chẳng xem hát xướng, kỹ nhạc; chẳng nằm giường cao, nệm rộng).

Ngày nay gọi thế là thọ bát quan trai, hay bát giới trai.

Sa di giữ 10 giới.

Sa di ni giữ Thức xoa giới.

Tỳ kheo (tăng) Đại thừa giữ 250 giới (Cụ túc giới); Tiểu thừa 227 giới.

TỳKheo ni (ni) giữ 348 giới (Cụ túc giới).

Ngoài ra muốn tu hạnh Bồ Tát Giới tại gia thì giữ 6 giới trọng, 28 giới khinh.

Muốn tu hạnh Bồ Tát xuất gia, thì tăng ni nguyện giữ 10 giới trọng, 48 giới khinh. Muốn tường các giới luật đó, xin đọc Phật học từ điển Đoàn Trung Còn nơi các chữ ưu Bà Ni giới, ưu Bà tặc giới, Tỳ kheo giới, Tỳ kheo ni giới, Bồ tát ưu Bà tặc giới; Bồ tát giới v.v...

Chính Đức Phật đã qui định các vật sở hữu mà một tỳ kheo có thể có:

- 1.-Giày.
- 2.-Bồ đoàn, hay tọa cụ (giống như chiếu)
- 3&4.-Hai khăn mặt trắng.
- 5.-Y (ba; áo trong, áo ngoài, áo choàng)
- 6.-Bình bát.
- 7.-Trượng.
- 8.-Một cái lọc nước.
- 9.-Dao cạo.
- 10.-Chỉ.
- 11.-Kim.
- 12.-Cái chuông.

13.-Quạt.

(Tối thiểu là 8 vật dụng, tối đa là 13 vật dụng nói trên). Khi Đức Phật nhập diệt rồi, hai lần kết tập đầu tiên đều bàn cãi về giới luật, chứ không bàn cãi về giáo lý, và cũng vì có những chủ trương khác nhau về cách hành trì giới luật mà Phật giáo nguyên thủy chia thành Thượng Tọa bộ và Đại Chúng bộ, như sau ta sẽ đề cập đến...

Tóm lại vì đạo Phật mới đầu mở rộng để đón mọi hạng người, mọi căn cơ, mọi giai cấp, nên dạy trọng giới luật, dạy tu hành là điều phổ cập nhất, thực tế nhất, để cho đại chúng thi hành nhất.

Để giản dị hóa vấn đề giới luật, ta có thể toát lược như sau:

Con người sinh ra ở đời, phải giữ cho tròn Thân Khẩu Ý.

Thân là hành động cho hay (good deeds).

Khẩu là nói lời cho hay (good speeches).

Ý là có tư tưởng cho hay (good thoughts).

Phật giáo còn có kệ:

**“Chư ác mạc tác,
Chư thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.”**

Dịch:

Không làm ác,

Cố làm lành,

Giữ lòng thanh,

Phật dạy thế...

Có một điều lạ là trong suốt đời Đức Phật, Ngài đã tránh né không trả lời, hoặc không đưa ra một lập trường dứt khoát về những vấn đề triết học trọng đại như:

- Vũ trụ vô cùng hay hữu hạn;
- Vũ trụ vô thủy chung, hay hữu chung thủy;
- Như Lai sau khi nhập Niết Bàn, có còn hay không còn;
- Con người có ngã hay không có ngã.

Đối với những vấn đề trên, Ngài thường hoàn toàn yên lặng, khi có người chất vấn. Sự yên lặng của Đức Phật, suy cho cùng, rất cao siêu, vì “nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy.” Vả lại, càng ngày chúng ta càng thấy rằng cuộc đời này có rất nhiều vấn đề hết sức là tế nhị, bàn xuôi cũng được, tán ngược cũng hay. Ta gọi thế là “bất khả tư nghị.” Chữ Sanskrit dùng để chỉ bất khả tư nghị là Avyakata hay avyakrtavastuni.

Yên lặng sẽ tránh được tranh chấp.

Tuy nhiên yên lặng không có nghĩa là phủ nhận, cũng không có nghĩa là tán đồng.

Càng đi xuôi giòng thời gian, ta càng thấy sự yên lặng tuyệt vời của đức Phật dần dần được thay thế bằng sự ồn ào của các học thuyết, của các môn phái...

Nhiều người học Phật đã cho rằng đạo Phật có chủ trương hoàn toàn trái ngược với Upanishads, tức là Thánh Thư Bà La Môn, nên đã chủ trương một cách thiên chấp rằng tất cả đều vô thường, vô định, tất cả đều là khổ ải biến thiên, tất cả đều là hư ảo. Chẳng làm gì có bản thể bất biến của Vũ Trụ, chẳng làm gì có Bản thể bất biến nơi con người.

Ngày nay các học giả chân chính không còn có cái nhìn thiên chấp như vậy.

Trong quyển Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận, nơi 199-200, ta thấy bác sĩ Kimura Taken nhận định như sau:

**Bây giờ nếu đem tất cả những điều đã trình bày ở trên mà nghiên cứu một cách thấu triệt, thì ít nhất mọi người phải thừa nhận những sự thực sau đây:*

a/ Vạn hữu tuy là lưu chuyển, song trong cái lưu chuyển đó vẫn có cái phép tắc thường hằng.

b/ Trong lưu chuyển giới này vẫn có Niết Bàn giới thường hằng bất biến.

c/ Dù là lưu chuyển giới hay Niết Bàn giới, nếu truy nguyên ra, thì rốt ráo cũng chỉ là cái tâm của chúng ta.

d/ Sau hết cái chân tướng kể trên chỉ được nhận ra khi nào chính trí và chính niệm đã xa lìa sự thiên kiến và chấp kiến..."

Bên phía trời Âu, bà Rhys Davids, một học giả lỗi lạc về Tiểu Thừa, và thông thạo tiếng Pali, đã chứng minh rằng Đức Phật không bao giờ dạy rằng Chân Tâm là hư ảo, hay Atman là hư ảo, mà chỉ dạy rằng không thể tìm thấy được Chân Thường Hằng Cửu, hay Chân Tâm, Chân Ngã, trong cái tâm thân phiến diện, kết cấu bởi ngũ uẩn. Bà Rhys Davids, và ông Humphreys đã chứng minh rằng trong Tạng Kinh viết bằng tiếng Pali, nhất là trong Pháp Cú Kinh (Dhammapada), Đức Phật đã dạy con người có hai thứ Ngã: Đại Ngã và Tiểu Ngã, và không hề dạy rằng Đại Ngã hay Atman là hư ảo. Bà Rhys Davids và ông Humphreys cho rằng thuyết An-atta (không có Ngã = Not

Self) là do một sự hiểu lầm của nhiều người theo Tiểu Thừa, hay Nguyên Thủy.

Bà Rhys Davids chủ trương dứt khoát rằng:

1.- Đức Phật không nói rằng không có Đại Ngã, mà chỉ nói rằng Đại Ngã không phải do Ngũ Uẩn cấu tạo nên, Đại Ngã không phải là thân là ý, mà Đại Ngã siêu xuất lên trên ngũ uẩn, lên trên thân ý.

2.- Đức Phật chấp nhận cái tinh hoa của Bà La Môn giáo, chấp nhận Đại Ngã (Atman) nội tại là lý tưởng cuộc đời, và dạy làm thế nào để đạt tới Atman nội tại, thực hiện Atman nội tại. Ngài cho rằng phương pháp để đạt tới Atman nội tại là giới, định, tuệ, chứ không phải là hình thức lễ nghi bên ngoài.

Bà dịch mấy câu quan trọng sau đây trong kinh Mahaparanibbana Sutta (Đại Niết Bàn) 11-13:

Attadipa viharatha attapatisarana.

Dhammadipa viharatha, dhamma patisarana, n'anna patisarana như sau:

Các thầy hãy lấy Đại Ngã là đuốc sáng, lấy Đại Ngã làm nơi nương tựa, hãy lấy Giáo luật (các định luật thiên nhiên, vĩnh cửu) làm đuốc sáng, làm nơi nương tựa, chứ đừng cậy trông chi khác.”

Nhiều học giả không ưa quan điểm của bà Rhys, riêng tôi tôi hoàn toàn tán đồng.

Tôi thấy các cách dịch khác nó lơ mơ làm sao:

Đức Nhuận dịch: “*Hỡi các tì khưu, các thầy hãy là ngọn đuốc và nơi nương tựa cho chính mình. Các thầy đừng phó*

thác vào một chốn dung thân nào khác.”

“Các thầy hãy cương quyết chủ định vào chân lý.”

“Hãy lấy chân lý làm ngọn đuốc và nơi nương tựa cho mình.”

(Đức Nhuận, *Phật Học Tinh Hoa*, Phật học viện Quốc tế xuất bản, 1983, tr. 176)

Phạm Kim Khánh dịch:

“Hãy ẩn nấu nơi chính ta như một hải đảo, như chỗ nương tựa.”

“Hãy ẩn nấu nơi giáo pháp như một hải đảo, như chỗ nương tựa. Không nên tìm ẩn nấu từ bên ngoài.”

(*Narada Maha Thera, Đức Phật và Phật pháp*, người dịch: Phạm Kim Khánh, Chùa Pháp Vân, 850 W. Phillips Blvd, Pomona California, 91766, 1982, p. 300)

Tôi nghĩ rằng Đức Phật không bao giờ lại có thể tự mâu thuẫn như vậy.

Không khi nào Ngài vừa chủ trương con người bị Vô Minh che mờ, rồi lại dạy con người phải lấy mình làm đuốc soi cho mình. Không lẽ nào Ngài vừa dạy rằng con người là biển thiên, vô thường vô ngã, rồi lại dạy con người phải dựa nương vào cái vô thường vô ngã ấy...

Đến đây tôi nhớ lại một lời Phật dạy hết sức quan trọng ghi trong kinh Udana (Tự Thuyết):

“Hỡi các tì khưu, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao giải thoát được cái sinh thành, ý tạp.

Nhưng vì có thực trạng ấy, nên có đường thoát cho cái sinh thành, ý tạp.”

Và tôi cũng liên tưởng đến chủ trương của Môn Phái Giác Ngộ mà họ đã đúc kết lại như sau:

“Người theo môn phái Giác Ngộ không theo ai, mà chỉ theo Ánh Sáng vĩnh cửu trong tâm họ: họ không tin cậy một đấng Cứu Thế ngoại tại nào, mà chỉ tin cậy và Nguồn Năng Lực cứu rỗi ở sẵn ngay trong lòng họ. Họ không phải là người công giáo thường mà chính là một đấng Kitô khác.”

Càng suy tư về giáo lý Phật giáo, càng đọc kinh sách Phật giáo, tôi càng thấy rằng quan điểm trên (tất cả đều biến thiên, không có gì là hằng cửu) là của những kẻ hạ căn đã gán cho Phật. Theo tôi nếu đúng là mọi sự đều vô thường, vô ngã, mọi sự đều là biến thiên, khổ ải, mọi sự đều là không tịch hư ảo, mọi sự đều không có thực thể, thì dĩ nhiên không làm gì có con đường nào để giải thoát con người, không còn có chi là lý tưởng để con người vươn lên, không còn có chi để con người dựa nương, và Niết Bàn cũng chỉ là một danh từ suông.

Đối với tôi, sau khi đã khảo sát tư tưởng của tất cả các bậc đại giác, đại ngộ Đông Tây kim cổ, tôi đã toát lược nhãn quan của Đức Phật như sau:

Vũ trụ cũng như con người thật ra có hai chiều hai mặt, nhưng vẫn luôn luôn là một thực thể duy nhất:

1. Về phương diện Bản thể, thì tất cả đều là đồng nhất, bất khả phân, siêu không gian thời gian, siêu xuất trên mọi hình danh, sắc tướng. Chính vì siêu xuất trên mọi hình danh, sắc tướng, nên mới vô cùng vô tận, vô thủy vô chung, mới có những khả năng vô biên, vô tận, mới khinh

khoát tự do, vô quái ngại.

Bà La Môn gọi cái đó là Brahman-Atman, Niết Bàn. Phật giáo cũng gọi đó là Niết Bàn. Sau này còn dùng những chữ Chân Tâm, Chân Như. Có thể gọi đó là KHÔNG vì không hình danh sắc tướng, không lệ thuộc không gian, thời gian, chứ không phải đó là NGOAN KHÔNG. Cái KHÔNG nơi đây chính là CHÂN KHÔNG, DIỆU HỮU, linh minh, huyền diệu, an lạc tuyệt vời.

Có thể gọi Đó là VÔ NGÃ, vì CÁI ĐÓ vô biên tế, vô cùng tận, không còn là của riêng ai. Nhưng cũng có thể gọi đó là ĐẠI NGÃ, vì là cái NGÃ ĐẠI ĐỒNG của vũ trụ và của quần sinh. Nó DUY NHẤT, nên không hề pha phách, bác tạp. Chính vì thế ngũ uẩn, tứ đại, hồng trần không sao vượt lên tới Nó được.

2. Về phương diện hiện tượng, về phương diện hình danh, sắc tướng, thì tất cả đều là sai biệt, đều là chi li phiền tạp. Đều trôi nổi trên triền không gian thời gian, đều bị hạn hẹp, đều bị giam hãm trong những hình danh sắc tướng.

Đó là những gì hữu hạn, những gì biến thiên, những gì vô thường vô định. Đó chính là những bức tranh vân cầu, những cảnh tang thương được vẽ vờ trong khoảnh khắc trên bức khung bao la, vô tận của Bản Thể. Đó chính là những cái mà ta gọi là NGŨ UẨN, LỤC TRẦN, VỌNG TÂM, VỌNG NGÃ. Chúng hoàn toàn chịu những định luật của sinh tử, luân hồi (Luân hồi đây nên hiểu là biến thiên vô thường, vô định); đây chính là địa bàn hoạt động của mọi tục lụy, khổ đau, tranh chấp, THAM, SÂN, SI dưới mọi hình thức.

Có thể gọi chúng là VÔ NGÃ, vì đây chính là những tập hợp biến thiên, của Tứ Đại, Ngũ Uẩn, Lục Trần. Chúng

chính là những phiên chợ đời, tập hợp nhau trong khoảnh khắc, ồn ào trong khoảnh khắc, bả lả, mặn nồng trong khoảnh khắc, nhưng rồi ra lại sẽ chia tay, để “*Anh đi đường anh, Tôi đi đường tôi.*”

Gọi chúng là KHÔNG, vì chúng không có thực thể. Gọi chúng là VÔ THƯỜNG vì nằm trong ảnh hưởng biến hóa của không gian, thời gian, và các nhân duyên đa tạp của hồng trần. Gọi chúng là TIỂU NGÃ vì chúng là hình hiện của những gì thấp hèn, ti tiếu. Gọi chúng là VỌNG NGÃ, vì chúng chẳng qua chỉ là những bộ mặt nạ hóa trang, đeo lên trên BẢN LAI DIỆN MỤC, khi đóng những tấn kịch đời... Đó là thế giới của VẠN, của ĐA TẠP.

Bản thể và Hiện Tượng nơi con người, theo nhãn quan Phật giáo sẽ là Niết Bàn và Khổ Hải, sinh tử luân hồi; THƯỜNG và VÔ THƯỜNG.

Con người sinh ra ở đời này phải theo những định luật thiên nhiên vĩnh cửu, và một trong những định luật đó là phải vượt từ HỮU HẠN, lên tới VÔ HẠN; vượt từ TỐI TÂM lên tới ÁNH SÁNG; vượt từ PHÙ SINH lên tới TRƯỜNG SINH, vượt từ KHỔ HẢI lên tới NIẾT BÀN.

Và như vậy NIẾT BÀN, hay CHÂN TÂM hay BẢN THỂ đều thực sự đã chẳng hề lìa xa con người...Con đường dẫn từ LUÂN HỒI lên tới NIẾT BÀN chính là GIỚI, ĐỊNH, TUỆ.

GIỚI là đi tìm những định luật thiên nhiên vĩnh cửu mà theo mà giữ.

ĐỊNH là biết tập trung TINH THẦN để càng ngày càng có thêm THẦN THÔNG, THẦN LỰC.

TUỆ chính là phát được ĐẠI GIÁC, ĐẠI HUỆ, MỞ TUỆ GIÁC để nhìn thấy cái BẢN THỂ.

NIẾT BÀN xét về phương diện LUÂN LÝ, NGHỆ THUẬT thì chính là LÝ TƯỞNG mà con người cần phải liễu đạt. Cho nên nếu BÁT CHÍNH ĐẠO là con đường đưa tới NIẾT BÀN, thì BÁT CHÍNH ĐẠO có thể tóm tắt lại bằng lời khuyên sau:

Luôn luôn hãy sống cho hay, cho đẹp, cho tuyệt vời, bất kỳ trong giây phút nào, trong hoàn cảnh nào. Nho giáo gọi thế là THỜI TRUNG...

Phật giáo gọi thế là QUI Y PHẬT, lấy Phật làm lý tưởng tối cao để qui định hành vi của mình.

Nếu chúng ta học đạo Phật không phải là để thỏa mãn cái trí tò mò, mà cốt là theo gương Phật, bắt chước Phật, mong trở thành Phật, tu trì tinh tiến, mong sớm được đại giác, đại ngộ, đem lòng từ bi vô lượng, thương xót chúng sinh, nguyện làm lợi ích cho nhân quần, cho xã hội, nếu mọi người ai cũng quyết tâm như vậy, thì Tịnh Thổ, Cực Lạc, Niết Bàn, trước sau cũng sẽ hình hiện để thay thế cho trần ai tục lụy này.

Thực ra thì tùy trình độ, tùy căn cơ, tùy công phu thiền định, tùy sự tập trung tinh thần của mỗi người, tùy công phu suy cứu của mỗi người, mà mỗi người lại có một quan niệm khác, suy tư khác về những lời Phật dạy.

**Bác sĩ
Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ**

Nghệ Nghiệp Khẩu

TU CÁI MIỆNG LÀ TU HƠN NỬA ĐỜI NGƯỜI

Nghệ nghiệp là hành động tạo tác nhiều lần có chủ ý, của Thân, Miệng và Ý, nguyên nhân đưa tới quả báo, cả hai “nghệ nghiệp” và “quả báo” tạo thành” luật nhân quả”, tuần hoàn không dứt, đưa con người luân hồi.

Cổ kinh vân: “phù sĩ xử thế, phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân, do kỳ ác ngôn”, nghĩa là: Xét người ở đời, búa để trong miệng, sở dĩ giết người, do lời nói ác.

Cổ nhân cũng có dạy: “Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất”, nghĩa là: Bệnh từ cái miệng do ăn uống mà đem vào, họa cũng từ cái miệng do nói chuyện thị phi mà tạo ra.

Phật dạy trong mười (10) cái nghiệp của con người thì trong đó cái miệng đã chiếm bốn (4) gần một nửa:

- 1/ Chuyện không nói có, chuyện có nói không
- 2/ Nói lời hung ác
- 3/ Nói lưỡi đôi chiều
- 4/ Nói lời thêu dệt.

Nhưng trong cuộc sống hằng ngày ngoài bốn điều trên, cái miệng còn tạo thêm nhiều nghiệp nữa như:

- 5/ Ăn uống cầu kỳ
- 6/ Phê bình, khen chê

7/ Rêu rao lỗi của mọi người (Tứ chúng), toàn là những điều tổn phước và tội phải đoạ vào địa ngục, cũng như làm mịch lòng, gây mâu thuẫn, hận thù giết hại lẫn

nhau mà thôi.

Do vậy kinh cũng dạy, trong sinh hoạt hằng ngày có 4 hạng người chúng ta nên tránh:

1/ Hay nói dối kẻ khác

2/ Hay nói chuyện mê tín, tà kiến

3/ Miệng tốt, bụng xấu (khẩu Phật, tâm xà)

4/ Làm ít kể nhiều. Từ cái miệng mà ta có thể biết tâm ý và đánh giá được người khác, để có cách ứng xử thích nghi.

Của cải dù to lớn như núi, nhưng cái miệng ăn lâu ngày cũng hết. Phước đức dù cực khổ gieo tạo nhiều đời, nhưng do cái miệng tạo nghiệp, phê bình, chỉ trích, nói lời ác... thì trong giây phút cũng có thể tiêu tan.

Người xưa cũng có dạy: “ Khẩu khai thần khí tán. Thiệt động thị phi sanh”, tức là mở miệng nhiều lời sẽ hao tổn thần khí, lưỡi động thường nói chuyện phải trái, hơn thua, đẹp xấu, khen chê...để rồi phải tranh đấu, mạ lị lẫn nhau khiến sanh ra lắm chuyện thương tâm.

Đấy là chỉ nói sơ qua những điều tai hại thường xảy ra hằng ngày của cái miệng, còn lại suốt trong một đời người, do thoả thích cho cái miệng mà chúng ta đã tạo không biết bao tội lỗi. Do vậy mà Tây phương cũng có dạy: “Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần” là vậy.

Cũng có kệ rằng:

“Trăm năm vật đổi sao dời,

Một câu quý giá muôn đời còn ghi.

Mở lời trước phải xét suy,

Rằng ta cất tiếng ích chi chẳng là”.

Lại có thơ:

“Lời nói đổi trắng thay đen,
Thiên đàng, địa ngục bon chen lối vào?
Trực ngôn tâm chẳng lao xao.
Giữ tâm thiên định biết bao an lành.”

Làm ơn hay bị mắc oán, cũng do cái miệng nầy hay kể công, mắng nhiếc, nói sỉ nhục người:

“Thần khẩu nó hại xác phàm,
Người nào nói quá họa làm khổ thân.
Lỡ chân gượng được đỡ lên.
Lỡ miệng gây họa phải đền trả thôi»

Cái miệng nầy rất tai hại, ăn uống thì cầu kỳ muốn nuốt vào những món ngon vật lạ cho khoái khẩu, vừa hao tổn tiền của, vừa đem bệnh vào thân, vì động thực vật bây giờ sản xuất chạy theo lợi nhuận nên sử dụng hóa chất rất nhiều, nếu không biết kiêng cử thì bệnh nan y mang vào thân, để tự làm khổ mình và làm khổ bao người, phải lo chạy chữa, là chuyện đương nhiên.

Cái miệng cũng có nhiều cái lợi: dùng để ăn uống tốt, nuôi dưỡng cơ thể, dùng để nói năng giao tiếp trong hằng ngày, tạo mối thâm tình, giao hảo hài hòa, thông hiểu lẫn nhau, dùng để thuyết giảng, tụng niệm, dạy học, truyền kiến thức và những điều lợi ích đến được nhiều người.

Đọc câu chuyện trong Quốc văn Giáo khoa thư sau đây sẽ thấy được sự lợi hại về cái miệng, lưỡi:

Một hôm ông phú hộ ra lệnh cho người làm giết heo và chọn phần quý nhất của con heo làm cho ông một món ăn. Người làm vâng lời và sau đó dâng cho ông một món ăn

mà phần quý nhất là cái lưỡi heo. Ông phú hộ hỏi tại sao thì người làm trả lời rằng cái lưỡi là bộ phận quý nhất, vì nhờ cái lưỡi mà con người có thể diễn đạt những tình cảm chân thành, những ý tưởng cao siêu, ích nước lợi dân và có ích cho nhân loại.

Ít lâu sau, ông phú hộ lại ra lệnh cho người làm giết heo và chọn một bộ phận xấu xa nhất làm cho ông một món ăn. Người làm vâng lời và sau đó dâng cho ông phú hộ một đĩa đồ ăn mà bộ phận xấu xa nhất lại cũng là cái lưỡi heo. Ông phú hộ hỏi tại sao, người làm bèn trả lời rằng vì cái lưỡi có thể nói lên những lời nói xấu xa nhất tàn ác nhất làm tan nát gia đình xã hội và có thể khuynh đảo nước nhà ngay cả làm hại cho nhân loại. Ông phú hộ vô cùng ngợi khen sự thông minh của người làm.

Thật là cái lưỡi không xương nhiều đường lắc léo. Người xưa cũng có nói “Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang”, nghĩa là một lời nói có thể xây dựng nước nhà, mà cũng có thể làm tan nát nước nhà.

Lược sơ qua những điều lợi hại, thì chúng ta đã thấy cái miệng, lưỡi của người thế gian điều hại sẽ nhiều hơn điều lợi rồi. Tạo hóa sinh ra con người có hai lỗ tai, nhưng chỉ có một cái miệng, cho nên phải nghe nhiều hơn nói, mới đúng với tự nhiên.

Được thân người là khó, có đầy đủ lục căn và miệng lưỡi trọn vẹn là phước đức quá rồi, hãy nhân vốn phước báu này mà gieo trồng thêm phước đức ra nữa, thì mới là người khôn, bởi vậy phải lo: Tu cái miệng là điều cần thiết nhất và xem như tu hơn nửa đời người rồi.

Có lời dạy dạy:

“ Người khôn nói ít nghe nhiều,

Lựa lời đối đáp, lựa điều hỏi han,
Trước người hiểu rõ khôn ngoan.
Nhường trên một bước rộng đường dễ đi.
Việc người chớ nói làm chi.
Chuyện mình mình biết, vậy thì mới khôn”

Người đời cũng có câu:

“ Chim khôn hát tiếng rảnh rang.
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.
Nghe rồi tỏ ngộ Bồ đề.
Khuyên người niệm Phật đồng về Tây phương”.

Lại cũng có thơ:

“Bớt đi lời nói thị phi,
Bớt đi tội lỗi sân si đau buồn
Thêm câu niệm Phật nhiều hơn.
Phước điền thêm lớn tâm hồn thêm vui»

Và:

“Ít nói một câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật,
Đánh chết được vọng niệm,
Pháp thân ta hiện tiền”.

Trong kinh Pháp Cú, Phật có dạy:

- “ Dầu nói ngàn ngàn lời, nhưng không gì lợi ích, tốt hơn một câu nghĩa, nghe xong được tịnh lạc”. PC 100.

hay:

- “ Không phải vì nói nhiều, mới xứng danh bậc trí, an ổn không oán sợ, thật đáng gọi bậc trí” PC 258

- “ Không phải vì nói nhiều, là thọ trì chánh pháp, người nghe ít diệu pháp, nhưng trực nhận viên dung, chánh pháp không buông lung, là thọ trì Phật Pháp”. PC 259.

Phật cũng có dạy: “Làm tinh như chánh pháp, nói năng như chánh pháp” là như vậy.

Là người tu, một lời nói ra phải giúp cho nhiều người thông hiểu, an lạc, lợi ích thì chúng ta không tiếc lời, phước đức cũng rất vô biên, nhưng rất phải cẩn ngôn, cẩn ngữ khi phải nói ra những lời khiến người khác phải khổ đau, thiệt hại, thì chúng ta sẽ phải gặt hái những điều tương ứng.

Tạo Phước đức cả một đời, nhưng chỉ cần một lời ác khẩu nói ra là tiêu tan trong giây phút. “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Nhất là chúng ta muốn tu hành được tinh tấn và thành tựu thì phải tránh những chuyện thị phi, vì thị phi mất rất nhiều thời gian một cách vô ích, mà lại gây tạo rất nhiều nghiệp khẩu, oan trái.

Có bài thơ rất hay:

“Lời qua tiếng lại - giải quyết chi đâu?
Sao không dừng lại - kéo hồ thêm sâu.

Lời qua tiếng lại - đưa ta đến đâu?
Sao không thở nhẹ - mỉm cười nhìn nhau.

Lời qua tiếng lại - đưa ta đến đâu ?
Sao không dừng lại - thở nhẹ và sâu.”

Xin luôn nhớ cho rằng:

“ Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”

và:

Ai ơi ! Ít nói là vàng
Nói nhiều tội lỗi trái ngang cũng nhiều
Chi bằng ít nói bao nhiêu
Khỏi điều phiền não, khỏi điều thị phi
Hằng ngày tam nghiệp vô vi
Không tranh nhân quả có gì đảo điên
Không nghiệp chướng chẳng lụy phiền
Vô ưu, vô não nường thuyền tiêu dao.

Lợi hại như vậy đấy, nên mỗi chúng hãy mau lo tu cái miệng vậy.

Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta thường đối đãi với nhau, cái miệng phải luôn mỉm cười, nhay lời xin lỗi và trọng lời cảm ơn.

Phải tương kính, dùng ái ngữ, không tiếc lời khen, tán dương, ca tụng, truyền rao những người tốt, việc tốt, những điều hay, lẽ phải để nhân những điển hình tốt đẹp ra thêm làm tô thắm cuộc đời.

Phải rất dè dặt tiếng chê.

Nên ăn chay để bảo vệ môi trường và cứu tinh cầu.

Không nói dối, mà phải nói những lời chân thật. Không dối gạt, ta sẽ nhận được nhiều uy thế, tiếng tăm. Không nói lời thù dật, mà nói những lời trung thực, sẽ được nhiều người kính mến. Không nói lời đâm thọc, mà nói lời hoà

hợp sẽ được nhiều người ủng hộ. Không nói lời thô ác, mà nói toàn những lời hòa nhã, thương yêu, sẽ có cuộc sống cao sang. Đây là những pháp tu cho cái miệng, rất hay, rất bổ ích, chúng ta cần thực hiện theo, để gạt hái được nhiều phước đức, lúc đó cuộc đời, gia đình và xã hội, trong hiện tại được thanh bình, an đẹp và tương lai sẽ sanh vào nơi an lạc, thật hạnh phúc nào bằng.

Thơ về NGHIỆP KHẨU

Kinh dạy cái miệng tội lỗi vô cùng
Nghệp khẩu có bốn, nói chung rất nhiều
Lời thời hung ác, lưỡi lại đôi chiều
Chuyện không nói có, có thời nói không

Nhiều lời thù dật, lảm chuyện viễn vông
Đâm bị thóc nọ thọc bị gạo kia
Khiến cho bao kẻ chịu cảnh chia lìa
Nát tan nhà cửa gia đình thảm thương

Lại thêm rao lỗi tứ chúng bốn phương
Trước mặt khen nịnh sau lưng chê cười
Thương thay người lại biến thành đười ươi
Để cho đánh mất tình người trong ta.
Cái miệng ăn uống rất đổi xa hoa
Giết bao loài vật để mà nuôi thân
Nhậu nhẹt say khướt như kẻ ngu đần
Thân mình phá hoại bệnh tình phải mang.

Ung thư đột quy bệnh gút rõ ràng
Nhà hàng ăn uống cầu kỳ nhẩn tâm
Quan điểm hưởng thụ tạo mọi lỗi lầm
Cũng từ cái miệng ăn càng nói xiên.

Họa tai lại đến lắm chuyện não phiền
Lỡ lời một tiếng hận thù ngàn năm
Lòng ta trong sáng tự ánh trăng rằm
Chiếu soi nhân thế tỏ đường quy y.

Khiêm cung đối đãi tôn trọng lễ nghi
Nhạy lời xin lỗi trọng lời cảm ơn
Nhân văn đẹp tuyệt còn có nào hơn
Tán dương ca tụng trọng người hơn ta.

Miệng cười tươi đẹp thanh thoát như hoa
Thành người cao quý trên đời tôn vinh
Khẩu nghiệp không tốt nay biến thành xinh
Ăn sạch nói đẹp thanh bình hoan ca.

Viên Thành

ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC

HT. Nguyễn Trung Đạo

A. CUỘC ĐỜI HÀNH ĐẠO

Hộ Pháp là phẩm Chức Sắc cao cấp nhất của Hiệp Thiên Đài, nắm quyền chưởng quản Hiệp Thiên Đài, kiêm chưởng quản Chi Pháp.

1.- SƠ LƯỢC VỀ THÂN THỂ.-

Ngài Phạm Công Tắc sanh vào ngày Mùng 5 tháng 5 năm Canh Dần, nhằm 21-6-1890, tại quận Châu Thành, tỉnh Tân An, gia đình theo Đạo Thiên Chúa. Lúc nhỏ, Ngài có học chữ Nho, sau học trường Trung Học Chasseloup Laubat. Đến năm 1907, Ngài thi đậu bằng Thành Chung, sau đó làm việc ở Sở Thương Chánh Sài Gòn. Ngài có biệt tài là rất giỏi về âm nhạc dân tộc.

Năm 21 tuổi, Ngài lập gia đình với Bà Nguyễn Thị Nhiều (sau đắc phong Nữ Chánh Phối Sư).

Ông và Bà có 3 người con, 2 người con gái là Cô Ba Phạm Hồ Cẩm và Cô Tư Phạm Tần Tranh (Cô Tư sau đắc phong Nữ Phối Sư, Thánh danh Hương Tranh).

2.- XÂY BÀN VÀ PHÒ NGỌC CƠ.-

Giữa năm 1925, Ngài Phạm Công Tắc hiệp cùng các Ngài Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu, Trương Hữu Đức, Nguyễn Trung Hậu,... xây bàn, rồi cầu Ngọc Cơ để thỉnh các Đấng Thiêng Liêng về. Các Đấng Thiêng

Liêng dùng văn thơ thi phú lần lần dẫn dắt các Ngài vào con đường Đạo.

a).Hội Yến Diêu Trì (02-10-1925).-

Theo lời dạy của Đấng A,Ă,Â, vào đêm Rằm tháng Tám các Ngài thiết tiệc tiếp đón **Đức Diêu Trì Kim Mẫu**, tức Đức PHẬT MẪU. Vào chập tối, Đức PHẬT MẪU và Cửu Vị Tiên Nương giá lâm. Đây là một việc hi hữu mà cả thế giới và các Tôn giáo trước kia chưa hề có : đó là một buổi tiệc giữa người và các Đấng Thiêng Liêng. Trong Đạo Cao Đài gọi đây là **Lễ Hội Yến Diêu Trì**.

b).Vọng Thiên Cầu Đạo (16-12-1925).-

Vâng theo lời dạy của Đức PHẬT MẪU và của Đức A,Ă,Â, đêm Mùng 1-11 Ất Sửu (16-12-1925), ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ăn mặc chỉnh tề, áo dài khăn đen, ra quì giữa sân, cầm 9 cây nhang làm Lễ Vọng Thiên Cầu Đạo, trước sự chứng kiến của đông đảo khách qua đường. Đúng 12 giờ, thời Tý, ba Ông đồng xông trầm cho tinh khiết rồi ngồi vào bàn cơ. Đức A,Ă,Â giảng cơ phán dạy : *Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế nhận 3 Ngài làm Môn Đệ và dùng 3 Ngài để khai Đạo*

c).Thiên Phong Hộ Pháp (26-4-1926).-

Vào thời Tý ngày Rằm tháng 3 Bính Dần (26-4-1926), quí vị Tiên Khai tề tựu đông đủ tại tư gia của Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn để tham dự Lễ Thiên Phong lần thứ nhất. Đức Chí Tôn giảng cơ ban phẩm cho các vị.

Trong buổi lễ này, Đức Chí Tôn (nhập thân vào xác phàm của Ngài Cao Quỳnh Cư) chấp bút nhang làm phép trực

xuất Chơn Thần của Ngài Phạm Công Tắc ra để cho Chơn Thần của *Đức Phật Vi Hộ Pháp* nhập vào xác của Ngài Phạm Công Tắc

3.- CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ

Sau khi độ thêm được nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội như Đốc Phủ, Tri Huyện, Thông Phán, Cai Tổng, Công Chức, Giáo Viên, Thương Gia, Yết Ma,... Đức THƯỢNG ĐẾ mới bắt tay vào Đạo Sự chánh là phổ độ nhơn sanh : Đức THƯỢNG ĐẾ ra lệnh cho tổ chức một số **Đàn Cơ Phổ Độ** để THƯỢNG ĐẾ giáo Đạo và trực tiếp thu nhận Tín đồ trong đại chúng.

- **Đêm 23-8 Bính Dần** (29-9-1926), 247 bốn đạo tề tựu tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, hẻm số 237 đường Galliéni, Saigon để lập **Tờ Khai Đạo**.

- **Ngày 1-9 Bính Dần** (7-10-1926), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật tuân lệnh Đức CHÍ TÔN, đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp Tờ Khai Đạo với 28 chữ ký cho ông Thống Đốc tên là Le Fol.

- **Ngày 15-10 Bính Dần** (19-11-1926) : Lễ Khai Đạo được tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh. Trong dịp này, Đức CHÍ TÔN mới chánh thức phong Ngài Phạm Công tắc vào phẩm Hộ Pháp.

4.- HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO (TỪ 1927).

- Năm 1927, sau khi mãn phép, Đức Hộ Pháp trở lại làm việc thì Chánh Quyền Pháp đổi Ngài lên Nam Vang. Lợi dụng hoàn cảnh mới này, Đức Hộ Pháp xây dựng được cơ sở Đạo ở Nam Vang và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đây.

5.- PHÁ PHÉP ẾM LONG TUYỀN KIẾM (28-3-1930).-
Trong Đạo Cao Đài có một việc hết sức huyền diệu là việc Đức Hộ Pháp phá Ếm Long Tuyền Kiếm.

Ngày 29-2 Canh Ngọ (28-3-1930), Đức Hộ Pháp cùng một phái đoàn gồm 6 người (4 nam, 2 nữ) đến Thánh Thất Khổ Hiền Trang ở Phú Mỹ (Mỹ Tho), chấp bút để được Lỗ Ban Sư giảng chỉ dẫn đường đi đến vị trí Ếm Long Tuyền Kiếm. Phái đoàn lấy được một cái hộp bọc chì, dài chừng 90 cm, trong hộp đựng Long Tuyền Kiếm.

6.- CHUỖNG QUẢN NHỊ HỮU HÌNH ĐÀI (19-11-1934).- Ngày 19-11-1934, Đức Q. Giáo Tông qui Thiên, Hội Thánh Lương Đài có phiên họp quan trọng, quyết định yêu cầu Đức Hộ Pháp “*cầm quyền thống nhất cả Hiệp Thiên lẫn Cửu Trùng*”, vì Cửu Trùng Đài không còn Chức Sắc lớn, để cho Đức Hộ Pháp có đủ hai quyền mà lèo lái con thuyền Đạo ra khỏi cơn kháo đảo. Sự việc này được sự chấp thuận của Đức Lý Nhứt Trấn Oai Nghiêm.

7.- ĐỒ LỬU MADAGASCAR (1941-1946).

- Ngày 4-6-1941 lính Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp, và sau đó bắt thêm một số Chức Sắc (tất cả có 6 người) đày đi Madagascar. Trong khoảng 5 năm 2 tháng bị lưu đày ở đảo Madagascar, Đức Hộ Pháp đã được các Đấng Thiêng Liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo.

8.- TÁI THỦ QUYỀN HÀNH (30-8-1946).

- Ngày 30-8-1946, tức là hơn 5 năm sau, qua nhiều biến cố chánh trị, chánh quyền Pháp bị bắt buộc phải đưa Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh. Ngay sau đó, Đức Hộ Pháp kêu gọi số công quả trở lại tiếp tục công việc xây dựng

Tòa Thánh, gấp rút sửa chữa những chỗ hư hỏng do bọn lính Pháp gây ra, rồi lo đắp vữa, trang trí. Ngày 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (21-1-1947), Tòa Thánh được hoàn thành trong nỗi vui mừng của Toàn Đạo. Tiếp theo, Đức Hộ Pháp thành lập nhiều cơ quan quan trọng, như Bộ Pháp Chánh, Cơ Quan Phước Thiện,...

9.- BA THÁNG ĐẠI TỊNH (1951).

- Trong bài Thuyết Đạo tại Đền Thánh, đêm 17-04 năm Tân Mão (22-5-1951), Đức Hộ Pháp có nói rõ về ý nghĩa của 3 tháng Đại Tịnh của Đức Ngài nơi Trí Huệ Cung.

10.- NGUYÊN CĂN CỦA ĐỨC HỘ PHÁP.

- Nguyên căn của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là : **Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.**

Kiếp giáng trần thứ nhất* là **Vi Hộ đời Phong Thần ở Trung Hoa. Sau đó, Ngài về núi tu thành Phật **Vi Hộ Pháp**.

Kiếp giáng trần thứ nhì* là **Jésus Christ mở Đạo Thiên Chúa bên Âu Châu.

**Kiếp giáng trần thứ ba* vào thời Tam Kỳ Phổ Độ là Hộ Pháp Phạm Công Tắc : Ngự Mã Thiên Quân được Đức Chí Tôn cho giáng trần thay thân Đức Chí Tôn để mở Đạo Cao Đài.

11.- ĐỨC HỘ PHÁP QUI THIÊN (17-5-1959).

- Cuối năm 1955, Đức Hộ Pháp quyết định lưu vong sang thủ đô Nam Vang của nước Cao Miên. Ở Cao Miên được hơn 3 năm, vào ngày mùng 10-4 Kỷ Hợi (17-5-1959), Đức Hộ Pháp thoát xác Qui Thiên, để lại bao nỗi tiếc thương trong lòng người Tín đồ Cao Đài, trước một bậc vĩ nhân đã

hiến trọn đời mình khai sáng và xây dựng nên nền Chơn Giáo của Đức CHÍ TÔN.

B. ĐỨC HỘ PHÁP QUI THIÊN (Mùng 10 tháng 4)

Hộ Pháp là phẩm Chức Sắc cao cấp nhất của Hiệp Thiên Đài, nắm quyền chưởng quản Hiệp Thiên Đài, kiêm chưởng quản Chi Pháp.

Giữa năm 1925, tại Sài Gòn Ngài Phạm Công Tắc hiệp cùng các Ngài Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu,... xây bàn để thỉnh các Đấng Thiêng Liêng. Các Đấng Thiêng Liêng giáng điển dùng văn thơ thi phú lần lần dẫn dắt các Ngài vào con đường Đạo.

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch (cuối tháng 9-1925), Bà Thất Nương Diêu Trì Cung chỉ các ông cách sử dụng Ngọc Cơ và bảo phải dùng Ngọc Cơ mới cầu được Đức Cửu Thiên Nương Nương tức Đức Phật Mẫu vào đêm Rằm Trung Thu, trong buổi tiệc Hội Yến Diêu Trì.

Đêm Mùng 1-11 Ất Sửu (16-12-1925), vâng theo lời dạy của Đức PHẬT MẪU và của Đức A, Ǻ, Ǻ, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ăn mặc chỉnh tề, áo dài khăn đen, ra quì giữa sân, cầm 9 cây nhang nguyện rằng :

“Ba tôi Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh ”, trước sự chứng kiến của đông đảo khách qua đường.

Đúng 12 giờ, thời Tý, ba Ông đồng xông trầm cho tinh khiết rồi ngồi vào bàn cơ. Đức A, Ẫ, Ẫ giảng cơ pháp dạy:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT
CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Muốn được TA truyền Đạo phải gọi TA bằng THẦY cho tiện bề đối đãi, và TA gọi lại bằng Các Con. THẦY muốn dùng Các Con mà khai Đạo, Các Con dám lãnh trọng trách ấy chăng ?

Ba Ông còn đang phân vân thì Đức CAO ĐÀI TIÊN ÔNG phán tiếp : “ Chi chi có THẦY gần bên Các Con, miễn là Các Con khứng chịu, gắng để trọn tâm lòng thành thì chẳng hề chi ”. Cả ba đồng vâng chịu và xin Đức CAO ĐÀI chỉ dạy thêm.

Vào thời Tý ngày **Rằm tháng 3 Bính Dần** (26-4-1926), quý vị Tiên Khai tề tựu đông đủ tại tư gia của Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn để tham dự Lễ Thiên Phong lần thứ Nhất.

Đức Chí Tôn nhập thần vào xác phàm của Ngài Cao Quỳnh Cư, chấp bút nhang trần thần các bộ Thiên Phục và những chiếc ngai..., chấp bút nhang làm phép trục xuất Chơn Thần của Ngài Phạm Công Tắc để cho Chơn Thần của Đức Phật Vi Hộ Pháp nhập vào xác của Ngài. Sau đó là phần minh thệ của chư vị Chức Sắc Tiên Khai.

Kể từ sau buổi lễ ấy, Chơn linh Vi Đà Hộ Pháp (tức Phật Hộ Pháp) giảng ngữ nơi thân thể Ngài Phạm Công Tắc. Do đó mà trong bài Kinh Đại Tường có câu :

*Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trừ tinh.*

*Như vậy, qua buổi Lễ Thiên Phong lần đầu tiên trong Đạo,
Ngài Phạm Công Tắc gián tiếp thọ phong Hộ Pháp.*

Sau khi Đức CHÍ TÔN ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày **Rằm tháng Mười năm Bính Dần** (19-11-1926), Đức Hộ Pháp xin nghỉ làm việc 6 tháng để lo việc Đạo.

Năm 1927, sau khi mãn phép, Đức Hộ Pháp trở lại làm việc thì Chánh Quyền Pháp đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang. Lợi dụng hoàn cảnh mới này, Đức Hộ Pháp xây dựng được cơ sở Đạo ở Nam Vang và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đây.

Ngày 13-10 Giáp Tuất (19-11-1934), Đức Q.Giáo Tông Qui Thiên. Lúc đó có nhiều sự kiện rối ren xảy ra trong nền Đạo, bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp áp đảo, bên trong thì nội bộ chia rẽ trầm trọng. Sáng ngày 26-10 Giáp Tuất (02-12-1934) Liên Đài Đức Q.Giáo Tông nhập bửu tháp, thì ngay chiều hôm ấy, Hội Thánh Lương Đài có phiên họp quan trọng, quyết định yêu cầu Đức Hộ Pháp “*cầm quyền thống nhất cả Hiệp Thiên lẫn Cửu Trùng*”, vì Cửu Trùng Đài không còn Chức Sắc lớn, để cho Đức Hộ Pháp có đủ hai quyền mà lèo lái con thuyền Đạo ra khỏi cơn khỏ đảo.

Sau Lễ Đại Tường của Đức Q.Giáo Tông, Đại Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh họp trong 2 ngày 11 và 12 tháng 11-1935. Toàn Đại Hội đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có đủ 3 Vị Đầu Sư chánh vị. Nhờ quyền thống nhất rộng rãi này, Đức Hộ Pháp lèo lái con thuyền Đạo từ từ qua khỏi cơn sóng gió và phát triển thêm

lên vượt bực.

Trong thời gian nắm quyền Chương Quân Nhị Hữu Hình Đài, Đức Hộ Pháp lo củng cố nền Đạo :

- Xây dựng Đền Thánh và Báo Ân Từ,
- Thành lập các Cơ Quan, như : Bộ Pháp Chánh, Cơ

Quan Phước Thiện,...

Ngày 4-6-1941 lính Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp, và sau đó bắt thêm một số Chức Sắc (tất cả có 6 vị) đày đi Madagascar. Trong khoảng 5 năm 2 tháng bị lưu đày ở đảo Madagascar, Đức Hộ Pháp đã được các Đấng Thiêng Liêng che chở, thoát khỏi được nhiều tai nạn hiểm nghèo.

Ngày 30-8-1946, qua nhiều biến cố chánh trị, chánh quyền Pháp bị bắt buộc phải đưa Đức Hộ Pháp trở về Tòa Thánh. Ngay sau đó, Đức Hộ Pháp kêu gọi số công quả trở lại tiếp tục công việc xây dựng Tòa Thánh, gấp rút sửa chữa những chỗ hư hỏng do bọn lính Pháp gây ra, rồi lo đắp vẽ, trang trí. Ngày 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (21-1-47), Tòa Thánh được hoàn thành trong nỗi vui mừng của Toàn Đạo.

Cuối năm 1955, chánh quyền Ngô Đình Diệm tìm đủ mọi cách để khủng bố Đức Hộ Pháp và trấn áp Đạo Cao Đài. Đức Ngài quyết định đi sang thủ đô Nam Vang của nước Cao Miên để ngừa tai nạn. Lưu vong ở Cao Miên được hơn 3 năm, Đức Hộ Pháp cảm thấy giờ Qui Thiên sắp tới, nên Đức Ngài làm một văn thư gửi lên Hoàng Thân Sihanouk, xin Hoàng Thân cho tạm gửi thi hài dưới sự bảo vệ của Hoàng Gia Miên, đồng thời gọi các Chức sắc và bổn đạo tới bên giường bệnh để di chúc: “Bần Đạo qui Thiên, tạm gửi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian. Ngày

nào nước nhà độc lập thống nhất hoặc thực hiện đúng theo đường lối Hòa bình Trung lập, sẽ di liên đài về Tòa Thánh Tây Ninh”.

Ngày mùng 10-4 Kỷ Hợi (17-5-1959), Đức Hộ Pháp thoát xác Qui Thiên, sau 34 năm hành đạo với công nghiệp vĩ đại nhất, từ 1925 đến 1959, để lại bao nỗi tiếc thương trong lòng người Tín đồ Cao Đài, trước một bậc vĩ nhân đã hiến trọn đời mình khai sáng và xây dựng nên nền Chơn Giáo của Đức CHÍ TÔN.

Đức Phạm Hộ Pháp là tác giả của nhiều bài kinh sách:

- *Kinh Thiên Đạo* : Kinh Giải Oan.

- *Mười Bài Kinh Thế Đạo* : Kinh Thuyết Pháp, Kinh Nhập Hội, Kinh Xuất Hội, Kinh Ra Đi Đường, v.v...

- *Hai quyển sách là* : *Quyển Phương Tu Đại Đạo* và *Quyển Thiên Khai Kiến Diện*.

Ngoài ra, kể từ năm 1946 (sau khi qui hồi từ Mã Đảo), Đức Hộ Pháp thường xuyên thuyết đạo trong những kỳ đàn cúng, trong suốt hơn 10 năm. Ban Tốc Ký ghi chép và tập hợp lại được thành **8 Quyển Bài Thuyết Đạo**. Hai quyển có đề tài đặc biệt là : *Quyển Bí Pháp* và *Quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống*.

PHỤ CHÚ : Trong đêm 24 tháng 5 năm Mậu Tý (30-6-1948), thuyết đạo tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp có cho biết là Đức Chí Tôn có nói với Ngài rằng:

“Một ngày kia, Trung Hoa sẽ thờ phụng Đạo đáo đẽ, còn nước Mỹ sẽ lãnh trách nhiệm đi truyền giáo toàn cầu.

C. LỄ GIÁNG SINH (Mùng 5 tháng 5)

Sau khi Đức Hộ Pháp Qui Thiên vào ngày Mùng 10 tháng 4 năm Kỷ Hợi (17-5-1959), mỗi năm Hội Thánh có thiết lễ kính lên Đức Hộ Pháp 2 lần :

- Ngày 10-4 Âm lịch, Kỷ niệm ngày Qui Thiên của Đức Phạm Hộ Pháp : Cúng TIỂU ĐÀN Đức Chí Tôn.

- Ngày 5-5 Âm lịch, Mừng ngày Sinh Nhựt của Đức Phạm Hộ Pháp : Cúng TIỂU ĐÀN Đức Chí Tôn.

Sau đó có một số Đồng Đạo vô ý thức bàn luận với nhau rằng :Tại sao đối với Đức Hộ Pháp thì có tới 2 ngày Lễ trong khi đối với quý Vị Chức Sắc Đại Thiên Phong khác thì chỉ có lễ Kỷ niệm ngày Qui Thiên mà thôi, Do đó trong Đàn cơ tại Cung Đạo Đền Thánh đêm 25-6 Nhâm Tý (4-8-1972) hồi 20 giờ 15 phút, Ngài Hồ Bảo Đạo có bạch với Đức Hộ Pháp cầu xin Đức Hộ Pháp dạy là nên giữ ngày Lễ Sinh Nhựt của Đức Ngài vào Mùng 5 tháng 5 mỗi năm theo như lòng nhơn sanh sở vọng hay không.

- Đức Hộ Pháp dạy là bãi bỏ để tránh sự hiểu lầm của một ít Tín Đồ vô ý thức làm nhục thể Hội Thánh. Do những sự việc trên, ngày 11-7 Nhâm Tý (19-8-72), Ngài Hiến Pháp **Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài** có ký ban hành Thánh Lệnh số 60/TL. Xin trích điều thứ nhì của Thánh Lệnh như sau :

ĐIỀU THỨ NHÌ : Kể từ năm Quý sửu (1973) bãi bỏ lễ Kỷ niệm Sinh nhựt của Đức HỘ PHÁP mùng 5 tháng 5 Âm lịch.

Thi hành Thánh Lệnh trên, kể từ năm 1973, Hội Thánh không có hành Lễ Kỷ niệm ngày Sinh Nhựt Mừng 5 tháng 5 Âm lịch của Đức Hộ Pháp. Nhưng sau đó có một số Chức Sắc và Tín Đồ các nơi thỉnh nguyện lên Hội Thánh xin tổ chức lại Lễ Sinh nhựt Đức Hộ Pháp. Vì vậy mà ngày 18-3 Quý Sửu (20-4-1973), Hội Thánh Cửu Trùng Đài có ra Thông Tri Số 3-NCPS/TT, nhắc nhở chư Chức Sắc hữu trách nên giải thích rõ Thánh ý của Đức Hộ Pháp và lời giảng giải của Ngài Hiến Pháp nghĩa là không hành lễ Sinh Nhựt của Đức Hộ Pháp.

Nhưng rồi, sau đó, vào ngày 22-4 Ất Mão (01-6-1975), Ngài Hiến Pháp **Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài** có ký ban hành Thánh Lệnh số 24/TL/CQ.HTĐ cho phép thiết lễ **Cúng Đại Đàn** “MỪNG NGÀY GIÁNG SINH ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP”. Xin trích điều thứ nhứt của Thánh Lệnh như sau :

ĐIỀU THỨ NHỨT : Kể từ nay (01-6-1975), Hội Thánh thiết lễ Cúng ĐẠI ĐÀN “ MỪNG NGÀY GIÁNG SINH ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP ” đêm mừng 4 rạng mừng 5 tháng 5 Âm lịch hằng năm tại TÒA THÁNH TÂY NINH.

Như vậy, kể từ tháng 6 năm 1975, trong Đạo Cao Đài có 2 ngày Lễ về Đức Phạm Hộ Pháp :

-**Ngày 10-4 Âm lịch**, Kỷ niệm ngày Qui Thiên của Đức Phạm Hộ Pháp : Cúng TIỂU ĐÀN Đức Chí Tôn.

- **Ngày 5-5 Âm lịch**, Mừng ngày Giáng Sinh của Đức Phạm Hộ Pháp : Cúng ĐẠI ĐÀN Đức Chí Tôn..

Lễ Kỷ niệm chư Chức Sắc Đại Thiên Phong Tiên Khai thì tính theo ngày Qui Thiên, còn Lễ Vía chư Đấng Thiêng

Liêng thì thường tính theo ngày Giáng Sinh xuống cõi trần. Đức Phạm Hộ Pháp là một vị Chức Sắc Đại Thiên Phong Tiền Khai đã lập Đại Công với Đạo. Ngoài ra, Chơn Linh của Đức Ngài là một Đại Chơn Linh, với những lý do như sau (trích từ tài liệu của Đức Nguyên) :

* Theo những bài Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, một đôi lần Đức Ngài tiết lộ cho biết Đức Ngài là **Ngự Mã Thiên Quân** giáng trần thay Đức Chí Tôn để mở Đạo.

* Ngày 15-8 Bính Thân (dl 19-9-1956), tại Báo Ân Đường Kiêm Biên, Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ giáng cơ nói với Đức Hộ Pháp như sau:-

“Thiên Tôn nhớ lại khi lập thành Phong Thần Bảng, những người đứng vào hàng Thất Thánh là ai ?

Đức Hộ Pháp đáp: *Lý Thiên Vương, Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra, Vi Hộ, Dương Tiễn, Lôi Chấn Tử.*

*- Phải, thì trước đầu kiếp vào nhà họ **Vi**, còn nay vào nhà họ **Phạm**. Điều đó có chi khó hiểu mà phỏng đoán. Tiên tri của Bần Tăng đã nhiều và chỉ rõ Việt Nam xuất Thánh thì đã hẳn rồi, còn chi không rõ rệt, hơn nữa lại còn một điều trọng hệ hơn là Di Lạc giáng linh thì Thiên Tôn đã thấy rằng tiên tri vốn không sai sót đủ điều”.*

(Phò loan: Đức Hộ Pháp và Ngài Bảo Đạo)

* Đức Lý Giáo Tông có thổ lộ về nguyên căn và quyền năng của Đức Hộ Pháp trong bài thi khoán thủ dưới đây :

1. **HỘ** giá Chí Tôn trước đến giờ,
2. **PHÁP** luân thường chuyển máy Thiên thơ.
3. **CHUỖNG** quyền Cực Lạc phân ngôi vị,

4. QUẢN xuất Càn Khôn định cõi bờ.
5. NHỊ kiếp Tây Âu cầm máy tạo,
6. HỮU duyên Đông Á nắm Thiên thơ.
7. HÌNH hài Thánh thể chừ nên tướng,
8. ĐÀI trọng hồng ân gắng cật nhờ.

- Câu 1 cho biết, Đức Ngài là Ngự Mã Thiên Quân Hộ giá Đức Chí Tôn từ trước đến nay.

- Câu 2 cho biết, Đức Ngài nắm về Pháp, xoay chuyển cơ Trời theo Thiên thơ đã định.

- Câu 3 cho biết, Đức Ngài nắm quyền phân định ngôi vị nơi cõi Cực Lạc Thế giới. (Chính Đức Ngài được Đức Chí Tôn sai đi mở cửa Cực Lạc Thế giới bằng bửu pháp Giáng Ma Xử cho các chơn linh đạo đức nhập vào Cực Lạc Thế Giới).

- Câu 4 cho biết, Đức Ngài sẽ thay mặt Đức Chí Tôn cầm quyền cai trị Càn Khôn Thế Giới.

- Câu 5 cho biết, kiếp thứ nhì của Đức Ngài là Chúa Jê-sus, mở Đạo Thiên Chúa ở Do Thái rồi truyền qua Âu Châu, cứu độ các sắc dân Âu Châu.

- Câu 6 cho biết, kiếp này Đức Ngài giáng sanh xuống nước Việt Nam miền Đông Nam Á Châu, làm Hộ Pháp chương quản Hiệp Thiên Đài, nắm giữ Thiên điều.

- Câu 7 cho biết, nhờ Đức Ngài mà hình thể của Đức Chí Tôn tại thế (tức là Hội Thánh Cứu Trùng Đài) được nên hình tướng.

- Câu 8 cho biết, phẩm vị của Đức Ngài rất cao trọng,

nhơn sanh gắng cật nhờ ân huệ lớn lao của Đức Ngài.

***Kết Luận:** Chúng tôi với trí phàm thô thiển không thể hiểu rõ huyền diệu của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng, nhưng qua các tài liệu sưu tập vừa trình bày trên, chúng tôi có thể nêu ra một thuyết về nguyên căn của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc là : **Ngự Mã Thiên Quân, Hộ Giá Đức Chí Tôn.**

Kiếp giáng trần thứ nhất* là **Vi Hộ vào đời Phong Thần ở Trung Hoa (trước Tây lịch chừng 1100 năm). Sau khi hết nhiệm vụ trong đời Phong Thần, Vi Hộ trở về núi tu luyện, đắc quả thành Phật Hộ Pháp, gọi là **Phật Vi Hộ Pháp.**

Kiếp giáng trần thứ nhì* là **Jésus Christ mở Đạo Thiên Chúa bên Âu Châu. Xong nhiệm vụ, Đức Ngài trở về cõi thiêng liêng.

**Kiếp giáng trần thứ ba* vào thời TKPD là Hộ Pháp Phạm Công Tắc : Ngự Mã Thiên Quân được Đức Chí Tôn cho giáng trần thay thân Đức Chí Tôn để mở Đạo Cao Đài.

Theo những tài liệu trên, chúng tôi nghĩ rằng vào ngày *Mùng 5 tháng 5 âm lịch: Người Đạo Cao Đài rất lấy làm vinh hạnh mà được thiết lễ Đại Đàn Đức Chí Tôn để Mừng ngày Giáng Sinh của Đức Phạm Hộ Pháp*, như Hội Thánh đã dạy.

GHI CHÚ: Ngài Hiến Pháp Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài ký Thánh Lệnh Số : 24/TL/CQ.HTĐ vào ngày **1-6-1975**, lúc đó Hội Thánh còn nắm quyền chưởng quản nên **Đạo**. Chỉ trừ sau khi có Đạo Lệnh số 01/HT-ĐL ngày 01-3-1979 Hội Thánh mới giải thể, trao quyền lại cho Hội Đồng Chưởng Quản

D. GIÁO CHỦ HỮU HÌNH

Hộ Pháp là phẩm Chức Sắc cao cấp nhất của Hiệp Thiên Đài, nắm quyền chưởng quản Hiệp Thiên Đài, kiêm chưởng quản Chi Pháp.

Hộ Pháp đối quyền với Giáo Tông về mặt thiêng liêng, nhưng Giáo Tông là Anh Cả trong Đạo.

Vào giờ Tý ngày **Rằm tháng 3 Bính Dần** (26-4-1926) trong một buổi lễ thật trang nghiêm, Đức Chí Tôn làm phép trục xuất Chơn Thần của Ngài Phạm Công Tắc để cho Chơn Thần của *Đức Phật Vi Hộ Pháp* nhập vào xác của Ngài. Kể từ sau buổi lễ ấy, Ngài Phạm Công Tắc trở thành Hộ Pháp của Đạo Cao Đài. Đây là trường hợp giáng linh trọn vẹn duy nhất trong Đạo Cao Đài.

Từ xưa đến nay, các tôn giáo đều được thành lập bởi các vị Giáo Chủ hữu hình, riêng Đạo Cao Đài là do **Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế** dùng huyền diệu cơ bút lập nên tại Việt Nam, vào năm Bính Dần 1926, thông qua các vị Phò Loan như các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, ... Mặc dầu Ngài Lê Văn Trung được Đức Chí Tôn hóa độ sau các vị Phò Loan, nhưng Ngài được các vị trên và toàn Đạo kính trọng như người Anh Cả.

Trong buổi đầu Khai Đạo, mọi việc lớn nhỏ trong Đạo đều do Đức Thượng Đế giáng cơ dạy bảo.

Như vậy Giáo Chủ của Đạo Cao Đài là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế hay Đức Cao Đài.

* **Về mặt hữu hình**, Đức Thượng Đế giao quyền chưởng

quản cơ Đạo cho hai vị Tướng Soái của Ngài :

- Một vị Hộ Pháp điều hành cơ Đạo về mặt Luật Pháp,

- Một vị Giáo Tông là Anh Cả trong Đạo, điều hành cơ Đạo về mặt Hành Chánh.

* Từ ngày Khai Đạo, Rằm tháng 10 Bính Dần (19-11-1926):- Giáo Tông vô vi là : *Đức Lý Đại Tiên Trưởng*
- Hộ Pháp là *Ngài Phạm Công Tắc*.

Ngày 3-10 Canh Ngọ (22-11-1930), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ ban quyền Giáo Tông hữu hình cho ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật. Kể từ đó, Đồng Đạo thường gọi Ngài là : *Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung*.

*** Đức Hộ Pháp Giáo Chủ Hữu Hình**

Đến ngày 13-10 Giáp Tuất (19-11-1934), Đức Q. Giáo Tông lâm bệnh và nhẹ nhàng thoát xác qui Tiên tại Giáo Tông Đường. Từ ngày Khai Đạo đến đây, Đức Phạm Hộ Pháp vẫn giữ đúng vai trò Tư Pháp là bảo vệ luật pháp chơn truyền của Đạo. Đặc biệt, Ngài có nhiệm vụ thiêng liêng là Phò Loan để làm trung gian giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, tức là làm trung gian giữa Thế Xác và Chơn Thần của Đạo, nghĩa là giữa Người và Trời.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông qui Tiên, có nhiều sự kiện rối ren xảy ra trong nền Đạo, bên trong nội bộ thì chia rẽ trầm trọng, bên ngoài thì nhà cầm quyền Pháp áp đảo. Sáng ngày 26-10 Giáp Tuất (02-12-1934) Liên Đài Đức Q. Giáo Tông nhập bửu tháp, thì ngay chiều hôm ấy, Hội Thánh Lương Đài có phiên họp quan trọng, quyết định yêu cầu Đức Hộ Pháp "*cầm quyền thống nhất cả Hiệp Thiên lẫn Cửu Trùng*", vì Cửu Trùng Đài không còn Chức

Sắc lớn, để cho Đức Hộ Pháp có đủ hai quyền mà lèo lái con thuyền Đạo ra khỏi cơn khảo đảo

* Ngày 8-11-1935 là Ngày Lễ Đại Tường của Đức Quyền Giáo Tông. Hội Thánh thiết Đại Lễ rất long trọng trong 3 ngày 8, 9, 10 tháng 11 năm 1935. Số Tín Đồ tham dự độ trên 5000. Sau Lễ Đại Tường, Đại Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh họp trong 2 ngày 11 và 12 tháng 11-1935. Toàn Đại Hội đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có đủ 3 Vị Đầu Sư chánh vị. Quyết định này cũng phù hợp theo như sự chuyển pháp của Ngọc Hư Cung mà trước đó Bà Lục Nương và Bà Nhứt Nương đã giảng cơ cho biết.

* Vào ngày 12-2-1933, Bà Lục Nương Diêu Trì Cung có báo trước việc Hiệp Thiên Đài sẽ điều hành Hội Thánh Lương Đài qua bài Thánh Giáo sau đây :

Tây Ninh (Phạm Môn), 12 Février 1933 (29-12 Quý Dậu)

LỤC NƯƠNG ĐIÊU TRÌ CUNG

“Em chào mấy anh, em đang ở Ngự Quan Cung, Bát Nương đến cho hay rằng mấy anh đang ngưỡng nghĩa, nên vội vã đến hầu.

Khi mới này, Em đăng tin lành : Ngọc Hư lo chuyển Pháp. Cả Thiên Thơ hủy phá, sửa cải pháp Chơn Truyền. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vui mừng chẳng siết, Diêu Trì Từ Mẫu đẹp dạ không cùng... Mấy anh nên lấy nó làm phép hằng tâm, thì bước vinh diệu thiêng liêng không lạc nẻo.

(TNHT.II.191 - in năm 1972)

*** Vào ngày 12-10-1934, Bà Nhứt Nương Diêu Trì Cung** giáng cơ có cho biết Ngọc Hư Cung sẽ giao quyền chuyển thế cho Hiệp Thiên Đài qua đoạn Thánh Giáo sau đây :

NHỨT NƯƠNG Diêu Trì Cung

“ Lúc nọ, vào châu Ngọc Hư, lại có nghe lệnh Chí Tôn hiệp cùng Ngọc Hư đặng giao quyền chuyển thế một lúc cho Hiệp Thiên Đài ”. (TNST- Bài 212, trg444 - Q1 – HT.Hồng)

*** Ngày 13-11-1935, Đức Hộ Pháp** có bạch với Đức Lý Giáo Tông xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Đức Lý, nhưng Đức Lý không đồng ý.

Hộ Pháp Đường, ngày 18-10 Ất Hợi (13 Novembre 1935)

LÝ THÁI BẠCH

“ Lão Chào HỘ PHÁP, chư Chức Sắc HIỆP THIÊN, CỬU TRÙNG và HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO... ..

HỘ PHÁP, hèn lâu Lão không đến chuyện văn cùng nhau đặng, một là vì không cơ bút, hai là vì Thiên Thơ biến chuyển, Lão có đến cũng chẳng ích gì. Nay vì lẽ Đạo Triều, nên đến chúc mừng Hiền Hữu. Lão để lời cảm ơn HỘ PHÁP đã chịu lấm phen nhọc nhằn khổ não làm cho Đạo ngày nay đặng ra thiệt tướng. Lão chỉn thẹn có một điều là Lão chưa giúp hay vào đó. Lão đa tạ, đa tạ ”.

HỘ PHÁP bạch

“ - Cười, Lão chẳng nói rõ, Hiền Hữu cũng thấy hiển nhiên rằng từ thử, Lão có muốn nên cho Đạo đi nữa thì cũng chẳng thi thố chi đặng với một HỘI THÁNH hữu hư,

vô thiệt, như vậy có phải ? May thay ! Thiên Thơ do một mặt chẳng chi dời đổi trở ngăn, nên may ra nữa, từ đây Lão có phương cầm quyền trị thế ”.

(HỘ PHÁP bạch : *Thiên thơ đã đổi, đệ tử xin giao quyền hành của Quyền Giáo Tông lại cho Ngài đặng Ngài đủ oai cầm Thiên thơ vững chật).*

“- Cười, Lão e cho, một là Lão đã cho, không lẽ lấy lại, hai là hành pháp thì dễ, hành hình thì khó, không có nửa quyền trị thế của Lão nơi tay thì HỘ PHÁP có thể nào điều hành HỘI THÁNH cho đặng. Ấy vậy cứ để y ” (TNHT.II.200).

*** Ngày 05-1-1954, Đức Lý Giáo Tông** giảng cơ có dạy cho biết lý do tại sao Đức Ngài đem quyền Giáo Tông giao cho Đức Phạm Hộ Pháp :

“ Hiền Hữu có nghĩ tại sao Lão phải ban quyền Giáo Tông cho Hiền Hữu đặng trọn quyền Chí Tôn hữu hình tại thế chẳng ? ”.

Hộ Pháp : *-Xin Ngài dạy rõ.*

“- Cười ... Thì cũng do lòng từ bi vô tận của Đại Từ Phụ. Người sợ oai của Lão quá chấp nệ phạm tánh, không dung thứ tội cho con cái của Người, nên giao cho Hiền Hữu là bạn đồng sanh biết đau đớn, khổ cực với mảnh thi phạm mà rộng dung cho họ. Quyền Chí Tôn trong tay Hiền Hữu thì cứ tự dụng đặng định vị cho Thánh Thể của Người. Lão chẳng can thiệp vào đó ”

(TNST- Bài 119, trg363 - Q3 – HT.Hồng)

*** Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển,** có bài thi cho biết Thiên Thơ cải sửa, để cho Đức Hộ Pháp Chưởng Quản

Hiệp Thiên Đài kiêm nhiệm Chưởng Quản Cửu Trùng Đài
vì Cửu Trùng Đài bất lực :

*Bất ấn trừ yêu đã tới kỳ,
Ngọc Hư định sửa mối Thiên Thi.
Cửu Trùng không kế an thiên hạ,
Phải để Hiệp Thiên đứng trị vì.
Thành pháp điều đời qua nẻo khổ,
Nên công giúp thế lánh cơn nguy.
Quyền hành từ đấy về tay nắm,
Phải sửa cho nên đáng thế thì.*

(TNHT.II.223 – in năm 1972)

GHI CHÚ: Đức Lý Giáo Tông cũng có cho biết Đức Hộ Pháp nắm quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài qua một bài thi khoán thủ mà 8 chữ đầu của 8 câu là : **Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài.**

Trong thời gian Đức Hộ Pháp nắm quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài, Đức Ngài là Giáo Chủ hữu hình tại thế.

Trong những bài Thuyết Đạo, thỉnh thoảng Đức Ngài vẫn xưng là *Giáo Chủ* của Đạo Cao Đài.

Ngày 23-12-1931, Đức Chí Tôn có dạy như sau :*“Thầy đã ban quyền hành CHÍ TÔN của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông cùng Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành CHÍ TÔN của Thầy đặt trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một”*(TNHT.II.188-in 1972).

HT. Nguyễn Trung Đạo

16 Ngôi chùa đẹp nhất Hàn Quốc

1. Manggyeongsa

Chùa Manggyeongsa tọa lạc trên đỉnh núi Taebaek, có độ cao tới 1.460 mét. Tương truyền, bức tượng Phật bằng đá bất ngờ xuất hiện trên đỉnh núi mà không rõ xuất xứ từ đâu. Du khách tới thăm Manggyeongsa còn được tắm trong dòng suối nước nóng nổi tiếng nhất Hàn Quốc.



2. Taeansa

Chùa Taeansa nổi tiếng với vẻ đẹp của mùa thu đến khi những cánh rừng bao quanh đền chuyển sắc vàng và đỏ. Con đường dài 2,3 km dẫn từ thung lũng lên ngôi chùa đẹp mê hồn. Du khách ghé thăm Taeansan còn được ngắm ngọn tháp Neungpa và thăm làng Gok-song Haneulnari cách đó 5km.

3. Daejeonsa

Daejeonsa là quần thể đền, chùa lớn nhất ở tỉnh Cheong-song-gun, với ngoại cảnh tuyệt đẹp là dãy núi Juwang sừng sững. Bogwangjeon được xem là công trình lớn và nổi tiếng nhất trong danh sách các chùa là quốc bảo ở Hàn Quốc.



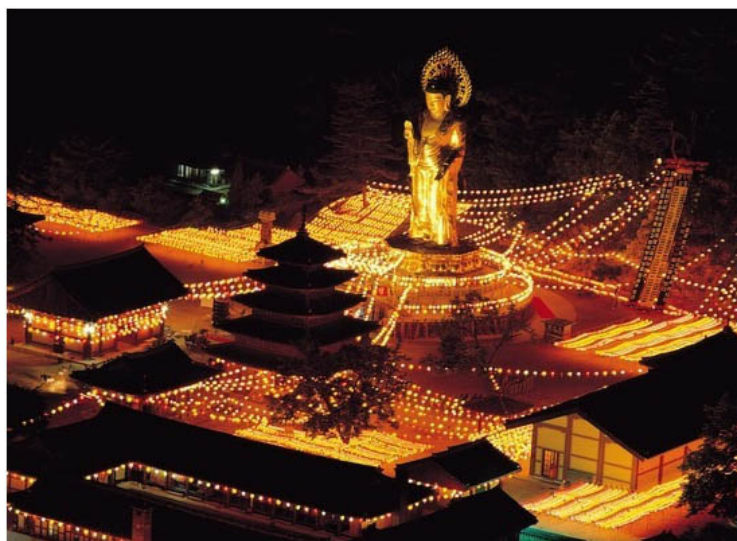
4. Cheongpyeongsa

Đây không chỉ có phong cảnh đẹp mà còn có một truyền thuyết mang tính nhân văn sâu sắc, nói về tình yêu của một chàng trai ở vùng Gangwon-do dành cho công chúa. Anh yêu công chúa tới mức biến thành một con rắn, theo sát những bước nàng đi. Một ngày nọ con rắn bị chết và công chúa đã chôn nó ngay tại chùa này.



5. Beopjusa

Trước trận hỏa hoạn năm 1592, với hơn 60 tòa nhà lớn và 70 chái nhà ở. Ngày nay, tới thăm Beopjusa, du khách vẫn có thể chiêm ngưỡng 30 tòa nhà còn lại với rất nhiều hiện vật văn hóa. Nổi bật nhất trong khuôn viên Beopjusa là ngôi chùa 5 tầng, cao 22,7 mét làm bằng gỗ, một quốc bảo quan trọng khác của đất nước này.



6. Gangcheonsa

Chùa Gangcheonsa được xây dựng năm 1316, gồm 5 tầng bằng đá. Người ta nói rằng, ngôi chùa có sức chứa tới 1.000 nhà sư. Ngoài quần thể đền chùa Gangcheonsa, du khách có thể đến thăm một loạt những điểm đến hấp dẫn lân cận như pháo đài trên núi Geumseong, thác nước Yongso, hồ Gangcheon, hồ Damyang và công viên quốc gia Naejang



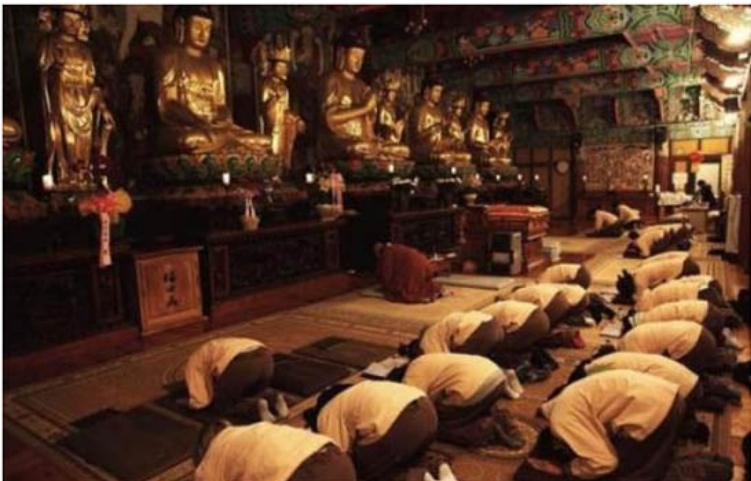
7. Buseoksa

Buseoksa nằm trong danh sách 10 ngôi chùa lớn nhất Hàn Quốc, và lưu giữ tới 5 quốc bảo của đất nước. Quang cảnh chùa Buseoksa đẹp trong suốt 4 mùa.



8. Geumsansa

Geumsansa được xây dựng năm 599, là nơi lưu giữ rất nhiều báu vật của Phật giáo Hàn quốc, trong đó nổi bật là những ngôi chùa bằng đá, chiếc đèn lồng bằng đá và những đài sen lớn tuyệt đẹp.



9. Hyangilam: Hyangilam là một trong những ngôi chùa đẹp nhất ở bờ biển phía Nam Hàn Quốc, trên dãy núi Geumo. Đường lên chùa khá dốc nhưng khách thập phương vẫn kéo đến hàng năm, mong được chiêm ngưỡng cây sơn trà 500 tuổi nằm trên đỉnh núi cũng như cảnh mặt trời mọc trên bờ biển



10. Magoksa: Magoksa là quần thể kiến trúc chùa lớn với hơn 30 gian, được xây dựng lần đầu năm 640. Tuy nhiên, sau nhiều lần xây dựng lại, ngày nay chỉ còn một số gian giữ được nguyên như kiến trúc ban đầu.



11. Samwhasa: Chùa Samwhasa nguyên bản nằm ở vị trí cách ngôi chùa ngày nay 1,3km về phía Đông. Tuy nhiên, quân đội Nhật Bản đã đốt 200 gian nhà của ngôi chùa. Ngôi chùa mới được xây dựng lại theo nguyên bản, và là nơi thường xuyên tổ chức các hoạt động tôn giáo quan trọng.



12. Tongdosa: Tongdosa là một trong những ngôi chùa “linh thiêng” nhất Hàn Quốc. Các Phật tử tin rằng một phần xá lợi của Phật được lưu giữ tại đây. Các tòa nhà, gian nghỉ rộng lớn vẫn giữ được kiến trúc cổ kính.



13. Boriam: Boriam nằm trên vách núi thuộc dãy Chuwolsan, một trong những dãy núi nổi tiếng nhất xứ Hàn bởi vẻ đẹp như chốn tiên cảnh. Từ ngôi chùa, du khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh triển núi dốc bên dưới cũng như hồ nước Damyang phẳng lặng.



14. Songgwangsa: Chùa Songgwangsa nhỏ bé nằm bên hồ nhân tạo và một cây cầu vòm thanh nhã làm nên vẻ đẹp đậm chất thiền của nơi này. Ngôi chùa tuy nhỏ nhưng lại là một trong những nơi lưu giữ nhiều cổ vật và tài liệu Phật giáo, văn tự nhất đất nước.



15. Oeosa: Oeosa là một trong những ngôi chùa được thiên nhiên ưu đãi nhất Hàn Quốc, với một mặt nhìn ra hồ Oeo và bao quanh là những vách đá dựng đứng.



16. Seonamsa: Seonamsa không chỉ thu hút Phật tử bởi vẻ đẹp của chốn thiền môn giữa thiên nhiên mà còn bởi một loại trà hoang mọc trong núi, dưới bóng của cây sồi và cây tuyết tùng, làm cho trà nơi này có hương vị đậm đà, thơm hơn bất kỳ nơi nào.



**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
CAO ĐÀI HẢI NGOẠI**
9702 Bolsa Ave. #100
Westminster, CA 92683

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Bát Thập Cửu Niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI
Bản Lên Tiếng

Về việc:

**Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh lập “Ban Đại Diện
tại hải ngoại”.**

***Kính gửi:** Chư Chức sắc, Chức Việc các cơ sở Đạo và
toàn Đạo tại hải ngoại.

Gần đây, Hội Thánh Cao Đài hiện nay ở trong nước (mà
tiền thân là Hội Đồng Chưởng Quản) đã ban hành Huấn
lệnh bổ nhiệm Lễ sanh phàm phong Trần Quang Cảnh đảm
nhận Qu. Trưởng Ban Đại Diện Hội Thánh trong nước tại
hải ngoại và (02) Huấn lệnh bổ nhiệm (10/13) Lễ sanh
phàm phong đảm nhiệm Cai Quản và Phó Cai Quản tại
Họ Đạo vùng Hoa Thịnh Đốn và Họ Đạo Camden, New
Jersey, Hoa Kỳ, để cùng «hướng dẫn việc tu hành cho
Chức sắc, Chức việc và đồng Đạo tại hải ngoại. . .». (03
Huấn lệnh kèm)

Xét thấy việc ban hành Huấn lệnh thành lập “Ban Đại diện
Hội Thánh” do Ls Trần quang Cảnh cầm đầu, cùng với các
Lễ sanh phàm phong được giao nhiệm vụ kể trên, thực chất
là hoạt động phá rối, làm phân hóa nền Đạo hải ngoại mà

Đông Đạo trong thời gian dài đã dày công vun đắp; nên trong phiên họp ngày 19/1/2014, Hội Đồng Đại Diện CỐ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI xét thấy cần có Bảng Lên Tiếng cùng chư Chức sắc, Chức Việc các cơ sở Đạo và toàn Đạo tại hải ngoại để đề cao cảnh giác.

*** Nhận Định rằng:**

- Từ sau năm 1975, thực hiện âm mưu tiêu diệt Đạo Cao Đài, đi đôi với khủng bố, bắt bớ tù đày Chức sắc, Chức Việc và Tín đồ trung kiên với Đạo, nhà cầm quyền Cộng sản dựng ra Bản Án Cao Đài năm 1978 kết tội Đạo Cao Đài, bôi nhọ và kết án các bậc Tiền Khai Đại Đạo, tiếp đến ép buộc các Chức sắc cao cấp ký Đạo lệnh số 01 (01-3-1979) giải tán Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thành lập Hội Đồng Chứng Quản và sau đó dựng ra “Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh” hiện nay trong nước. Mang danh nghĩa Hội Thánh, nhưng tổ chức này trong suốt thời gian dài đã bị Tà quyền Cộng sản nhào nặn, chỉ đạo và chi phối mọi mặt.

- Trong thời Đạo loạn, một số Đồng Đạo trong và ngoài nước đặt kỳ vọng vào sứ mệnh thiêng liêng của một số Chức Sắc trung kiên với một lòng “Trọn Trung cùng Hội Thánh, trọn Hiếu với Đức Chí Tôn”, nương cơ Đời, âm thầm chịu hy sinh ẩn mình trong “Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh” mà giữ Đạo, nhưng từ lúc rơi vào quỹ đạo của chủ nghĩa vô thần, đa phần chư vị lãnh đạo trong Hội Thánh này càng ngày càng xa rời Chánh Pháp, dẫn dắt làm biến thể nền Chánh Giáo do Đức Chí Tôn khai mở thành một tổ chức phàm giáo, từ một tôn giáo chân chính thành tôn giáo quốc doanh phục vụ nhà cầm quyền Cộng sản.

Trên thực tế, Hội Thánh phàm giáo, quốc doanh này được Tà quyền nuôi dưỡng, đặt dưới quyền lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, được Đảng và Nhà nước lập ra để lừa bịp nhơn sanh, lừa bịp dư luận trong nước và quốc tế. (*Kèm Bản chứng tích Hội Thánh phàm giáo, quốc doanh*)

- Hội Thánh Cao Đài quốc doanh từ năm 2007, đã được giao nhiệm vụ thực hiện Nghị Quyết 36 của Đảng về tôn giáo nhằm xâm nhập vào cộng đồng Cao Đài tại hải ngoại. Việc thành lập “Ban Đại diện Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh tại hải ngoại” với đội ngũ tôn giáo vận (gồm 14 Lễ sanh phàm phong) là một thách thức không những đối với toàn thể tín đồ Cao Đài mà còn cả với cộng đồng người Việt tại hải ngoại nói chung.

*** Lập Trường:**

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI là một tổ chức Đạo của Tín đồ Cao Đài hải ngoại, được thành lập nhằm liên kết, hiệp nhất các Cơ sở Đạo ở hải ngoại để cùng nhau gìn giữ Chơn Truyền, tu tập, hành Đạo và góp phần phổ truyền nền Chánh Giáo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh.

- CƠ QUAN ĐẠI DIỆN luôn kiên định lập trường là “Tuyệt đối trung thành với Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh thành lập theo Hiến Chương 1965, quyết tâm bảo thủ Chơn Truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, và không công nhận Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh hiện nay ở trong nước” (tiền thân là Hội Đồng Chưởng Quản) vì tổ chức này xa rời Chơn Pháp, biến thành một công cụ phục vụ đường lối, chủ trương của nhà cầm quyền Cộng sản.

- Không thừa nhận bất cứ tín đồ Cao Đài nào dù cá nhân hay tập thể nơi hải ngoại qui phục Hội Thánh trá hình trong nước hiện nay, vì đây là những phần tử vi phạm luật Đạo, làm tay sai cho Tà quyền, làm nhơ danh Đạo, phản bội lòng tin yêu của cộng đồng Tín đồ Cao Đài nơi hải ngoại nói riêng và cộng đồng người Việt hải ngoại nói chung.

- Cảnh báo cùng toàn Đạo ở hải ngoại và trong nước về nhiệm vụ của “Ban Đại diện Hội Thánh tại hải ngoại” của Hội Thánh Cao Đài phàm giáo, quốc doanh do Lễ sanh phàm phong Trần Quang Cảnh cầm đầu, thực chất là một bộ phận tôn giáo vận thực hiện Nghị quyết số 36 của Đảng Cộng sản về tôn giáo thông qua Hội Thánh hiện nay, nhằm đặt nền Đạo hải ngoại dưới sự chi phối của nhà cầm quyền Cộng sản trong nước.

- Trước công luận trong nước và hải ngoại, người tín đồ Cao Đài chân chính tuyệt đối không chấp nhận chủ nghĩa vô thần tiêu diệt tôn giáo; nghiêm khắc lên án Hội Thánh Cao Đài hiện nay trong nước đã tiếp tay cho nhà cầm quyền Cộng sản thực hiện âm mưu chi phối nền Đạo hải ngoại; yêu cầu Hội Thánh này hãy chấm dứt hoạt động phá rối dưới bất cứ hình thức nào để cho nền Đạo hải ngoại được an bình, để tín đồ Cao Đài ở hải ngoại được an tâm tu tập, hành Đạo hầu góp phần phổ truyền nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn.

* Lời Kêu Gọi:

- Vì tiền đồ và sự nghiệp của Đạo, thành khẩn kêu gọi chư Chức sắc trung kiên với Đạo, những bậc Chơn tu ẩn dật

trong và ngoài Hội Thánh trong nước hiện nay, hãy đứng ra nhận lãnh sứ mạng thiêng liêng gìn giữ Chơn Truyền và bảo vệ Đạo.

- Mong chư vị lãnh đạo Hội Thánh hiện nay hãy tỉnh thức để cùng chư Chức sắc và Tín Đồ trung kiên tập trung vào việc vận động phục quyền Hội Thánh đúng theo Chánh Pháp và yêu cầu nhà cầm quyền Cộng sản hãy mau chóng thu hồi «Bản Án Cao Đài», một Bản Án được dàn dựng hoàn toàn không đúng sự thật, xuyên tạc lịch sử, xúc phạm các bậc tiền khai Đại Đạo. Đây là sứ mạng lịch sử mà người Môn đệ Cao Đài chân chính phải cùng nhau đứng ra gánh vác.

- Kêu gọi các cơ sở Đạo tại hải ngoại cần liên kết, phối hợp chặt chẽ để cùng chặn đứng âm mưu phá hoại của Tà quyền Cộng sản. Hãy giữ vững niềm tin cùng nhau giữ Đạo, bảo vệ và phát triển Đạo. Rất mong toàn Đạo hãy sáng suốt nhận rõ bản chất phàm giáo, trá hình của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh trong nước hiện nay; cảnh giác trước sự tuyên truyền, xuyên tạc, phá rối dưới mọi hình thức của «Ban Đại diện Hội Thánh» do Lữ sanh phàm phong Trần Quang Cảnh cầm đầu.

- Kêu gọi (13) vị Lữ Sanh phàm phong hãy bình tâm quán xét lại hành tàng của mình, nhận rõ bản chất và ý đồ đen tối của nhà cầm quyền Cộng sản, sớm quay về với tập thể Đạo tại địa phương, để cùng đìu nhau tu hành đúng theo Chánh pháp.

* * *

Bản Lên Tiếng này công bố lập trường kiên định của CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI; vạch rõ âm mưu của Tà quyền qua Hội Thánh phàm giáo, quốc doanh phá rối nền Đạo hải ngoại; đồng thời thể hiện Đức Tin và ước vọng chân chính của Tín đồ Cao Đài trong và ngoài nước quyết một lòng trung kiên với Đạo, không chấp nhận chế độ vô thần tiêu diệt Tôn giáo và đây sẽ là chứng tích trước Dân Tộc và Lịch sử trong mai hậu.

Cầu nguyện Ôn Trên bố hóa ân lành và hộ trì cho toàn Đạo vượt qua khỏi cơn thử thách Đức Tin, cho nền Đạo hải ngoại được an bình và Hội Thánh sớm được tái phục quyền đúng theo Chánh Pháp.

Làm tại Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 03 năm 2014
(*Ấl. Mừng 1 tháng 2 năm Giáp Ngọ*)

TM. HỘI ĐỒNG ĐẠI DIỆN

ĐỆ I PHÓ CHỦ TRƯỞNG

(*Đã ký*)

(**HT Trịnh Quốc Thế**)

ĐỆ II PHÓ CHỦ TRƯỞNG

(*Đã ký*)

(**HT. Nguyễn Thừa Long**)

QU. CHỦ TRƯỞNG

(*Ấn ký*)

Hiền Tài Phạm Văn Khảm

*** Kính gửi:**

-Các Cơ sở Đạo Cao Đài TTTN tại Hải ngoại.

-Ban Thế Đạo Hải Ngoại - Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải ngoại:

“Để kính tường và xin phổ biến rộng rãi đến Đồng Đạo”.

-Các Tập san, Bản Tin, các mạng Truyền thông trong Đạo: *“Xin giúp phổ biến rộng rãi”*.

-Hồ sơ - Lưu.

*** Đồng Kính gửi:**

-Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam tại Hoa Kỳ.

-Các Cộng Đồng người Việt hải ngoại.

-Các Cơ quan Truyền thông và Báo chí.

“Để kính tường và yểm trợ”.

***Đính kèm:**

-Bản Chứng Tích “Hội Thánh phạm giáo, quốc doanh “.

-(03) Huấn lệnh bổ nhiệm.

**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
CAO ĐÀI HẢI NGOẠI**

9702 Bolsa Ave. #100
Westminster, CA 92683

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Bát Thập Cửu Niên)**

TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 11 /QCT/TB.

THÔNG BÁO

**Về việc: Cảnh giác và ngăn chặn hoạt động phá
rối của «Ban Đại Diện tại hải ngoại» của Hội
Thánh phạm giáo, quốc doanh.**

(Tham chiếu: **BẢN LÊN TIẾNG** của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại ngày 01/3/2014 có đính kèm **BẢN CHỨNG TÍCH HỘI THÁNH PHẠM GIÁO, QUỐC DOANH**).

*** Kính gửi:** Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ phụ trách điều hành các cơ sở Đạo và Đồng Đạo tại hải ngoại.

Thưa quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ,

Nhằm ngăn chặn hoạt động phá rối nền Đạo tại hải ngoại của «Ban Đại Diện tại hải ngoại» của Hội Thánh Cao Đài phạm giáo quốc doanh trong nước do **Lễ sanh phạm phong Trần quang Cảnh cầm đầu, cùng (13) Lễ sanh phạm phong**

được giao nhiệm vụ hoạt động hải ngoại, nay trân trọng kính thông báo một số vấn đề quan trọng và rất mong chư Huynh Tử cùng toàn thể đồng Đạo ở hải ngoại hết sức quan tâm:

1/- Cần thấy rõ «Giữ Đạo là gìn giữ Chơn Truyền của Đạo, không xa rời Chánh Pháp, không làm nô lệ Tà quyền», để từ đó nhận rõ tính chất phạm giáo, quốc doanh của Hội Thánh trong nước hiện nay.

2/- Nhận chân rõ «Ban Đại diện Hội Thánh tại hải ngoại» mà LS phạm phong Trần quang Cảnh được Hội Thánh phạm giáo quốc doanh cử nhiệm cầm đầu, thực chất là một công cụ, được lập ra để thực hiện Nghị Quyết 36 của Đảng, nhằm làm phân hóa, suy yếu nền Đạo hải ngoại để đặt nền Đạo hải ngoại dưới sự chi phối của nhà cầm quyền CS.

«Ban Đại diện Hội Thánh tại hải ngoại» này hoàn toàn khác biệt với «CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI», là một tổ chức Đạo được thành lập tại Hoa Kỳ năm 2006, do (02) hai Vị Chức Sắc Thiên Phong ở hải ngoại khởi xướng nhằm hiệp nhất Đạo ở hải ngoại để gìn giữ Chơn Truyền, bảo vệ và phát triển Đạo. Lập trường kiên định của «CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI» là «Tuyệt đối trung thành với Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh trước năm 1975» (thành lập theo Hiến Chương năm 1965).

3/- Đồng Đạo cần hiểu rõ việc phục tùng Hội Thánh hiện nay trong nước của một số Đồng Đạo hải ngoại để được phạm phong phẩm tước là vi phạm luật Đạo vì đã qui phục

một tổ chức phạm giáo dưới sự khống chế của Tà quyền. Hãy cùng nhau nhắc nhở về những hành động vi phạm Thiên Điều và sai trái của các vị Lễ Sanh phạm phong này.

4/- Không công nhận “Ban Đại diện Hội Thánh tại hải ngoại» và hai nơi mang danh nghĩa là «Họ Đạo» ở vùng Hoa Thịnh Đốn và Camden, New Jersey, do Hội Thánh phạm giáo quốc doanh công nhận và bổ nhiệm các Lễ sanh phạm phong và Chức việc hoạt động tại đây; hết sức cảnh giác với bất cứ hoạt động phá rối của những thành phần này.

5/- Cảnh giác trước mọi hoạt động xâm nhập, phá rối của “Ban Đại Diện tại hải ngoại» tại các cơ sở Đạo, kịp thời thông báo cho toàn Đạo rõ bất cứ cá nhân hoặc phe nhóm nào tiếp tay cho nhóm phạm phong này để kịp thời có biện pháp ngăn chặn. Chú trọng cảnh giác đối với những Lễ sanh phạm phong ẩn dạng, núp dưới danh nghĩa tín đồ hoạt động âm thầm tại các cơ sở Đạo địa phương, kịp thời chặn đứng mọi tuyên truyền móc nối, gây chia rẽ, xáo trộn ngay trong cơ sở Đạo.

7/- Không tin theo, không làm theo những gì mà nhóm phạm phong này tuyên truyền và kêu gọi. Không chấp nhận “Ban Đại Diện» này và bất cứ Chức sắc phạm phong nào kể Chức sắc phạm phong các cấp của Hội Thánh phạm giáo quốc doanh trong nước ra hải ngoại đến Cơ sở Đạo mình để giao lưu thăm viếng. Cần thấy rõ đây là âm mưu xâm nhập, gây rối sẽ mang đến hậu quả xáo trộn khó tránh cho cơ sở Đạo.

8/- Thận trọng và lưu tâm kiểm soát những Kinh sách, những Tập san, Bản Tin, các tài liệu về nghi lễ Cúng kiếng, nghi lễ Tang sự, hay Thánh Tượng do “Ban Đại Diện” này cùng phe nhóm từng lệnh của Hội Thánh phạm giáo quốc doanh phổ biến để tuyên truyền khuyến dụ. Cần thấy rõ những tác hại rất lớn là dẫn dắt Đạo hải ngoại đi sai lạc Chơn Truyền, gây lệch lạc cho việc hành Đạo, ảnh hưởng việc tu hành của bốn Đạo và sẽ gây ra xáo trộn tại địa phương.

9/- Thông báo cho các cơ sở Đạo và Đồng Đạo biết rõ cá nhân hoặc phe nhóm nào tiếp tay cho Hội Thánh Cao Đài quốc doanh trong nước và cho “Ban Đại Diện tại hải ngoại», xâm nhập len lõi móc nối tuyên truyền, gây chia rẽ phá rối nền Đạo tại hải ngoại... để kịp thời cùng nhau cảnh giác và ngăn chặn.

10/- Mong toàn Đạo hải ngoại hãy liên kết, hợp nhứt lại để chung tâm hiệp sức để giữ Đạo, bảo vệ và phát triển nền Đạo hải ngoại.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng bố hóa hồng ân cho Chư Huỳnh, Tỷ và toàn Đạo hải ngoại được trí não quang minh, tinh thần mẫn huệ để thấy rõ đâu là Chánh pháp, đâu là cám dỗ của Tà quyền và xin hộ trì cho toàn Đạo giữ vững Đức Tin để vượt qua cơn thử thách hiện nay.

California ngày 2/3/2014

(Al. Mừng 2 tháng 2 năm Giáp Ngọ)

**TM BAN CHỦ TRƯỞNG.
Qu. CHỦ TRƯỞNG.**

(Chữ ký và dấu)

HT Phạm văn Khảm

Kính gửi:

- Các Cơ sở Đạo thuộc TTTN tại hải ngoại.

«Để kính tường và phổ biến rộng rãi cho bốn Đạo địa phương».

-Ban Thế Đạo Hải Ngoại

-Đại Đạo Thanh Niên Hội Hải Ngoại.

«Để kính tường»

-Các Tập San, Bản Tin và các Mạng Truyền Thông trong Đạo

« Xin giúp yểm trợ, phổ biến rộng rãi».

-Lưu.

Ghi chú của TSTĐ:

Để có đủ tài liệu hơn , xin quý đọc giả vui lòng vào trang Web www.coquandaidiencaodai.org của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.

Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California đã ra đời (Lê Bình)



Năm mới, vùng bắc California có tin mới. Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California đã ra đời.

Sau nhiều năm tháng chuẩn bị, kêu gọi, họp bàn... mà chẳng đi tới đâu. Người Tây Ninh mỗi năm cứ phải chạy về Nam để chung vui với bà con Tây Ninh tại Nam CA... Sau khi ăn Tết xong, một số người đã họp bàn, khuyến khích nhau và đi đến cuộc họp mặt để cùng xây dựng Hội Đồng Hương Tây Ninh.

Tại nhà hàng Phú Lâm, San Jose lúc 10:30am ngày Chúa Nhật 16/3/2014 đã đánh dấu một chuyến biến mới của bà con Tây Ninh đang sinh sống tại San Jose. Cuộc họp mặt đã diễn ra đầm ấm thân thương và rất Tây Ninh: Thiết tha, chất phát đậm đà như hương vị Bánh Canh Trắng Bàng.

Với sự vận động của quý ông Ông Bùi Đức Tài, Ông Nguyễn Ngọc Dũ, Ông Nguyễn Thanh Liêm, Ông Trần Minh Khiết, Ông Duy Văn, Ông Nguyễn Đăng Khích, Ông Trần Văn Sung, Ông Trần Minh Quan, Ông Nguyễn Thành Hưng, Ông Trần Kim Đảnh, Ông Dương Văn Ngựa buổi họp mặt đã có kết quả tốt đẹp.

Khoảng 130 đồng hương Tây Ninh đã họp mặt để thành lập Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California. Buổi họp mặt bắt đầu với Lễ Chào Quốc Kỳ khai mạc lúc 11:00am. Sau đó giới thiệu thành phần tham dự. Ban Tổ Chức ghi nhận có sự hiện diện của Hội Quân Cảnh, Hội Cảnh sát Quốc Gia, Hiền tài Nguyễn Thanh Liêm, Ông Mai Khuyên Khu Hội, Ban Trị Sự Tộc Đạo Cao Đài tại địa phương cựu Chánh Trị Sự Mai Ngọc Tuyết, Chánh Trị Sự Đào Minh Ánh, Chánh Trị Sự Nguyễn Văn Bé, Điện Thờ Phật Mẫu Hiền Huynh Nguyễn Văn Y và đồng hương đến từ Sacramento, Oakland, San Francisco...v.v.

Đặc biệt có sự tham dự của Ông Phạm Thái đại diện Tây Ninh Đồng Hương Hội Nam California. Các cơ quan truyền thông báo chí có Ông Hoàng Hoa Sài Gòn Film, Đài Truyền Hình Việt Today, nhà báo Phạm Lễ CM Magazine, phóng viên Nghệ Lữ, nhật báo Cali Today, Nàng Thế Kỷ, Tin Việt News, Báo Thăng Bờm...v.v.

Sau lễ chào cờ khai mạc, Ban Tổ Chức ngỏ lời chào mừng đồng hương và quan khách. Trình bày mục đích của buổi họp mặt. Sau đó một Chủ Tọa Đoàn đã được bầu lên gồm có: Ông Nguyễn Ngọc Dũ, Ông Trần Minh Quan, Ông Trần Văn Sung, cô Trương Thị Vân Lan, Ông Nguyễn Đăng Khích. Tiếp theo là việc đề cử nhân sự vào Ban Chấp Hành. Có quý ông Trần Minh Khiết, Ông Nguyễn Cười, Ông Duy Văn, Ông Nguyễn Thành Hưng...và nhiều

vị lão thành được đề cử, nhưng vì bận rộn và tuổi cao sức yếu nhiều vị đã không thể đảm đương công việc. Cuộc bầu phiếu diễn ra vui vẻ, thẳng thắn: Đồng hương tham dự bắt đầu cuộc bầu cử theo lối phổ thông và trực tiếp. Sau nhiều lần trình bày, thảo luận, bầu phiếu, đếm phiếu. Ban Tổ Chức đã chọn ra được một Ban Chấp Hành với thành phần như sau:

Hội trưởng: Nha sĩ Trần Minh Khiết

Phó Hội trưởng: Ông Nguyễn Thành Hưng, Ông Duy Văn,
Cô Trương Vân Lan

Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Đăng Khích

Thủ Quỹ: Nha sĩ Tô Mỹ Huệ

Ban Giám Sát: Nha sĩ Nguyễn Hữu Tường và Ông
Minh Đức Nguyễn Văn Phép.



Ban Tổ chức cũng đọc lên những lá thư chào mừng của đồng hương, quan khách không thể đến dự: Lá thư của ông

Trịnh Quốc Thế từ Texas, lá thư của ông Từ Hiếu Côn, Gò Dầu, chủ hãng lịch Hương Quê, lá thư của ông Chu Tấn, Hội Nhân Sĩ đã đến và phục vụ tại Tây Ninh 6 lần...v.v. Những lá thư tràn đầy tình cảm thân yêu.

Chủ Tọa Đoàn hoàn tất nhiệm vụ, Tân Hội Trưởng Trần Minh Khiết và thành phần nhân sự của ban Chấp Hành lên chào mừng và trình diện đồng hương. Ông Trần Minh Khiết ngỏ lời chào mừng và nhận nhiệm vụ đồng hương giao phó.



Trong diễn từ chào mừng ông cho biết ông được tín nhiệm giao cho trọng trách, nhưng từ bấy lâu nay ông chỉ là một người yểm trợ các hoạt động chưa bao giờ có kinh nghiệm làm việc cộng đồng. Xin bà con giúp đỡ và cùng làm việc để mỗi ngày hội sẽ phát triển nhiều hơn. Ông cũng cho biết sẽ cố gắng chu toàn trách nhiệm, sẽ cố gắng tổ chức nhiều cuộc họp mặt đồng hương để tình đồng hương càng ngày càng nảy nở hơn. Sẽ tham dự các sinh hoạt với các

hội đoàn bạn trong các công tác cộng đồng...v.v.

Sau cuộc bầu cử là phần tiệc mừng họp mặt và văn nghệ giúp vui.

Như bao nhiêu cuộc họp mặt của đồng hương, buổi họp mặt của Tây Ninh cũng diễn ra vui vẻ, náo nhiệt và đầm thắm. Những ca khúc về vùng đất “nắng cháy da người...” do người Tây Ninh sáng tác được hát lên như “ Tây Ninh Quê Mẹ” và “ Chuyến Xe Tây Ninh” của nhạc sĩ Duy Văn được hát lên trong ngày Xuân với nỗi nhớ miên man vô tận. Tha La Xóm Đạo, những con đường rợp bóng tre, những vườn tằm vông đất Trảng Bàng...ruộng lúa Thanh Điền nằm hiền hòa bên dòng Vàm Cỏ Đông...là những kỷ niệm khó quên.

Lần đầu tiên họp mặt có nhiều xúc động kể sao cho hết! Đồng hương cùng tỉnh, cùng quê, cùng trường nhưng chưa bao giờ gần gũi để biết nhau. Ông Phạm Bằng Tường đã gặp ông Dương Quốc Dân trong xúc động. Ông Dương Quốc Dân là học trò cũ của thân phụ ông Phạm Bằng Tường tại trường Lê Văn Trung. Hai người gặp nhau với biết bao kỷ niệm. Họ kể lại cho nhau nghe những chuyện đã xảy ra hơn nửa thế kỷ trước khi còn là học sinh trung học. Chuyện thầy trò, chuyện học sinh, về ngôi trường cũ. Ông Trần Văn Sung sinh ra tại Tây Ninh, sống và lớn lên ở Sài Gòn nghe nhắc đến những địa danh, những vùng đất ông chưa đặt chân tới.

Có người bùi ngùi nói, thành lập Tây Ninh Đồng Hương Hội sau bao nhiêu năm sinh sống tại vùng này là việc quá trễ, nhưng trễ còn hơn không. Hội sẽ là sợi dây nối kết tình làng nghĩa xóm, Cho cháu con nhớ đến quê hương.

Buổi họp mặt kéo dài đến 3:00pm, sau lời cảm tạ của Ban Tổ Chức mọi người quyến luyến chia tay.

Tưởng cũng nên biết thêm, Tây Ninh là một tỉnh ở miền Đông Nam Phần, cách Sài Gòn khoảng 100 km theo đường quốc lộ 1.

Theo sách vở và tài liệu về còn lưu trữ, vùng đất Tây Ninh từ thời xưa vốn là một vùng đất thuộc Thủy Chân Lạp, tên là Romdum Ray, có nghĩa là “Chuồng Voi” vì nơi đây chỉ có rừng rậm với muôn thú dữ như cọp, voi, beo, rắn.... Những người dân ở đây sống rất thiếu thốn, cơ cực cho đến khi người Việt đến khai hoang thì vùng đất này mới trở nên phát triển.

Năm 1802, vua Gia Long lên ngôi, đồng thời đổi tên phủ Gia Định thành trấn Gia Định.

Năm 1808, trấn Gia Định đổi lại đổi là thành Gia Định, gồm có 5 trấn là Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên.

Năm 1832, vua Minh Mạng tiếp tục tổ chức ở Gia Định, từ 5 trấn chia thành 6 tỉnh gồm có Phiên An (Gia Định), Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Lúc bấy giờ, vùng đất Tây Ninh thuộc Phiên An.

Năm 1838, vua Minh Mạng đổi Phiên An thành là tỉnh Gia Định gồm có 3 phủ, 7 huyện. Các phủ là Phủ Tân Bình có 3 huyện, Phủ Tân An có 2 huyện, Phủ Tây Ninh có 2 huyện là: huyện Tân Ninh và huyện Quang Hóa.

Huyện Tân Ninh: phía Bắc giáp Cao Miên (núi Chiêng, tức

núi Bà Đen), phía Đông giáp huyện Bình Long phủ Tân Bình, phía Nam giáp huyện Bình Dương phủ Tân Bình và huyện Cửu An phủ Tân An, nguyên là đạo Quang Phong.

Năm Minh Mạng thứ 19 (1838), bỏ đạo lập phủ với tên gọi phủ Tây Ninh, quản lý 2 huyện (với 7 tổng có 56 làng xã), theo Đại Nam nhất thống chí: Tân Ninh còn tiếp giáp với cả huyện Kiến Hưng phủ Kiến An tỉnh Định Tường nhà Nguyễn, vốn chỉ nằm bên bờ Tây sông Vàm Cỏ Tây.

Năm 1890, sau khi lập Liên bang Đông Dương, người Pháp cắt một phần đất hạt Tây Ninh (hạt Tây Ninh nguyên là toàn bộ phủ Tây Ninh) là phần đất dọc theo rạch Ngã Bát cho Campuchia thuộc Pháp, trong đó có lẽ gồm cả phần đất tỉnh Svay Rieng (tức Soài Riêng). Các bản đồ của người Pháp xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, vẽ với kỹ thuật Tây phương khá chính xác, vào các năm 1872 và 1886 (trước khi thành lập Liên bang Đông Dương năm 1887) đều vẽ “vùng lồi” Svay Rieng thuộc đất Nam Kỳ (Cochinchine).

Huyện Quang Hóa, phía Bắc và Đông giáp huyện Tân Ninh, phía Nam giáp huyện Cửu An phủ Tân An, phía Tây giáp huyện Kiến Hưng phủ Kiến An tỉnh Định Tường. Huyện lỵ ở thôn Cẩm Giang sau chuyển sang thôn Long Giang, có 4 tổng Hàm Ninh Hạ, Mộc Hóa, Giải Hóa, Mỹ Ninh, có 32 làng xã. (Đất huyện Quang Hóa phủ Tây Ninh nhà Nguyễn nay có thể là địa phận các vùng đất phía Nam tỉnh Tây Ninh như Bến Cầu, Gò Dầu, Trảng Bàng, các huyện Đông Bắc tỉnh Long An như Đức Huệ, Hậu Nghĩa, Mộc Hóa, và phần phía Nam của tỉnh Svay Riêng Campuchia.

Theo Đại Nam Thực Lục thì vào khoảng năm 1845, Cao Hữu Dực (quyền Tuyên phủ sứ Tây Ninh) cho chiêu mộ dân trong phủ Tây Ninh lập ra 26 làng: Tiên Thuận, Phúc Hưng, Phúc Bình, Vĩnh Tuy, Phúc Mỹ, Long Thịnh, Long Khánh, Long Giang, Long Thái, An Thịnh, Khang Ninh, Vĩnh An, An Hòa, Gia Bình, Long Bình, Hòa Bình, Long Định, Phú Thịnh, Thái Định, Hòa Thuận, An Thường, Thuận Lý, Thiên Thiện, Hương Hóa, Định Thái, Định Bình, đều thuộc phủ Tây Ninh. Vua Thiệu Trị phê chuẩn quyết định này.

Năm 1861, Sau khi thực dân Pháp chiếm Tây Ninh, sau nhiều lần thay đổi, năm 1897 Tây Ninh gồm có 2 quận là Thái Bình, Trảng Bàng, trong đó có 10 tổng, 50 làng.

Ngày 1 tháng 1 năm 1900, Toàn quyền Paul Doumer cho áp dụng nghị định ký ngày 20 tháng 12 năm 1899 đổi các khu tham biện (inspections) là tỉnh (province). Thời Pháp thuộc, Nam Kỳ được chia làm 20 tỉnh để cai trị và sau đó Cap St. Jacques (Vũng Tàu) tách ra thành tỉnh thứ 21. Tây Ninh lúc đó là tỉnh thứ 12.

Gia, Châu, Hà, Rạch, Trà

Sa, Bến, Long, Tân, Sóc

Thủ, Tây, Biên, Mỹ, Bà.

Chợ, Vĩnh, Gò, Cần, Bạc và Cáp (Vũng Tàu)

Ngày 9 tháng 12 năm 1942, Thống đốc Nam kỳ ban hành Nghị định 8345 ấn định ranh giới Tây Ninh. Năm 1950, cắt một phần đất của Thái Hiệp Thạnh cũ thành lập thị xã Tây Ninh. Năm 1957, Tây Ninh chia thành 3 quận gồm có Châu Thành, Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng. Năm 1963, tỉnh

Tây Ninh thêm 4 quận là quận Phú Khương, Phước Ninh, Hiếu Thiện, Khiêm Hanh.

Tây Ninh nổi tiếng với những phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ. Núi Bà Đen cao 986m là ngọn núi cao nhất miền Nam Việt Nam và là nơi có nhiều truyền thuyết nổi tiếng, ở đây có động Kim Quang và một ngôi chùa cùng tên. Tây Ninh là thánh địa của đạo Cao Đài với Tòa Thánh Tây Ninh nguy nga, tráng lệ. Ngoài ra còn có đạo Phật, đạo Kitô, đạo Hồi và nhiều đạo khác.

Núi Bà đẹp như một bức tranh sơn thủy hữu tình. Trông xa xa, ngọn núi như chiếc nón lá nằm úp giữa vùng đồng bằng trù phú với những cánh đồng lúa xanh bát ngát, cây cối tươi tốt quanh năm. Núi Bà trải rộng 24km², gồm 3 ngọn núi là núi Bà Đen, núi Phụng và núi Heo, trong đó cao nhất là núi Bà Đen. Nói đến núi Bà, có Điện Bà, tức là chùa Linh Sơn Tiên Thạch Tự. Điện Bà ở lưng chừng núi với hai ngôi chùa là chùa Thượng và chùa Hang.

Ngọn núi này thu hút khách thập phương vì cảnh núi trời hùng vĩ, nhiều hang động, nhiều ngôi chùa linh thiêng vốn là nơi ẩn cư của nhiều sư sãi. Trên núi có một số hang động được làm nơi thờ tự như động Thanh Long, động Ông Hồ, động Ba Cô, động Ba Tuần, động Thiên Thai, động Ông Tà... Với chiều cao 986m so với mực nước biển, ngọn núi Bà Đen được mệnh danh là “nóc nhà” Đông Nam Phần.

Theo các vị bô lão truyền miệng trong dân gian thì ngày xưa, núi Bà Đen có tên gọi là Núi Một. Trên đó có một tượng Phật bằng đá, rất linh thiêng. Dân chúng chặt cây lá dọn đường lên núi cúng Phật. Người lên núi thường phải

đi từng đoàn, vì dọc đường có rất nhiều beo cọp. Có một người con gái tên là Lý Thị Thiên Hương, ở Trảng Bàn văn hay võ giỏi. Vào mỗi ngày rằm cô hay lên núi lễ Phật. Trong làng, có chàng trai tên là Lê Sĩ Triệt để ý cô, đem lòng thương mến.

Vì thấy cô có nhan sắc, một ông quan định dùng võ lực bắt cô đem về làm thiếp. Ông cho một thầy võ thi hành kế gian. Khi cô Lý bị thầy võ kia đánh bại, sắp gặp nạn, thì Lê Sĩ Triệt cứu thoát. Về nhà, cô thuật chuyện lại, được cha mẹ đồng ý, trai tài gái sắc yêu nhau, cha mẹ gả cô cho chàng trai họ Lê. Lúc bấy giờ, Võ Tánh đang chiêu binh, Lê Sĩ Triệt ra tòng quân. Lý Thị Thiên Hương ở nhà chờ chồng. Một hôm, cô đang lễ Phật trên núi thì gặp một bọn cướp đến cướp chùa, thấy người con gái đẹp vây bắt. Cô đánh đuổi bọn cướp, nhưng thế cô, mở vòng vây chạy thoát vào rừng rồi mất tích.

Trên chùa, vị hoà thượng trụ trì một ngày kia đang tụng kinh, bỗng thấy một người con gái mặt đen nhưng xinh đẹp hiện ra nói: “Ta đây họ Lý, khi 18 tuổi bị rượt nên té xuống hố chết. Nay ta đã đắc quả, xin Hoà Thượng xuống thiên núi phía Đông Nam tìm thi hài ta mà chôn cất dùm”. Vị hoà thượng này y lời, đi tìm xác cô, đã chết lâu ngày nắng thiêu đốt thành màu đen nhưng không tan rã, bèn đem về chôn cất sau chùa. Lý Thị Thiên Hương rất linh hiển, ai cầu chi được nấy. Dân chúng quanh vùng tấp nập đến cầu xin. Từ đấy, ngọn núi được dân chúng truyền tụng là Núi Bà Đen (kính trọng gọi là Núi Bà).

Câu chuyện ra tới tai Tả Quân Lê Văn Duyệt. Ông bèn lên núi tìm hiểu, và hứa dâng sớ về triều phong chức cho

cô gái họ Lý này, nếu cô linh hiển cho ông thấy tận mắt Cô bèn nhập vào xác một người con gái, nói rằng: “Hồn của thượng quan sau này sẽ được chức thần kỳ vinh hiển, nhưng xác của thượng quan sẽ bị hành hạ”. Lê Văn Duyệt nói: “Bốn chức không cầu xin cho biết tương lai mình, mà chỉ muốn biết rõ căn nguyên của nàng”. Cô gái rơi nước mắt, kể lại câu chuyện chết oan ức của mình, và nhắc lại duyên nợ tiền định với chàng Lê Sĩ Triệt.

Theo lời kể, sau khi thành Bình Định thất thủ, Võ Tánh tự hoả thiêu, chồng nàng đã thác, còn nàng chết trở thành tiên thánh, xuống cõi trần thế để cứu nhân độ thế. Lê Văn Duyệt dâng sớ, phong cho cô Lý thị Thiên Hương “Linh Sơn Thánh Mẫu”, ngự ở Núi Một, tức là núi Bà Đen ngày nay. Núi Bà Đen nổi danh linh hiển, kỳ bí, nhiều phép lạ, khó ai giải thích được.

Ngoài ra, Tây Ninh nổi tiếng với các loại sản vật:

Bánh Tráng nướng phơi sương: Sản vật độc đáo của Trảng Bàng. Loại sản phẩm này ngày nay được sản xuất theo lối công nghiệp, là loại bánh tráng hai lớp, nướng và phơi sương, màu trắng ngà. Để làm ra Bánh Tráng phơi sương phải tốn nhiều công phu và khá cầu kỳ.

Bánh Canh: Bánh Canh Trảng Bàng là thức ăn nổi tiếng của Tây Ninh có từ rất lâu đời. Nó đã trở thành một sản phẩm nổi tiếng, Trảng Bàng là điểm dừng chân của du khách. Sợi bánh canh ở đây làm từ gạo ngon vừa dai, vừa thơm lại mềm mượt. Nước lèo ngọt mùi xương và cộng với gia vị tạo thành vị thanh nhẹ. Ngoài ra, những thành phần khác như rau sống, giá, ớt tươi, chanh...đặc biệt thịt heo

cuốn với Bánh Tráng nướng phơi sương và 2 loại rau độc đáo: Cần nước và rau Vỵ làm món ăn trở thành độc nhất vô nhị không nơi nào có. Tất cả hòa quyện với nhau cho ra món ăn tuyệt vời.

Muối tôm: là một món ăn khác rất nổi tiếng của Tây Ninh. Trong muối có trộn tôm khô rang chín, giã nhỏ; chấm trái cây cóc, xoài, me, ổi... với muối Tôm Tây Ninh thì khó có thể quên được hương vị. Muối có thể để được lâu, trong hộp hay túi, bọc ni-lông được bày bán làm quà cho du khách.

Muối tôm không chỉ gồm muối và tôm, làm cũng mất nhiều thời gian và công sức nên muối khá đắt. Trong muối có tôm, thịt, tỏi, cải đỏ, muối, ớt, bột nêm... rồi cho vào xay đều, rang và phơi cho muối dậy mùi thơm. Tên thì như vậy “Muối”, nhưng muối tôm lại phân thành vô số các loại với mùi vị và cảm nhận rất khác khi ăn. Muối tôm Tây Ninh gồm nhiều thành phần và công đoạn làm khá phức tạp nên giá cao hơn so với các loại muối bình thường.

Mãng cầu Bà Đen: Trồng tại khu vực gần núi Bà Đen của Tây Ninh.

Bánh tráng trộn là món hấp dẫn khác. Bánh tráng me với những bịch mắm me, hành phi thơm lừng, đậu phộng, muối ớt dành cho người thích tiện lợi cũng hấp dẫn lắm. Chỉ một bịch với các thành phần chuẩn bị sẵn, người ăn cứ thế trộn lẫn các gói gia vị, làm thành nước chấm cay, ngọt ngọt, chua chua để chấm chung với bánh tráng dẻo và dai, ngon khó tả.

Ốc Xu sống trên núi Bà có hình dáng gần giống loài ốc bươu nhưng mình dẹt và nhỏ hơn. Người dân ở đây cho rằng, ốc này ăn vào không những ngon vì thịt dai mà còn có tác dụng chữa nhức mỏi. Ốc Xu ăn luộc hoặc hấp là ngon nhất, giữ nguyên hương vị nhất.

Người ta nói, đơn giản là ốc xu luộc với sả hoặc hấp gừng, ăn dai và giòn. Đặc biệt, khác với nhiều loại ốc chấm mắm, ốc xu ăn với muối tiêu chanh mới đúng vị. Nếu thích đậm đà và lạ miệng hơn, có thể dùng ốc trộn gỏi, xào me, xào tỏi, xào sa tế...

Nem bưởi: Món nem (ăn chay và ăn mặn đều dùng được) là một trong những “món ngon vật lạ” của đất Tây Ninh. Nem bưởi dễ ăn và tiện lợi. Chua chua, mặn mặn, ngọt ngọt, cay ớt và tiêu và mùi đặc biệt khó lẫn vào đâu đã làm nên “tiếng tăm” của nem bưởi.

Người Tây Ninh tài tình lắm khi loại bỏ được vị đắng của vỏ bưởi và biến nó thành thứ đồ ăn phổ biến. Nhìn những chiếc nem màu tươi rói, được gói như nem thịt hẳn nhiều người sẽ ngạc nhiên lắm khi biết thành phần của nó. Nguyên liệu chính của món này là vỏ bưởi và đu đủ xanh bào phơi khô trộn với nhiều vị như khế chua, ớt hiểm, tiêu, lá vong nem, chùm ruột, lá chuối.

Kể về Tây Ninh biết bao giờ mới cho hết chuyện? Năm mới Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc Cali vừa thành hình. Chúc bà con càng ngày càng đông, càng vui nhiều và nhắc cho con cháu biết nơi đó ông bà cha mẹ đã ra đi.

VÀI HÌNH ẢNH BUỔI HỌP MẶT





WON THƠ BAN ĐỌC

MƯỜI NĂM TRÔI DẠT

Đã mười năm qua
Sống xa nhà xa mẹ
Trôi dạt phương trời
Viễn xứ lênh đênh

Đêm Tây Ninh, rừng Dương Minh Châu buồn tủi
Kiếp đọa dày lấm lủi đốt than
Mượn tình thương qua thú đi hoang
Xuân nhớ mẹ mang mang niềm quốc hận

Rồi xuôi ngược miền trung nghĩa nặng
Thuận Hải chiều buồn nhìn sóng bạc đầu dâng
Như tóc mẹ trắng ngần trong chờ đợi
Mười năm chẵn chân lê trên đất lạ

Phú Quốc trời buồn từng đợt sóng đưa mây
Sáng sớm Bình Tuy, chiều lại Dầu Giây
Chuyến xe nhỏ bỏ lại đây bao niềm nhớ
Minh Hải, Cần Thơ, Long Xuyên, Chợ Mới
Đất hữu tình ươm ngọn lửa tình yêu
Châu Đốc, kiên Giang vùng đất phì nhiêu
Đang sừng sững với trăm chiều sóng gió
Ở nơi đây cùng ai nhiều gian khó
Suốt một phần đời gắn bó kỷ niệm xưa

Đêm ba mươi sáng mồng một tiễn đưa
Đôi mắt ấy giữa Tết trưa hoen dòng lệ

Lên xe đi ai bù ngùi bảo thế?
Chỉ giọt nước mắt buồn làm bằng chứng tình yêu
Giã từ nhau xuôi về tận miền cao
Đắc Lắc, Di Linh năm tháng sầu đất đỏ
Con đường bụi đưa nhau vào trăm ngõ
Trở lại Tây Ninh đời lấm phong trần
Xin gửi nhau lời xúc động phân vân
Những quá khứ hiến dâng cho hiện tại

Mười năm qua, bỗng thành người điên dại
Sự chờ trông khoắc khoải nỗi yêu đương
Suốt mười năm năm, tủi nhục đau thương
Xin chia sẻ kiếp tha phương lãng tử.

Duy Văn

ĐẠO TÂM

Đạo tâm vững chí đắc như tâm,
Thánh Thất Cao đài giáo lý thâm,
Bể Thánh rừng Nhu khuyên gắng học,
Lòng nhân núi Đức độ mê lầm.
Từ Bi Bồ Tát thương trần thế,
Cứu khổ phò nguy ẩn hiện thâm.
Tín hữu đồng môn gương cảm hoá,
Lòng son thờ Mẹ bóng quang âm.

Mai Xuân Thanh
13-3-2014

ƯỚC MUỐN

Phan Thị Sáu

Tôi chỉ muốn làm một tín đồ thuần túy,
Của Quốc Đạo Cao Đài Phổ Độ mà thôi.
Muốn điểm tô và tô điểm đắp bồi
Cho nền Đạo được sáng ngời chân lý.

Muốn muốn lắm cho nhân sanh chung một ý,
Biết thương yêu hòa thuận chẳng tị hiềm.
Muốn cuộc đời này sóng lặng gió êm,
Cho nhen loại bình yên và tu niệm.

Muốn làm sao cho nhen sanh phát nguyện,
Suốt cuộc đời làm việc thiện mà thôi.
Tham, sân si tam độc ở trong người,
Thề bứng bỏ cho rồi không còn nữa.

Hỉ, lạc, ái tam lành nên giữ chừa,
Tâm từ bi bác ái mở rộng hoài.
Thương thật nhiều chẳng phân biệt là ai
Bởi nguyên thủy muôn loài cùng một gốc.

Vì tà kiến, si mê và ngu ngốc,
Nên biệt phân và phân biệt cứ hận thù.
Làm cho người đau khổ đến thiên thu
Nay gặp Đạo mau Tu cho kịp lúc.

Đại Từ Phụ đáng Toàn Năng Toàn Lực
Ban hồng ân trợ sức kẻ tâm thành.
Người tu là ghét bỏ chữ lợi danh

Đem chí cả làm việc lành việc thiện.

Hạnh khiêm nhường không khoe khoang bày biện,
Tự hạ mình cho thiên hạ lên cao.

Đức kiên trì cương quyết cứ dõng trao
Lòng thanh tịnh không xông xáo hấp tấp.

Chữ kinh kệ mở chuông lo luyện tập
Sáng với chiều mau gặp nẻo huyên thắm.
Việc đạo mầu thành đạt gốc tại tâm
Tâm là chủ đừng kiếm tìm đâu cả.

Tâm chánh định không bao giờ nghiêng ngã
Sẽ có ngày Đạo cả được đắc thành.
Tâm từ bi không thù hận ghét ganh,
Thương tất cả chúng sanh và vạn vật.

Dù không được quả vị ngôi Thiên Phật,
Cũng Thánh Thần bậc hiền đức mai sau.
Cái tâm kia nó mầu nhiệm thế nào,
Tiên với Tục, Thánh phàm đều do nó.

Chữ siêu đọa giàu nghèo và phước họa,
Cũng do tâm nó tạo tác đổi dời.
Tâm chính là họa sĩ khéo người ơi,
Phải chủ nó mới là người tu niệm.

Còn ngoại cảnh thì thường hay biến đổi,
Chẳng có gì là vĩnh viễn chắc bền.
Làm thế nào cho tâm ý tự nhiên
Khỏi chao đảo ngã nghiêng vì ngoại cảnh.

Chỗ náo nhiệt tranh đua nên xa lánh,

Xét tận xùg đời chẳng có gì vui
Cái vui này chỉ vui tạm mà thôi,
Vui vì Đạo mới là vui thật sự.

Vui vì sẽ xa lìa vòng sanh tử,
Bịnh với già những sự khổ trên đời.
Kiếp con người ngắn ngủi lắm ai ơi,
Mau thức tỉnh đừng vui chơi sa đọa.

Chi cho bằng ta tìm đường công quả,
Học Đạo mầu đem chí cả giúp đời.
Tam lập kia sư phụ đã dạy rồi,
Tuy hoàn cảnh mỗi người xây sự nghiệp.

Nghiệp trần thế là vòng dây oan nghiệt,
Nghiệp thiêng liêng muôn kiếp hưởng thanh nhàn.
Mang xác phàm sớm muộn cũng hoại tan,
Điểm linh tánh Trời ban là bất diệt.

Làm con người khôn ngoan phải hiểu biết,
Hễ hữu hình hữu diệt chẳng còn đâu.
Còn vô vi thì mầu nhiệm cao sâu,
Tuy không thấy nhưng ở đâu cũng có.

Nếu đạt Đạo thì việc gì cũng rõ,
Còn lưng chừng ắt sẽ khó trông nhìn.
Đời hạ nguơn mặt pháp đạo nghiêng chình,
Nên lắm chuyện phê bình và dèm siếm.

Tà hơn chánh đó vẫn là thường chuyển,
Phải đại hùng đại lực để vượt qua.
Ấy cũng vì công nghiệp của chúng ta,

Nên mới có hội Long hoa khai mở.

Được hạnh ngộ Tam kỳ cơ Phổ Độ

Phải gắng tâm trì chí chớ sụt sè.

Lòng chân thành cầu nguyện khắp chơ quê,

Mau thức tỉnh quay về đường Chánh Đạo.

Họa binh lửa khắp nơi đang huyên náo,

Từ Á Âu Nam Bắc chí Đông Tây

Sẽ nổ bùng chắc chắn sắp tới đây,

Cần chứa Đức sâu dày thì mới khỏi.

Còn nhiều chuyện đời chưa thể nói,

Bao sách kinh cho biết đã lâu rồi.

Ách nước tai Trời thảm họa khắp nơi,

Cơ sàng sãi để lập đời Thánh Đức.

Ôi nhơn loại đang đứng trên thêm bực,

Của hố sâu hủy diệt để lập đời.

Kẻ bạo tàn xảo mị xác nội trôi,

Cho điều quạ làm mỗi nơi sông biển.

Người hiền đức hễ biết đường tu niệm,

Được yên bình nhờ Thần Thánh hộ che.

Việc tu hành thiên hạ chẳng thích nghe,

Việc cờ bạc rượu chè hay thích mến.

Bởi danh lợi, bởi bạc tiền rù quến,

Nên nhơn sanh cứ say đắm miệt mài.

Lời Phật Trời dạy bảo gát ngoài tai,

Lời Thần Thánh đều chê bai biếm nhẽ.

Chừng gặp nạn lại kêu cha kêu mẹ

Kêu Phật Trời thì đã muôn màng rồi.
Nếu buổi đầu mình sớm biết nghe lời,
Khi gặp nạn Phật Trời đâu có bỏ.

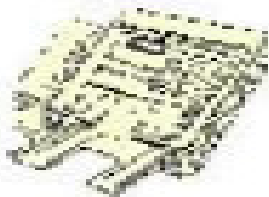
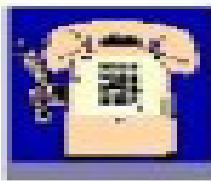
Lời chân thành thiết tha yêu quý Đạo,
Viết đôi câu cùng đồng đạo xa gần.
Như bạn hiền chỉ dạy ngững cao thâm,
Để khuya sớm trì tâm cơ mầu nhiệm
Trước cầu nguyện Chí Tôn là cha cả,
Ban pháp lành giảm tai họa nhưn sanh.
Giúp mọi người biết nhìn lại em anh,
Không thù hận ghét ganh và tranh đấu.

Con cúi lạy Đại Từ Bi, Từ Mẫu,
Dùng huyền vi thâm diệu cứu con khờ.
Ban phép mầu cho tất cả trẻ thơ,
Mau tỉnh ngộ để qua bờ khổ hải.

Nơi Chánh điện con dập đầu cúi lạy,
Phật Thánh Tiên đấng quảng đại thần thông.
Giúp nhưn sanh thoát khỏi cảnh máu hồng,
Và độ rồi đến Đại Đồng Bác Ái.

Houston, ngày 9-9-2013

Phan Thị Sáu



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr.,
San Jose , CA 95121-1716.

1- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone: (408) 238-6547.
Email: dutani@comcast.net

2- HTDP. Trịnh Ngọc Túy, Phone: (281) 489-2945.
Email: tuy_nguyen66@yahoo.com

3- HTDP. Ngô Thiện Đức, Phone: (714) 636-3582.
Email: thienduc00@yahoo.com

II- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 926-9186.
Email: tnnk4@gmail.com

III- Ban Thế Đạo Nam California:

HT. Bùi Văn Nho, Phone: (951) 710-7766.
Email: caoninh12@yahoo.com

IV- Ban Thế Đạo Texas:

HT. Trịnh Quốc Thế, Phone: (281) 489-1770.
Email: theqtrinh@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Bùi Đông Phương, Phone: 61-2-8798-0276

VI-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang WA & bang OR:

HTDP. Trần Trung Dung, Phone: (253) 709-6427
Email: tranyoung7@yahoo.com

VII-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang LA:

HT. Trần Huyền Quang, Phone: (504) 347-9326

VIII-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP. Nguyễn Chí Hiền, Phone: 33-1-4852-6017.

IX-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Canada.

HT Nguyễn Tấn Phát, Phone: 519-743-8996.

Liên Lạc Tập San Thế Đạo

***- Yểm Trợ**

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ
xin vui lòng liên lạc:

**Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr**

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547. Email: dutani@comcast.net

***- Nhận Kinh Sách**

Xin vui lòng liên lạc:

HT. Nguyễn Đăng Khích

Phone: 408-926-9186, Email: tnndk4@gmail.com

Tóm Lược Hội Tương Tế Cao Đài

(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT ngày 25-12-2002)

A-Mục đích, ý nghĩa việc thành lập

*-Thể hiện và vun bồi “tình tương thân tương ái” giữa người tín đồ Cao Đài.

*- Phát huy tinh thần “Từ Bi, Công Bình, Bác Ái” của Đạo Cao Đài trên căn bản Tinh hoa Tam giáo.

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài:

*- Không phân biệt sức khỏe, tuổi tác đối với người xin gia nhập.

*- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.

*-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.

*-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 tuổi trở lên hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của Cha Mẹ hoặc của người Giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung. Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là

(15) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và
(07) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liêm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

E- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị)

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu.

F- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài,
14411 Buckner Dr, San Jose, CA 95127

H- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc:

*- **Nguyễn Sam** - Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.,
Phone : (408) 759-9339 (Cell)
E-mail: hadinhhuynh2003@yahoo.com

*- **Dương Văn Ngừa** - Trưởng Ban Điều Hành
14411 Buckner Dr, San Jose, CA. 95127
Phone : (408) 923-1052 (H) & (408) 772-0989 (Cell).
Email: datthong2005@yahoo.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾT



**Cố Phối sư Thượng Nhã Thanh
(Thế danh Nguyễn Văn Nhã)
Cựu Quyền Thượng Chánh Phối Sư.
(1927- 2/2014)**

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau buồn và thương tiếc nhận được tin buồn:

Cựu Qu. Thượng Chánh Phối sư
THƯỢNG NHÃ THANH
(Thế danh Nguyễn Văn Nhã)

Đã qui vị vào lúc 20.00 giờ ngày 27 tháng 2 năm 2014 (nhằm ngày 28 tháng 1 năm Giáp Ngọ) tại tư gia thuộc phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Hưởng thọ 88 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Đại Huynh cố cựu Quyền Thượng Chánh Phối Sư Thượng Nhã Thanh (thế danh Nguyễn Văn Nhã) cao thăng Thiên vị.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Bắc CA, Ban Thế Đạo Nam CA
Ban Thế Đạo Texas & Ban Thế Đạo Úc Châu
Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo tại các bang tại Hoa Kỳ,
tại Canada và tại Pháp.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau buồn và thương tiếc nhận được tin buồn:

Cựu Qu. Thượng Chánh Phối sư
THƯỢNG NHÃ THANH
(Thế danh Nguyễn Văn Nhã)

Đã qui vị vào lúc 20.00 giờ ngày 27 tháng 2 năm 2014 (nhằm ngày 28 tháng 1 năm Giáp Ngọ) tại tư gia thuộc phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Hưởng thọ 88 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Đại Huynh cố cựu Quyền Thượng Chánh Phối Sư Thượng Nhã Thanh (thế danh Nguyễn Văn Nhã) cao thăng Thiên vị.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

*- CTS Bùi Văn Sở, *- Nữ CTS Nguyễn Mỹ Điện & Chức Việc BTS cùng đồng đạo Thánh Thất Cao Đài Austin, TX, Hoa Kỳ.

*- Chức Sắc, Chức Việc , Đồng đạo Thánh Thất & ĐTPM Dallas-Fort Worth, TX

*- Chức Sắc, Chức Việc và đồng đạo Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu New Orleans, LA

*- Chức Sắc, Chức Việc và đồng đạo Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Houston (đường Synott) TX.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Phu quân của Hiền Tỷ Lê Kim Anh, Bào huynh của Hiền Huynh Đỗ Văn Dấu và cũng là Thân phụ của HTDP Đỗ Thanh Hải (Trợ lý Tổng Quản Nhiệm, thành viên Ban Dịch Thuật Ban Thế Đạo Hải Ngoại), là:

Cựu Chánh Trị Sự

Đỗ Danh Dự

Đã qui vị vào lúc 2.06 AM ngày 16 tháng 2 năm 2014 (nhằm ngày 17 tháng 1 năm Giáp Ngọ) tại San Jose, CA

Hưởng thọ 80 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Lê Kim Anh, Hiền Huynh Đỗ Văn Dấu, Hiền Diệt Đỗ Thanh Hải cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân độ rỗi cho hương linh cố cựu CTS Đỗ Danh Dự dục tấn trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.
Ban Thế Đạo Bắc CA, Ban Thế Đạo Nam CA
Ban Thế Đạo Texas & Ban Thế Đạo Úc Châu
Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo tại các bang tại Hoa Kỳ,
tại Canada và tại Pháp.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.

Hội Cựu Sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung.

PHÂN ƯU

Bàn Trị Sự Và đồng đạo Thánh Thất Cao Đài Austin - Texas được tin buồn và vô cùng thương tiếc :

Thân phụ của HTDP. Đỗ Thanh Hải, Hiệu Trưởng Trung Tâm Việt Ngữ Minh Đức Austin - Trưởng Ban Lễ Vụ Thánh Thất Cao Đài Austin, Texas Hoa Kỳ là :

CỰU CTS ĐỖ DANH DỰ (Đầu Hương Đạo San Jose, CA)

Đã qui vị vào lúc 2:06 ngày 17 tháng giêng năm Giáp Ngọ (dl 16-2-2014) tại tư gia, thành phố San Jose, CA - Hoa Kỳ

Hưởng thọ 80 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HĐ.HTDP Đỗ Thanh Hải và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn - Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi hương linh cựu CTS. ĐỖ DANH DỰ sớm trở về nơi cõi Thiêng Liêng hằng sống .

THÀNH-KÍNH PHÂN ƯU

*- CTS Bùi Văn Sở

*- Nữ CTS Nguyễn Mỹ-Diện &

Chúc việc BTS cùng đồng Đạo Thánh Thất Cao Đài Austin Texas - Hoa-Kỳ.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc được tin:

Hiền Huynh Cụu CTS Đỗ Danh Dự

Đã qui vị vào lúc 2:06 AM ngày 17 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (DL: 16-02-2014) tại tư gia, thành phố San Jose, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 80 tuổi.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Lê Kim Anh - Hiền Đệ Đỗ Thanh Hải cùng gia đình.

Nguyên cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi cho Hương Linh cố Cụu CTS. Đỗ Danh Dự được siêu thăng tịnh độ và sớm trở về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

**BÀN TRỊ SỰ VÀ ĐỒNG ĐẠO
THÁNH THẤT & ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU
CAO ĐÀI WICHITA, KANSAS**

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Phu quân của Hiền Tỷ Nguyễn Thị Sâm, Bào huynh của Hiền Huynh Phạm Văn Duy và cũng là thân phụ của Hiền Điệt Phạm Văn Huấn là:

Đạo hữu **PHẠM VĂN GIÁO**

Đã qui vị vào lúc 4 giờ 45 sáng ngày 5 tháng 3 năm 2014 (nhằm ngày 5 tháng 2 năm Giáp Ngọ) tại bệnh viện Huntington Beach, bang CA Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Nguyễn Thị Sâm, Hiền Huynh Phạm Văn Duy, Hiền Điệt Phạm Văn Huấn và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu Phạm Văn Giáo được sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

Cựu sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung

Tây Ninh Đồng Hương Hội

Thông gia: Nguyễn Văn Dân & Phan Phú Nghiệp và gia đình.

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:



Đạo hữu

PHẠM VĂN GIÁO

Cựu Đại Úy Chi Khu Hiếu Thiện
(nay là Huyện Gò Dầu - Tỉnh Tây Ninh)

Đã qui vị vào lúc 4 giờ 45 sáng ngày 5 tháng 3 năm 2014 (nhằm ngày 5 tháng 2 năm Giáp Ngọ) tại bệnh viện Huntington Beach, bang CA, Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Bà Quả phụ Phạm Văn Giáo nhũ danh Nguyễn Thị Sâm, gia đình cháu Trưởng Nam Phạm văn Huấn và tang gia hiếu quyến.

Nguyên cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh cố đạo hữu Phạm Văn Giáo được sớm trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Bàn Trị Sự Hương Đạo Atlanta Thánh Thất Cao Đài GA.

Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi thuộc Thánh Thất Cao Đài GA

Đại Đạo Thanh Niên Hội & Đồng đạo Thánh Thất GA

PHÂN ƯU



Chúng tôi vừa nhận được tin buồn :

Phu quân của bà NGUYỄN THỊ SÂM, Thân Phụ của
cựu Ủy Viên Kế Hoạch ĐĐTINH/GA PHẠM VĂN
HUẤN là:

Cố Đạo Hữu PHẠM VĂN GIÁO

Nguyên Sĩ~ Quan QLVNCH- Cựu Đại Ủy Trưởng Ban 2
Chi Khu Hiếu Thiện (nay là Huyện Gò Dầu) tỉnh Tây Ninh

Đã quy vị vào lúc 4:45 sáng Thứ Tư ngày 05 tháng 3 năm 2014 (nhằm ngày
mồng 5 tháng 2 năm Giáp Ngọ) tại Huntington Beach Hospital , Tiểu
bang CA, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 73 tuổi

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng Bà quả phụ PHẠM VĂN GIÁO
gia đình PHẠM VĂN HUẤN - NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH cùng tang
quyển và thành tâm cầu nguyện hương linh cố Đạo Hữu PHẠM VĂN
GIÁO được sớm trở về cõi THIÊN ĐƯỜNG HẠNG SỐNG

Gia đình các chiến hữu và thân hữu ở Georgia

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

- Hiền Huynh : PHẠM VĂN VÕ
- G/đ Ô.Bà : VĂN CÔNG CỘNG
- G/đ Ô.Bà : NGUYỄN HỮU TRƯỜNG
- G/đ Hiền Tỷ : NGUYỄN THỊ KỶ và PHẠM THANH TRÚC
- G/đ Hiền Tỷ : NGUYỄN THỊ NHUẬN
- Bà : NGUYỄN THỊ THI
- G/đ Ô.Bà : LARRY NGUYỄN (NGUYỄN KHÁNH HẢI)
- G/đ Ô.Bà : TRẦN QUANG SANG
- G/đ Ô.Bà : NGUYỄN VĂN CHUÔNG
- Hiền Huynh : HUỖNH LONG HÀ
- G/đ Hiền Tỷ : NGUYỄN THỊ HUYỀN
- G/đ Ô.Bà : NGUYỄN TRƯƠNG TUẤN PHƯƠNG
- G/đ Ô.Bà : LÊ NGỌC THẮNG
- G/đ Ô.Bà : NGUYỄN SƠN TRÀI

PHÂN ƯU

Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Canada, Ban Trị Sự Thánh Thất Cao Đài Kitchener, Ontario, Canada và Đồng Đạo, bạn hữu Kitchener, Guelph và từ các vùng phụ cận đã tham dự tang lễ:

Cố Chánh trị sự
NGUYỄN KIM ANH
(1932-2014)

Đã mãn phần lúc 10 giờ 30 phút sáng ngày 4 Jan 2014 (ngày 4 tháng Chạp -Quý Ty) tại Bệnh viện St.Mary's -Kitchener, Ontario, Canada.

Hưởng thọ 83 tuổi (al)

Nguyên quán quận Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện, là tín hữu rất tâm Đạo thuộc một gia đình đạo gốc, Hiền tử thường về tổ đình Toa Thánh Tây Ninh tình nguyện làm công quả.

Được công cử chức vụ Phó Trị Sự ngày 1 tháng 3 năm 1974 và tiếp tục lập công bồi đức với chức vụ Chánh trị sự cho đến ngày đi định cư tại Canada.

Chúng tôi vô cùng thương tiếc và thành thật phân ưu cùng tang-quyến. Hiệp tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ dẫn hương linh Cố Chánh Trị Sự NGUYỄN KIM ANH sớm được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống..

Trai hiền Rể thảo tròn ơn nặng
Gái hiếu Dâu lành vẹn nghĩa sâu.

Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại &
Tập San Thế Đạo
(Từ ngày 13-1-2014 đến ngày 20-4-2014)

STT	Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu	US\$
I- Yểm Trợ TSTĐ		
01	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	40.00
02	CTS Mai Văn Liêm, Arlington, TX	20.00
03	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	20.00
04	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	30.00
05	DLT Collision & Service, San Jose, CA	100.00
06	Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	20.00
07	Hồ Hữu Dũng, Portland, OR	50.00
08	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
09	HT Huỳnh Văn Bột, Russellville, KY	40.00
10	HT Lê Ngọc Biết, Houston, TX	50.00
11	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX	100.00
12	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA	20.00
13	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
17	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	30.00
18	HTDP Nguyễn Tấn Vũ, Houma, LA	100.00
19	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
20	Huỳnh Thị Bư, Forest Park, GA	50.00
21	Huỳnh Văn Bánh, Saint Paul, MN	20.00
22	Khiết Trần, San Jose, CA	200.00
23	Lê Văn Bé, Arlington, TX	20.00
24	Lê Văn Minh, Riverside, CA	50.00

25	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA	20.00
26	Lý Quang Tú, San Jose, CA.	20.00
27	Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, San Jose, CA.	100.00
28	Nguyễn Kim Mừng, Aurora, CO	60.00
29	Nguyễn Kim Quang, Anaheim, CA.	20.00
30	Nguyễn Ngọc Thang, Houston, TX	50.00
31	Nguyễn Thị Định, Houston, TX.	50.00
32	Nguyễn Thị Phan, San Jose, CA	10.00
33	Nguyễn Thị Thắng, Houston, TX.	100.00
34	Nguyễn Thị Thương, Elk Grove, CA.	30.00
35	Nhị Lang Thái Kim Anh, Houston, TX	30.00
36	PTS Hồ Văn Trị, Carrollton, TX	30.00
37	PTS Ngô Quang Tuấn, San Jose, CA	20.00
38	PTS Đỗ Đức Thượng, Garland, TX	20.00
39	Quang Thomas Đỗ, San Antonio, TX.	20.00
40	Quả phụ Đặng Quang Dương, Coppell, TX . . .	50.00
41	Cựu Th. Tướng Văn Thành Cao, Houston, TX	200.00
42	Thomas Tiên Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
43	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA.	200.00
44	Trần công Định, Alameda, CA	20.00
45	Trần Đức Nhuận, San Jose, CA.	20.00
46	Trần Quang Sang &Trần Thị Hiệp, Morrow, GA	50.00
47	Trương Văn Thì, Seattle, WA.	20.00
48	TSự Nguyễn Kim Luông, Beaverton, OR.	20.00
49	Võ Thành Tuấn, Montreal, Canada.	30.00
50	Võ Thị Hương, Wichita, KS	50.00
51	Võ Văn Bén, Morrow, GA	100.00

Cộng (1): 2380.00

2- Niên Liễm:

1	HT Huỳnh Văn Bớt, Russellville, KY	60.00
2	HTDP Mai Xuân Thanh, San Jose, CA	60.00
3	HTDP Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA	60.00
4	HTDP Trần Văn Tấn, Morrow, GA	60.00

Cộng (2): 240.00

3- Yểm trợ In Kinh Sách

1	CTS Bùi Ngọc Nga, Ontario, CA	20.00
2	CTS Mai Văn Liêm, Arlington, TX	20.00
3	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	30.00
4	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	20.00
5	Dương Hoàng Điệp, Germantown, TN	100.00
6	Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	20.00
7	Giang Hà, San Jose, CA	30.00
8	Hồ Hữu Dũng, Portland, OR	50.00
9	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	50.00
10	Hoàng Văn Viên, Pearl City, HI	200.00
11	HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
12	HT Võ Thị Bạch Tuyết, Antelope, CA	30.00
13	HTDP Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA	60.00
14	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA	30.00
15	Lê Văn Bé, Arlington, TX	30.00
16	Đặng Thị Ngọc Phượng, Coppell, TX	20.00
17	Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, San Jose, CA	100.00
18	Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA	20.00
19	Phạm Văn Hớn, Fargo, ND	40.00
21	Trương Văn Thì, Seattle, WA	20.00

Cộng (3): 910.00

4- Yểm trợ TSTĐ & In Kinh Sách

- 1- Quả phụ Nguyễn Khương Hữu, Garland, TX 50.00
- 2 Thánh Thất Wichita, KS..... 100.00
- 3- Nguyễn Bán, Melbourne, Úc (100 đôla Úc)
- 4 Nguyễn Thủy, Melbourne, Úc (100 đôla Úc)
- 5 CTS Bùi Thị Tùng, Melbourne,
Úc (100 đôla Úc)

Cộng (4): 150.00 đôla Mỹ và 300 đôla Úc

Tổng cộng tiền thu được từ ngày 13-1-2014 đến ngày 15-4-2014 là **Ba ngàn sáu trăm tám mươi đôla Mỹ (US\$ 3680.00) và ba trăm đôla Úc (AUD 300.00)**

San Jose, ngày 20-4-2014
Ban Thế Đạo Hải Ngoại



Cái học của người học thức & Cái học của kẻ vô học

(Theo Book Hunter)

A- Thế nào là người học thức

Lễ Ký có nói: “Ngọc bất trác, bất thành khí; nhân bất học, bất tri lý”. Có người dịch như vậy: “Ngọc chẳng mài, chẳng ra chi. Người mà chẳng học, trí tri đâu tưởng...”.

Nhưng thế nào là “người có học”?

Có kẻ học đậu năm ba cấp bằng, có người đậu cử nhân, tiến sĩ... thế mà cũng còn bị người ta mắng cho là đồ “vô học”. Như thế thì “người có học” là người như thế nào? Chắc chắn, nó phải có một định nghĩa rõ ràng, nhưng thường được hiểu ngầm hơn là nói trắng ra.

Tôi có quen nhiều bạn đậu kỹ sư điện, thế mà trong nhà có máy điện nào hư, phải đi tìm những anh thợ máy điện đến sửa... Nếu ta bảo họ giảng nghĩa về điện học, thì phải biết, họ sẽ làm cho ta điếc óc...

Tôi có biết nhiều ông giáo sư ở trường sư phạm ra, thế mà trong khi dạy học, họ không biết áp dụng một nguyên tắc sư phạm nào cả; học trò vẫn than phiền là giờ dạy của họ buồn ngủ muốn chết, không hiểu được gì cả... Rồi họ còn bảo: “Học trò mà học dở, không phải lỗi tại thầy”...

Tôi cũng có thấy vài ông đậu bằng tiến sĩ hay thạc sĩ triết học, thế mà cách ăn ở với đời vụng dại như một người ngu, không hiểu chút gì về tâm lý của con người cả.

Ai ai, nếu để ý quan sát, cũng sẽ nhận thấy như tôi... Sự tình ấy không phải lỗi gì nơi những người ấy, họ là nạn nhân của chế độ nhà trường ngày nay, mà tôi sẽ bàn đến ở một nơi khác. Tôi chỉ muốn nói, những người có những bằng cấp nói trên đây, họ có hơn gì kẻ vô học không? Nếu có hơn là họ hơn về lý thuyết, nhưng về phần thực tế... họ đâu có hơn gì một con “Vẹt”. Nói cho đúng hơn, họ chỉ có “học” mà không có “hành”. Học là để biết. Biết, mà không thực hành được, cũng chưa gọi là “biết”. Tri và Hành cần phải hiệp nhất mới được gọi là người “có học thức”.

Người xưa có ví: “Con chiên ăn cỏ, đâu phải để mà nhả cỏ mà là để biến thành những bộ lông mượt đẹp. Con tầm ăn dâu, đâu phải để mà nhả dâu, mà là để nhả tơ...”. Học mà không tiêu hoá, có khác nào con chiên nhả cỏ, con tầm nhả dâu... Người ta rồi cũng chẳng khác nào cái máy thu thanh, chỉ lặp lại những gì kẻ khác đã nói... Học như thế, không có lợi ích gì cho mình mà còn hạ phẩm cách của con người ngang hàng với máy móc. Georges Duhamel có nói: “Đừng sợ máy móc của bên ngoài... hãy sợ máy móc của cõi lòng...”

Một xã hội mà con người chỉ còn là một bộ máy thì sứ mạng của văn hoá đã đến ngày cùng tận rồi... mà tinh thần loài người rồi cũng đến lúc diệt vong: có xác mà không hồn... Học mà đưa con người đến tình trạng ấy, tôi tưởng thà đừng học có hơn không? Cái hiểm trạng của xã hội ngày nay phần lớn phải chăng một phần nào đều do những bộ óc “học thức nửa mùa” ấy gây nên? Thế thì, học và học thức không thể làm lẫn với nhau được. Ta cần phải để ý phân biệt hai lẽ ấy.

Thật vậy, có những sự hiểu biết chỉ bám ngoài da mà

không thể ăn sâu vào tâm khảm của ta. Nó chỉ là một nước sơn bóng nhoáng và chỉ là một lớp sơn thôi... Cái học của ta không có ảnh hưởng gì đến tâm hồn ta cả. Trái lại, cũng có nhiều thứ hiểu biết liên lạc với ký ức ta, với tư tưởng ta, với tình cảm dục vọng ta, nó hoà hợp với cái người tinh thần của ta không khác nào khí huyết tinh tuỷ đối với thân thể của ta vậy. Giữa những sự hiểu biết ấy và ta, có một thức tác động và phản động, xung đột nhau, hoà hợp nhau để thay đổi nhau và thay đổi luôn cả cái người của ta nữa... Tôi muốn nói: giữa ta và những điều ta học hỏi phải có một sự tiêu hoá, hay muốn nói theo Kinh Dịch, phải có một việc thần hoá (thần nhi hoá chi) mới được.

Vậy, ta phải dành chữ “học thức” cho những bộ óc thông minh biết đồng hoá với những điều mình đã học. Như thế thì, học nhiều và học thức không giống nhau. Phần đông chúng ta thường nhận lầm việc ấy. Chúng ta thường đánh giá con người theo cấp bằng của họ, những cấp bằng ấy phần nhiều là những cấp bằng trí nhớ: kẻ nào nhớ giỏi thì thi đậu. Sự nhận xét sai lầm này gây không biết bao tai hoạ cho loài người hiện thời. Tóm lại, người học thức không phải cần biết thật nhiều, mà cần phải thật biết những gì mình đã biết. “Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã” – Biết, thì biết là mình biết, không biết thì biết là mình không biết, ấy mới là thật biết. Học thức là một vấn đề thuộc “phẩm”, chứ hông phải thuộc “lượng”.

Cái học mà đã được đồng hoá rồi thì không còn nói là cái học bên ngoài nữa. Cỏ mà bị chiên ăn rồi, không còn là cỏ nữa. Dâu mà bị tằm ăn, không còn gọi là dâu nữa. Học, cũng như ăn.

B. Học để làm gì?

Học để làm gì? Và tại sao ta phải học? Ta phải quan sát chung quanh ta, ta sẽ thấy có hai hạng người: học vì tư lợi, và học không vì tư lợi gì cả, nghĩa là học để mà học, học theo sở thích của mình... Hạng học vì tư lợi, chiếm một phần rất đông. Họ học một nghề thuật nào, một khoa học nào, một nghề nghiệp nào là để tìm một kế sinh nhai.

Cái ý muốn thiết thực này cũng là cái ý muốn chính của các bậc làm cha mẹ khi tìm thầy cho con, hay khi gửi chúng đến trường. Mà chính các học sinh, đa số cũng chỉ có một mục đích ấy: nắm lấy cấp bằng để tìm lấy một con đường sinh kế. Thật ra, cũng có nhiều kẻ, đối với nghề nghiệp sau này của mình, cảm thấy thích thú lắm. Cũng có thể rất sung sướng khi nghĩ đến sau này sẽ được làm kỹ sư, giáo sư, nghệ sĩ hay sĩ quan... Nhưng, cái ý nghĩ nhờ đó để kiếm địa vị, tiền bạc, danh vọng, quyền tước... cũng làm cho tâm hồn mình mất cả cái sung sướng tinh khiết của cái học vô tư lợi... Cái mộng của tuổi trẻ qua rồi, tôi thường thấy có nhiều bậc phụ huynh không muốn cho con mình sau này đeo đuổi theo nghề nghiệp của mình.

Học để tìm một nghề nghiệp làm kế sinh nhai, có cái lợi ích của nó, không một ai có thể chối cãi được, nhưng đầu thích hay không thích nó chỉ là một cái học để thành công, một cái học vì lợi... mà đối với những người có đầu óc thiết thực, ít lý tưởng, cho là thoả mãn lắm rồi! Bên những nhà “tập sự” vì lợi ấy, chúng ta cũng thấy có nhiều kẻ, ngay buổi còn thơ, nhất là lúc mà trí thức đương chừng nảy nở, họ ham học mà không có một ý nghĩ gì dục lợi cả: không phải để kiếm tiền, không phải để tìm địa vị, cũng không phải để tìm danh vọng... Chiều theo ý của cha mẹ, hoặc vì hoàn cảnh bắt buộc mà phải chọn một nghề nào, kỳ thực họ không để chút tâm hồn nào nơi ấy cả.

Họ là một công chức sở hối đoái mà họ mê say thi phú hay âm nhạc. Họ là một sĩ quan mà họ mê say lịch sử và văn chương. Họ là một trạng sư mà họ mê say toán học. Có kẻ, ngoài giờ phải lo lắng giùi mài nghề nghiệp của mình để kiếm ăn, cũng ráng dành một vài giờ để thoả mãn tính tò mò của mình, học những môn không lợi ích gì cho cái đời vật chất của mình cả, khi thì đọc triết học, khi thì đọc sách nghiên cứu về văn chương, lắm khi tập tễnh cầm bút viết văn hay hội họa... Đây cũng là một cách học, một cái học hoàn toàn không chút vị lợi. Những kẻ học như thế, họ học văn chương vì văn chương, học nghệ thuật vì nghệ thuật, học khoa học vì khoa học. Hai hạng người trên đây, ai có lý? ai vô lý? Thật cũng khó mà trả lời. Cái thích của người này chưa chắc cũng là cái thích của người kia.

Lại còn có người họ thích không học gì cả, thì sao? Họ sẽ nói: “Đời người ngắn ngủi, học cùng không học thì có khác gì nhau. Anh thích khoa học, tạo hoá ban cho anh nhiều năng khiếu, thì anh thành nhà bác học giúp đời... Còn tôi, không có năng khiếu gì cả, cố mà nhồi vào sọ những cái học hỏi của kẻ khác, cố mà sản xuất những văn nghệ phẩm không hơn gì những bài làm của học sinh... thì phỏng có lợi gì! Ta hãy cứ tìm lấy những hạnh phúc rẻ tiền không cần dụng công nhọc sức chi cả có hơn không!

Anh đọc truyện Kiều, anh biết thích... Tôi, tôi đọc Lục Vân Tiên, tôi cũng biết thích vậy. Anh, anh thích nhạc cải cách, anh thích nhạc Âu Mỹ. Tôi, tôi nghe vọng cổ, tôi xem hát bội tôi cũng biết thích vậy. Anh đọc tiểu thuyết của Âu Mỹ, anh biết hay; còn tôi, tôi đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Phú Đức tôi cũng biết mê say... Vậy, thì cũng chưa chắc cái sướng của anh hơn cái sướng của tôi? Ta phải trả lời với họ cách nào? Đã không thiếu gì những

quyển luân lý tân cựu đã trả lời với họ rất hùng hồn...

Nhưng, theo tôi, mặc dầu có rất nhiều bài văn mà tài hùng biện của tác giả không thể chối cãi được... tôi thấy cũng chưa đủ sức cảm hoá hạng người trên đây. Ta hãy can đảm nhìn ngay sự thật; có nhiều kẻ họ sống hết sức hạnh phúc trong sự ngu dốt và ở-không-nhưng của họ... Họ ghét đọc sách, họ ghét suy nghĩ, họ ghét làm việc bằng tinh thần cũng như họ ghét gông cùm tù tội vậy: một vấn đề hoàn toàn thuộc về bản chất...

Goethe, lúc mà danh vọng của ông lên đến tột độ, ngày kia dạo trên bờ sông thành Naples, gặp một tên ăn mày nằm ngủ phơi mình trong ánh nắng... Ông dừng chân, tự hỏi: Ta và anh ăn mày này, ai hạnh phúc hơn ai? Thật, cũng khó mà trả lời cho dứt khoát.

Tuy nhiên, tôi chắc chắn, các bạn cũng như tôi, chúng ta thích sống trong hạnh phúc của Goethe hơn. André Gide cũng nói: “Một cái hạnh phúc mà vô tâm, tôi không chịu sống trong hạnh phúc ấy”. Nếu bạn là người theo phái “ăn rồi nằm ngửa nằm nghiêng, có ai mướn tớ, thời khiêng tớ về...” nghĩa là theo phái thích “ăn không ngồi rồi”, “tối thiếu nỗ lực” và cho đó là hạnh phúc nhất đời, thời xin mời bạn hãy để quyển sách này xuống.

Nó không phải viết cho bạn. Thú thật, tôi không đủ tài để thuyết phục bạn. Sách này viết ra, là cho những ai cùng đồng một ý kiến với tôi, cho rằng hạnh phúc của Goethe hơn hạnh phúc của anh ăn mày, hay nói cho đúng hơn, Goethe cao trọng hơn anh ăn mày. Theo tôi, hạnh phúc là được làm chủ hành động ta, tư tưởng ta, tình cảm ta... và mỗi ngày mỗi làm cho cái người của ta thêm sáng suốt hơn, thêm tự do hơn, thêm to rộng hơn... nghĩa là thêm

mới mẻ hơn. “Cấu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân”.

Mỗi ngày một mới, và ngày ngày càng mới mãi ... Đây là lời khắc trên bôn tấm của vua Thành Thang ngày xưa. Và cũng chính là lý tưởng của Pasteur: “Cao lên, cao hơn lên, và cao lên mãi...” Như thế, ta thấy rõ mục đích của sự học là gì rồi. Học, là để mưu hạnh phúc, nghĩa là để làm cho mình càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng rộng ... Học, là tăng gia sự hiểu biết của mình, là mở rộng tâm hồn của mình bằng cách thu nhận sự hiểu biết cùng những kinh nghiệm của kẻ khác làm của mình.

Có khác nào một đứa trẻ mới sinh, cân không đầy hai ba ký... Thế mà nhờ đâu càng ngày càng lớn đến năm sáu chục ký... trong khoảng vài mươi năm sau? Phải chăng nhờ rút lấy những vật liệu chung quanh: không khí, món ăn, món uống... mà tiến từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, nghĩa là càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng lớn. Bởi vậy, trước đây tôi có nói: học cũng như ăn. Ăn mà không tiêu, có hại cho sức khoẻ.

Học mà không hoá, có hại cho tinh thần. Cỏ của con chiên ăn mà được tiêu, không còn gọi là cỏ nữa, mà là bộ lông mượt đẹp của nó. Dâu của con tằm ăn mà được tiêu, không còn là dâu nữa, mà là sợi tơ mịn màng tươi tốt của nó. Người có học thức là người, đã thần hoá những cái học của mình. Bởi vậy, người có học thức là người dường như không biết gì cả, mà không có cái gì là không biết. Học mà đến mực dường như quên hết cả sách vở của mình đã học thì cái học ấy mới thật là nhập diêu.

Herriot nói: “Học thức là cái gì còn lại khi mình đã quên tất cả”. Một nhà tâm lý học có nói: “Quên là điều kiện cần thiết của cái Nhớ”. Thật là chí lý. Một điều gì học mà

mình còn cố nhớ, là nó chưa được nhập vào tâm. Chỉ khi nào mình không cần nhớ mà nó vẫn tự nhiên hiển hiện trong tâm trí mình thì môn học ấy mới được gọi là đã được tiêu hoá.

Người học đánh máy chữ mà còn để ý tìm từng nút chữ, cố nhớ vị trí của mỗi nút chữ... là người đánh máy chưa tinh. Người học đi xe máy mà còn nhớ mình còn ngồi trên xe máy, còn để ý đến bàn đạp, cách đạp... là người đi xe máy chưa tinh. Tôi còn nhớ, lúc còn học thi, gần đến ngày thi, tôi băn khoăn nói với cha tôi: “Sao con học nhiều quá mà nay dường như con không nhớ gì cả. Lòng con như quên hết, không biết có nhớ được gì không? Con sợ quá”.

Cha tôi cười bảo: “Đấy là con đã học “mùi” rồi. Quên, tức là nhớ nhiều rồi đó. Con hãy yên tâm...”. Thật đúng như lời. Ngày thi, giám khảo hỏi đâu, tôi trả lời liền đó, một cách dễ dàng hết sức. Trang Tử nói: “Người bắn cung mà còn để ý đến việc bắn cung của mình là người bắn chưa tinh. Kẻ lội mà còn để ý đến cái lội của mình là người lội chưa giỏi. Phải biết quên thị phi đi, thì cái tâm mình mới thông suốt được cái lẽ thị phi... (Tri vong thị phi, tâm chi thích dã)”. Hiểu được câu nói này của Trang Tử là hiểu được cái diệu pháp của phép Học rồi vậy.

C. Thế nào là bậc thiên tài

Nói đến những bậc thiên tài nhiều người đã tưởng tượng họ như những kẻ phi thường, cô phong độc tứ... xa hẳn với loài người. Thực ra cũng không có gì lạ giữa họ và chúng ta cho lắm; có nhiều kẻ còn tệ hơn chúng ta nhiều về vấn đề thể chất lẫn tinh thần nữa. Họ chỉ khác ta có một điều thôi: họ có một đức tin vững vàng về phương pháp làm việc của họ. Họ tin rằng với sự cần cù nhẫn nại và cách

làm việc có phương pháp, họ sẽ đạt được ý muốn cao xa của họ. Theo họ “thiên tài chỉ là một sự bền bỉ nhẫn nại lâu ngày” mà thôi.

Darwin, tác giả bộ “Vạn vật nguyên lai luận”, người đã gây được một cuộc cách mạng to tát trong tư tưởng giới, là một người có một trí nhớ rất tồi tệ, một sức khỏe rất bạc nhược. Spinoza thì đau bệnh phổi, chết vào khoảng 45 tuổi. Pascal thì đau mãi và mất sớm năm 39 tuổi. Montaigne cứ than vãn mãi về trí nhớ thậm tệ của ông cũng như về trí não “chậm chạp và tầm tối” của ông, còn Herbert Spencer thì không thể nào làm việc trong một giờ mà không đau. Có ai dám bảo rằng những người nói trên đây không phải là những bậc vĩ nhân trong nhân loại?

Sự nghiệp tinh thần của họ đều là những kỳ công bất hủ, những tinh hoa của nhân loại. Thế mà vấn đề thể chất họ còn thua ta xa, còn về vấn đề tinh thần có khi cũng không hơn gì chúng ta cho lắm. Nếu phải kể ra cho hết, thì cả năm mươi trang cũng không sao kể đủ tên tuổi của các bậc vĩ nhân mà về phương diện thể chất và tinh thần không có gì là đặc sắc hơn những kẻ tầm thường. Thế nhưng họ đã để lại cho đời những kỳ công vĩ đại là nhờ đâu? Vì họ biết cách làm việc có phương pháp, có nghệ thuật.

Trong giới trí thức, cũng như trong các hiện tượng khác của tự nhiên: những hành động bạo phát, hùng hổ mãnh liệt như địa chấn, thủy tai... chỉ là những hiện tượng bạo phát mà bạo tàn... Những gì có tánh cách vĩ đại khó thoát khỏi yếu tố thời gian. Muốn học cho thâm, muốn gây tạo những công trình to tát cũng phải cần đến thời giờ... Nhất là văn hoá, không thể chấp được thời gian. Một giọt nước con, mà với thời gian đã điêu khắc dải Hoàng Sơn, Tuyết Lĩnh...

Nếu các bạn xem kỹ đời niên hthiếu của các bậc vĩ nhân đã làm vẻ vang cho tổ quốc họ và cho cả nhân loại, các bạn sẽ thấy, khi các ông ấy còn là học sinh đâu phải luôn luôn là những học sinh đứng vào hạng nhất trong lớp họ. Có khi họ lại là những anh học sinh “hạng bét” là khác. Có nhiều kẻ, chính các ông thầy của họ cũng không để ý đến họ nữa.

Nhưng, một ngày kia, một tình cờ dun rủi, bỗng dưng cảm kích như Malebranche, sau khi đọc quyển “Traité de l’Homme” của Decartes, đem hết nghị lực lao đầu vào sự học, nhẫn nại, cố gắng cho tới ngày tài hoa xuất hiện. Một việc làm âm thầm, lặng lẽ, trong cô tịch nhưng đầy hăng hái, đầy kiên nhẫn sẽ là những công việc có nhiều kết quả vẻ vang và sâu sắc nhất. Trong khoảng âm thầm lặng lẽ, nghiên cứu học hỏi, các bạn đã tìm ra được lắm ý nghĩ hay ho, nhiều tư tưởng tân kỳ, có thể là những nền tảng cho một đời sống tinh thần và phát minh sau này của bạn.

Trong lúc ấy, trong lúc mà các bạn tác của bạn, nhiều may mắn hơn, đi vào các trường cao đẳng để tận mác trí lực của họ trong những cuộc đua chọi cấp bằng và địa vị cao sang quyền quý, thì trong bóng tối, trong im lặng, tác phẩm của bạn như tiếng sấm đêm đông... làm cho mọi người kinh khủng. Công trình sự nghiệp của bạn chẳng khác nào những hòn đảo kia, từ lượn cát đắp bồi, bỗng trời lên mặt nước, một cách vững vàng như non núi.

Những bậc vĩ nhân đều hiện lên một cách từ từ và lặng lẽ như thế. Họ nhẫn nại mà đi từng bước một; nhưng một bước của họ là một bước chắc chắn. Leo núi cao, các người từng trải đều quả quyết rằng những kẻ nào háo thắng, vội vàng sẽ không bao giờ đi tới mức được. Họ sẽ nhọc mệt, đuối sức và bị bỏ lại giữa đường. Các bậc vĩ nhân, họ đi từ từ mà không nghỉ, một cách hết sức trật tự và qui củ. Ông

Newton nói: “Nếu tôi có phát minh được một đôi điều gì, cũng là nhờ nghĩ ngợi mãi một việc và đem việc ấy mà quan sát đủ mọi phương diện.

Nếu những phát minh của tôi có được chút ích lợi cho đồng bào là do sự cần cù và đeo đuổi mãi theo một ý nghĩ mà không thôi vậy”. Giáo sư Duclaux, trong một bài diễn văn nói về Pasteur có nói: “Tôi không rõ những phát minh kỳ vĩ có phải là do thiên tài sản xuất, không cần đến sự cố công gắng sức không? Chứ ở trường hợp Pasteur đây, tôi thấy hẳn không phải vậy. Nếu ông là một nhà phát minh đã lập dựng rất nhiều kỳ công vĩ đại trong nhân loại, trước hết là nhờ ông là một người làm việc rất nhẫn nại và lặng lẽ...”.

Nhất là họ không bao giờ hiếu danh, hối hả trong công việc học hỏi và nghiên cứu của họ. Người ta bảo rằng lúc Pasteur thi vào Đại học, chỉ đậu hạng ba hạng tư gì đó. Năm ấy, ông không chịu vào Đại học. Học thêm cho một năm nữa, kỳ thi năm sau ông đứng đầu. Ông tự cho rằng sức ông còn yếu, nên cần học lại thêm một năm nữa, đâu có muộn gì, bởi theo ông cần nhất là phải có thật tài hơn là hối hả trong công trình học vấn.

Thật có khác với đầu óc tầm thường của phần đông chúng ta ngày nay, bao giờ cũng muốn cướp thời gian và thành công mau lẹ. Tóm lại thiên tài là một sự nhẫn nại bền bỉ và lâu dài. Muốn thành những bậc tài hoa, điều thứ nhất là phải có lý tưởng, có đủ tin tưởng, và chí kiên nhẫn để thực hiện lý tưởng ấy; điều thứ hai là làm việc cho có trật tự, có phương pháp, nhẫn nại và lặng lẽ, không bồn chồn, không vội vã...

Trích “Tôi tự học”

Thu Giang Nguyễn Duy Cần

Ban Thơ

Tràm Cà Mau

Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn ra vườn sau, thấy lá cây bắt đầu vàng, mây xám đục bay đầy trời. Bà thở dài, và nói vọng vào phòng khách, nơi ông Tư đang ngồi chăm chú nhìn lên màn ảnh máy vi tính, đọc thơ bạn bè qua liên mạng:

“ Thế là đã qua năm thứ tư rồi, mà cái nhà kho vẫn không được sơn. Anh cứ lần lữa hứa hẹn mãi. Sơn tróc, pho gỗ mục nát bên trong, trông tồi tàn tội nghiệp quá. Mùa này anh không sơn kịp, thì em cứ cho một mồi lửa cho yên chuyện. Để mỗi một ăn lan ra sụp luôn căn nhà chính, rồi vợ chồng dắt nhau ra gặm cầu mà ở.”

Ông Tư ngưng đọc. Nhìn qua bà và nói lớn:

“ Ừ, em cứ cho một mồi lửa đi. Rồi sẽ được sung sướng. Cháy lan nhà người khác, vào tù ngồi có cơm bưng nước rót hàng ngày, khỏi đi làm mà được nuôi nấng đàng hoàng tử tế. Suốt ngày đọc sách, xem truyền hình, tập thể thao, đánh cờ. Còn có cả máy vi tính nữa. Ăn thì sang hơn là chúng mình đi ăn tiệm. Em có nhớ hôm trước xem phim không? Bữa ăn của tù, có một đùi gà hầm, bánh mì, khoai tây nghiền, xúp, một ly cối sữa, một trái chuối, và cả bánh ngọt nữa. Mỗi đêm, còn có lính bông súng gác cho mình ngủ. Nước Mỹ chi tiêu cho mỗi người tù hàng năm từ ba mươi đến bốn mươi lăm ngàn đồng kia mà.”

Bà Tư quay lại nói:

“Ở tù mà sướng thế, nên không ai sợ, cứ làm càn, phạm

pháp. Tù mà còn viết đơn kiện chính phủ vì nhà bếp nấu ăn không vừa miệng. Chỉ có nước Mỹ mới điên khùng như vậy thôi. Tại sao những khi thất nghiệp, mình không la toáng lên, yêu cầu nhà nước cho mình mỗi năm ba chục ngàn tiêu chơi. Nếu không thì mình cứ phạm pháp, cũng phải tốn hơn chừng đó tiền nuôi mình.”

“Em làm anh phát ra sáng kiến, anh sẽ đề nghị chính phủ Mỹ ký khế ước, giao cho cộng sản Việt Nam giam giữ tù, để tiết kiệm ngân sách. Cứ cho lên Hoàng Liên Sơn, Cổng Trời, Thanh Liệt, Sông Bé cải tạo là xong hết.

Hàng năm, Mỹ chỉ trả công nuôi và giáo dục mỗi người tù chừng năm trăm hay một ngàn đô, thì nhà nước Việt Nam chỉ chi ra chừng bảy chục đến một trăm đô là quá thừa. Nuôi một triệu tù, thì Việt Nam thu lợi chừng nửa tỉ cho đến một tỉ đồng. Không cần dong tay nài nỉ xin xỏ tiền bạc của cộng đồng thế giới. Chính phủ Mỹ tiết kiệm được ba đến bảy tỉ đô la nuôi tù. Dư ra không biết bao nhiêu nhân lực đem sung vào lực lượng sản xuất. Phía Việt Nam, bắt tù đốn tre, chặt nứa, làm lán trại, trồng bắp, trồng khoai, ăn bo bo, khoai mì, thì chi phí ăn ở mỗi tháng chừng năm bảy đô là cùng. Còn cái lợi lớn khác, là khi mãn tù, anh nào cũng sợ xanh mặt, không bao giờ dám tái phạm nữa. Em cứ xem, mấy ông phi công Mỹ đã ở tù ngoài Bắc thì biết kết quả. Về rồi mới biết quý miếng cơm cháy, quý đời sống. Bởi vậy cho nên nhiều ông thành nghị sĩ, dân biểu, nhà ngoại giao, kỹ nghệ gia, thương gia triệu phú, nhiều lắm và nhiều lắm. Đó không phải nhờ công học tập cải tạo của bọn Bác Đảng sao?

Bà Tư trở lại vấn đề:

“Này, anh đừng nói lảng qua chuyện khác. Em không tội

chi đốt nhà để đi tù, rồi anh lén phénng với bà khác. Giao hẹn cho anh, tuần tới, phải sơn xong cái nhà kho. Nếu không thì em sẽ thuê người làm. Họ tính tiền công đến một ngàn rưỡi, rán mà trả tiền, đừng tiếc.”

“Được rồi. Thứ bảy này anh rước một ông Mễ ngoài phố về phụ sơn, chừng một hai ngày thì xong. Em đừng lo.”

“Làm gì thì làm, em không cần biết. Miễn sao sơn xong cái nhà kho thì thôi.”

Sáng thứ bảy, khi ông Tư còn ngủ nướng thì điện thoại đã reo vang. Bên kia đường dây, một ông bạn mời đến ăn sáng, và xoa mặt chược. Nghe đến mặt chược, ông Tư tỉnh táo hẳn, nói với vợ:

“Bác Thư mời chúng mình đến ăn sáng, em có đi không?”

“Không được. Anh đã hứa sơn cái nhà kho rồi. Hôm nay không đi đâu cả.” Ông Tư tiu nghỉu, nói qua điện thoại với bạn:

“Tôi sắp ra phố rước một ông Mễ về phụ sơn cái nhà kho. Hôm nay bận, xin hẹn tuần sau.”

“Rước Mễ làm chi! Tôi có ông bạn mới tới Mỹ chưa được bao lâu, chưa có việc làm, rảnh rang lắm. Anh cho ông ta đến phụ sơn, kiếm chút tiền hút thuốc.”

Ông Tư ngần ngừ, rồi thở dài mà nói:

“Không phải là tôi chẳng muốn giúp đồng hương, nhưng khó lắm anh ơi. Hồi trước có người bà con tôi mới đến Mỹ, họ năn nỉ tôi cho phụ cắt cây, làm cỏ trong nhà, rồi trả tiền công như trả cho người ngoài. Tôi cho làm và trả công cao hơn thuê người ngoài. Thế mà bây giờ, họ thi xong, hành

nghề nha sĩ, đi đâu nó cũng nhắc chuyện hồi mới qua, đi làm công cho tôi, được trả lương tối thiểu. Mình nghe, cứ nhột và không vui. Người khác nghe, tưởng đâu mình lợi dụng, bóc lột sức lao động của người đó..”

Ông bạn bên kia đầu giây nói với giọng ép buộc và khẩn thiết:

“Tôi bảo đảm cho, không có chuyện lấn cấn về sau. Đồng hương không giúp nhau, mà giúp người ngoài, nghe sao xuôi tai? Hồi mới qua Mỹ, anh cũng mong có ai cho làm bất cứ việc gì, để kiếm chút tiền chứ. Sao mà mau quên hoàn cảnh khó khăn thế? Chốc nữa, tôi chở anh ấy đến phụ sơn nhà nghe. Không từ chối được đâu.”

Ông Tư nghe mà chột dạ, và nhớ lại những ngày lao đao ban đầu. Đi đâu thấy ai làm việc gì, ông cũng nhìn và mơ ước được thuê vào làm. Không dám mơ được cái việc quý báu như mấy cô thư ký ngân hàng sang trọng, hoặc mấy cô tiếp viên ngồi ở bàn giấy, hay mấy ông gác gian bảo vệ cơ sở ăn mặc đồng phục oai vệ như sinh viên sĩ quan trong quân trường. Thấy họ cao sang quá. Khi thấy mấy ông thợ làm nghề xây cất, lưng đeo dây da to bản lòng thông hàng chục thứ búa kềm, đồ nghề, ông cũng tự hỏi, biết chẳng có ngày ông được như họ. Đọc tiếng Anh, thì ông không ngán, nhưng nghe và nói thì như câm điếc. Mơ ước có công việc làm ăn như trẻ con mơ chuyện thần tiên.

Ông ho khan rồi trả lời:

“Xong rồi, anh cứ đem ông bạn qua đây phụ tôi. Sau này ông ta có ghét bỏ, thì tôi rán chịu. Bây giờ không nhận cho ông ta làm, thì tôi thấy tự xấu hổ với riêng mình, và không yên tâm.”

Bà Tư cầu nhàu vì ông chấp nhận lời đề nghị của ông bạn. Ông nhẹ nhàng bảo vợ:

“Thôi, làm được điều gì đúng mình cứ làm, cho lương tâm yên ổn. Sau này có ai ghét bỏ thì cũng không sợ.”

“Anh thì hay tình cảm không đúng chỗ. Đi thuê Mễ về làm việc, lần nào cũng thuê mấy người không biết nói tiếng Anh, vì cứ nghĩ đến tình cảnh của anh ngày xưa. Rồi cứ ra đấu, hiểu lầm nhau mãi. Xưa khác, nay khác rồi. Phải đặt quyền lợi của mình lên trên tình cảm yếu đuối.”

“Được trời cho như ngày nay, mình cũng không nên ôm hết lấy, mà nên chia xẻ chút chút với những kẻ đang khó khăn quanh mình.”

Khi ông Tư chuẩn bị dụng cụ và vật liệu xong, thì người bạn đem ông Phi, người muốn có việc làm đến. Ông này đầu hói lảng, mày rậm, mang kiếng trắng, ăn mặc áo trắng, quần tây xanh sậm, dáng hoàng như sắp đi phố chứ không phải đi lao động sơn nhà.

Hai bên chào hỏi giới thiệu nhau. Ông Tư cười, rào đón trước:

“Nước mất nhà tan. Chạy qua được đây, toàn cả thiên thân bị đọa xuống trần gian, phải đi làm những việc trái với khả năng, không đúng với sở nguyện. Chúng ta cùng lứa tuổi, cho tôi kêu nhau bằng anh em cho thân mật.

Cám ơn anh đến giúp tôi sơn nhà, mai mốt anh mua nhà cần sửa chữa, thì anh thuê tôi làm phụ, đừng thuê người khác nghe.”

Ông Phi cười, nụ cười hơi gượng, và nhìn ông Tư bằng ánh mắt biết ơn vì lời nói tế nhị, tử tế. Ông Phi nói:

“ Trong tù tôi cũng từng gánh phân người, làm đủ công chuyện nhọc nhằn. Bên nhà, tôi cũng đã làm đủ thứ nghề lao động chân tay. Sơn nhà thì nhẹ nhàng dễ dàng như húp cháo thánh.”

Sau khi uống xong tuần trà xã giao, ông Tư ông Phi đưa ra vườn sau, chỉ dẫn cách cạo sơn đã tróc lở trên tường nhà. Ông Tư vào nhà chuẩn bị thêm dụng cụ, để hai người cùng làm cho mau. Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn xuống nhà kho, thấy ông Phi vừa cạo sơn, vừa đắp máy môi, thỉnh thoảng đưa ngón tay chỉ chỗ vào quăng không. Bà lo lắng kêu chồng lại và nói:

“ Anh xem, ông kia lắm bả một mình, tự nói tự nghe. Không chừng ông ta bị bệnh tâm thần. Anh phải cẩn thận, lỡ ông ta lên cơn, lụi cho anh một dao thì khổn đó.”

Nghe vợ nói, ông Tư cũng hơi ngán. Khi ra cạo sơn, ông dè dặt đứng xa ông Phi, để có gì bất trắc thì còn kịp mà chạy. Ông Tư cố lắng tai nghe ông Phi nói gì mà môi ông cứ đắp máy mãi. Lâu lâu, ông Tư liếc mắt canh chừng, nhưng thấy ông Phi vẫn chăm chú làm. Chừng nửa giờ sau, dường như ông Phi quên có ông Tư làm việc bên cạnh, cất tiếng ngâm thơ sang sảng. Ông Tư giật mình hỏi:

“ Anh ngâm thơ? Thơ của ai thế?” Ông Phi hơi ngượng ngập trả lời:

“ Thơ tôi làm chơi cho vui ấy mà. Thời buổi này, còn rất ít người thích thưởng thức thơ văn. Truyền hình, phim truyện, phim nhạc tiến mau quá. Đời sống tốc độ, ít ai còn thì giờ mà ngâm nga thưởng thức cái đẹp trong văn chương. Tôi còn hủ lậu, nên cứ mang lấy cái nghiệp thơ vào mình. Cái nghiệp thiệt ông ạ. Bà con, bạn bè cứ cười tôi sống mơ

mộng, không thực tế, thời buổi này, thơ văn không làm no bụng bằng bánh mì.”

Ông Tư cười ha hả và nói:

“ Anh làm tôi sợ hết hồn. Bà xã tôi thấy anh lấm bầm một mình, tưởng anh có bệnh tâm thần, không dè anh ngâm thơ. Nãy giờ tôi cũng sợ không dám đứng gần anh. Anh là một thi sĩ mà tôi không biết. Tôi cũng khoái đọc thơ lắm. Tôi không nghĩ rằng yêu thích thơ văn là hủ lậu như anh nói. Ngày nào trái tim con người còn biết thổn thức, ngày nào con người còn dùng chữ viết, còn dùng tiếng nói để trao đổi tư tưởng, thì ngày đó thơ văn còn được ưa chuộng. Chỉ khi nào khoa học tiến bộ đến độ con người truyền thông cho nhau bằng làn sóng, chuyển và nhận qua ý nghĩ trong óc thôi, thì e rằng khi đó văn thơ mới có thể tàn lụi.

Anh thấy đó, thơ ít ai đọc mà lại được xuất bản ào ào, ai cũng in thơ. Anh bỏ cái cạo sơn xuống, vào trong kho này, tôi cho anh xem.”

Ông Tư mở cửa nhà kho, bật đèn và kéo ông Phi vào cái kho bề dài tám thước, bề ngang sáu thước, bốn bên tường có kê kệ đựng sách sát vách. Sách chất đầy kệ từ dưới sàn lên thấu trần. Ông Phi hớn hở nhìn thấy mấy ngàn tập, toàn cả thơ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt. Nhiều cuốn đóng gáy da đã sạm màu, chữ thếp vàng đã nhạt, bìa sờn rách vì thời gian. Ông Phi lấm bầm:

“ Thật là ‘Kho Thơ’. Tôi đoán chắc thư viện của thành phố này cũng không có nhiều thơ bằng.”

Ông Phi với tay lật một tập thơ chọn lọc, bên trong có chữ ký của người mua vào năm 1858. Một thế kỷ rưỡi, từ khi phong trào tìm vàng dậy lên ở California. Cái bìa sách

bằng da gân mũn, giấy vàng ố. Ông Phi đọc lướt qua một bài thơ ngắn rồi xuýt xoa:

“ Người xưa làm thơ hay thật. Làm sao mà anh có được cả kho thơ nhiều như thế này? Toàn là thơ quý, nhiều cuốn thơ xưa cả vài trăm năm. Những cuốn gáy da, chữ vàng này, không mua đâu ra nữa.”

Ông Tư cười sung sướng nói:

“ Mọi chuyện đều có cơ duyên. Ban đầu, tôi chỉ mua một ít cuốn thơ hay mà đọc thôi. Rồi tôi khám phá ra những tiệm sách cũ, họ bán chừng nửa giá. Những sách xưa và quý, thì họ bán đắt lắm, cả bạc trăm, mình không mua nổi. Họ khôn và kinh nghiệm khiếp lắm. Về sau, ngày nghỉ tôi đi chơi, lòng sách tại các nơi treo bảng bán đồ cũ trên sân cỏ. Nhiều cuốn sách quý, bán vài ba đồng. Rồi tôi đi chợ trời. Có nhiều cuốn sách rất quý, người bán không biết giá trị, chỉ mong tống khứ đi cho đỡ chật chỗ. Mua chừng vài đồng là họ mừng hóm. Có cuốn mua chừng hai đồng, mà vào tiệm sách quý, thấy đề giá một hai trăm bạc.

Anh nhìn hơn chục tập thơ của Omar Khayyam trên kệ này, hôm tôi đi xem triển lãm bán sách quý, có cuốn đề giá hơn năm trăm. Trị giá mấy tập thơ này cả mấy ngàn bạc chứ không ít đâu. Thường thì các chủ tiệm sách cũ họ đi lòng và thu mua hết, họ giỏi và thông thái lắm, sách quý ít khi đến tay mình. Về sau, tôi gặp được cơ duyên tốt, kết thân với hai ông Mỹ bán đấu giá tài sản của những người chết. Thỉnh thoảng tôi mời các ông đi ăn tô phở , tô bún bò. Khi nào có bán đấu giá, các ông thông báo cho tôi biết.

Các nơi này, sách thơ vất bừa bãi như rác. Nhiều cuốn thơ, có lẽ khi còn sống, chủ nhân còn quý hơn vàng. Khi chết

rồi, chẳng ai biết đến giá trị. Tôi cứ thế mà hốt với giá rẻ mạt. Người bán cũng mừng, vì tôi hốt bớt rác cho họ. Nhưng cũng có khi người bán tinh lắm, biết sách quý, đề giá cao kinh khủng. Mười phần, thì có đến chín là không bán được, vì những người đi mua đấu giá tài sản người chết, đa số là dân phạm phu tục tử, văn thơ đối với họ không đáng giá vài xu, cho họ cũng không lấy vì ô m nặng. Bán không được, họ vất vào đống rác, những người thâu hốt rác, đem ra chợ trời, đổ xuống bán một đồng ba bốn cuốn. Nếu mình đến chợ trời đúng lúc, thì cứ hốt đầy xe, để mà về nhà nghe vợ cần năn, bảo là tha rác về nhà. Có khi tôi bị cần năn suốt cả một hai ngày, nhức đầu lắm ông ạ. Nhiều khi, mình đã có hai ba cuốn thơ đó rồi, mà thấy nó bán rẻ quá, thì cũng phải rước về thôi. Đây này, anh thấy tôi có bốn tập thơ cùng nhan đề “ Những Bài Thơ Tình Hay Nhất” và có ba cuốn “ Thơ Đọc Nhức Tim”, mười hai tập “ Thơ Omar Khayyam” Nhưng các tập này xuất bản vào các năm khác nhau.”

Ông Phi như người say lạc vào mê hồn trận của kho thơ. Ông lật hết tập thơ này qua tập thơ kia. Rồi ông cầm một tập thơ, ngồi dựa ngửa ra trên cái ghế xếp mà đọc say sưa. Không cần nhớ đến cái việc sơn nhà mà ông đang được thuê làm. Ông Tư cười cười, lẳng lặng đi ra, cầm cái bay cạo sơn tiếp. Khi ông Tư chợt nhìn đồng hồ, thì thấy đã gần mười hai giờ trưa. Ông vội vã vào lục tủ lạnh, lấy thức ăn, hâm lò vi ba. Lấy thêm một chùm bia, tôm khô, củ kiệu và vài thức nhắm, dọn ra cái bàn đặt dưới bóng cây bưởi có trái xanh tròn đu đưa theo gió. Ông nghiêng đầu vào cửa kho và nói:

“ Trưa rồi, mời anh ra ăn, uống vài lon bia, mình nói tiếp chuyện thơ phú.” Ông Phi ậm ừ vì đang đọc dở trang thơ,

ông Tư phải kêu hai ba lần, ông mới lảo đảo bước ra, mắt neho vì nắng chói. Hai người ngồi trên ghế thấp kê dưới bóng mát tàng cây bưởi. Ông Tư ép ông Phi uống bia, ăn thịt gà xối xì dầu, lòng heo xa xíu. Ông Phi như chưa tỉnh hồn ra khỏi miền thơ, mắt còn mơ màng. Ông nói:

“Thơ Omar Khayyam hay thật. Ông là người Ba Tư, xứ Hồi Giáo khắc nghiệt, mà làm được những bài thơ tuyệt diệu. Không có gì cao siêu, rất gần với đời sống. Làm xúc động lòng người. Tôi đọc, khoái quá, tôi có chuyển đoạn sau đây thành thơ lục bát, đọc anh nghe chơi.

Ông Phi chạy vào nhà kho, lấy cuốn thơ, có trang xếp góc đánh dấu nói:

“Đây, đoạn này tạm dịch văn xuôi: “Họ đoan chắc với tôi rằng ở Thiên Đường có con gái nhiều vô số. Họ cũng đoan chắc rằng, tôi sẽ tìm được rượu nho và mật ngọt trên Thiên Đường. Nhưng kìa, sao ở trần gian lại cấm rượu và đàn bà. Như thế, thì mai sau (chết lên Thiên Đường) phần thưởng dành cho tôi là rượu và gái phải không?” Tôi diễn thơ như sau, anh nghe xem:

“Thiên Đàng hứa hẹn đông nhiều.
Rượu ngon, mật ngọt, yêu kiều gái xuân.
Trần gian cấm rượu, giai nhân.
Mai sau gái rượu thưởng phần phải chăng?”

Ông Tư khen ông Phi mau mắn, và giàu cảm xúc. Mới đọc qua mà đã diễn thành thơ liền. Ông Phi muốn mượn một tập thơ của Omar Khayyam về để diễn thành thơ Việt ngữ. Ông Tư cười và nói:

“Chậm mất rồi anh ơi. Học giả Nguyễn văn Hòa đã dịch tập thơ của Omar Khayyam rồi. Tôi chưa được đọc tập thơ

do cụ Hòa dịch. Tôi nghĩ, cụ Hòa giỏi về ngữ pháp, nhưng cái năng khiếu vận dụng ngôn ngữ, năng khiếu gây xúc động trong lòng người đọc, thì mỗi người mỗi khác. Nếu thích thơ của Omar Khayyam, anh tìm bản dịch của cụ Hòa, rồi muốn diễn thơ theo lối anh, thì liên lạc với cụ Hòa mà bàn lại cho kỹ. Tôi nhớ anh có nói là “cứ mang cái nghiệp thơ vào mình”. Anh có thể cho tôi biết hơn một chút về cái “nghiệp” đó như thế nào không?. Làm thêm lon bia nữa đi. Mỗi còn nhiều, vừa ăn vừa nói chuyện đời chơi.”

Uống một hơi bia, gắp thêm lòng heo nhai, nuốt. Ông Phi mơ màng nói:

“ Mới gặp anh lần đầu mà tôi tưởng như tri kỷ từ lâu. Sở thích cùng đồng điệu. Nói anh đừng cười, tôi tự xem mình như là đứa con của thơ. Bởi tôi được cấu thành do hai câu thơ của bố tôi. Dong dài một chút. Ông ngoại tôi là một người khoa bảng, văn hay chữ tốt, để lại nhiều tập thơ rất hay. Mẹ tôi là con út trong gia đình, nhan sắc mặn mà nổi tiếng, được ông ngoại tôi cho học cả chữ Pháp lẫn chữ nho. Mẹ tôi thuộc lầu lầu hàng ngàn bài thơ, hàng ngàn câu ca dao. Khi nào ông ngoại tôi làm được bài thơ đắc ý, thường bảo mẹ tôi ngâm cho ông nghe. Bố tôi con nhà nghèo, hồi đó học hành chưa tới đâu, yêu thầm trộm nhớ mẹ tôi.

Một hôm bố tôi nghe có gia đình ông tham tá lục lộ đi coi mắt mẹ tôi. Anh nhớ thời xưa đó, ở Hà Nội có câu “Phi cao đẳng bất thành phu phụ”, nghĩa là không tốt nghiệp trường cao đẳng thì đừng hy vọng chi lấy được vợ đẹp, con nhà đàng hoàng. Bố tôi học chưa xong trung học, không nghề nghiệp gì, nghe có người đi coi mắt mẹ tôi, ông quýnh lên. Trăn trở nhiều ngày đêm, viết được hai câu thơ. Chờ đêm về, khi mẹ tôi đang ngồi học bên bàn, cạnh cửa sổ. Ông vén màn, ném lá thơ vào, rồi bỏ chạy như ma đuổi. Mẹ tôi

bắt được mở ra đọc, chỉ có hai câu:

“Đừng ham xe điện tàu bay.
Bỏ xe tay mà tội!”

Thiệt tình, về cũng không phải mà thơ con cóc cũng không phải. Thế mà bố tôi đã trần trở, mất bảy ngày đêm mới sáng tác được. Nhưng mà lại có hiệu quả mới lạ chứ. Mẹ tôi đọc xong, cảm động, con người gì mà khiêm tốn lạ lùng, tự ví mình với chiếc xe tay khốn khổ. Mẹ tôi trình lá thơ cho ông ngoại tôi xem, ông cười ngất, và khen bố tôi nhân hậu thật thà. Rồi nhất định gả mẹ tôi cho bố tôi, dù ông chưa có nghề nghiệp gì.

Bố tôi lấy được vợ, không muốn nhờ nhà vợ để đi học tiếp, bỏ ngang, xin làm thơ ký bưu điện nuôi vợ, nuôi con. Anh xem, thế thì, nhờ thơ mà bố mẹ tôi kết hợp và sinh ra tôi. Tôi là đứa con của thơ, chứ còn gì.”

Ông Tư cười vang và nói:

“Tôi phục ông cụ của anh quá. Ngoài bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, và Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư của Lý Thường Kiệt ra, tôi chưa thấy bài thơ nào mang kết quả tốt đẹp cho người làm thơ được đến như vậy. Bài thơ hai câu của ông cụ anh đáng đem vào văn học sử. Không phải thơ hay, không phải cao siêu bí ẩn, nhưng bài thơ đem lại kết quả tức thời. Không thiếu chi người phải vắt óc viết đến ba bốn tập thơ ca ngợi người đẹp, mà cũng chưa nên cơm cháo gì.”

Ông Phi cười và nói tiếp:

“Tôi cũng phục ông cụ tôi vô cùng, viết được hai câu thơ như vậy mà dám đem gửi cho mẹ tôi, một người con gái

thơ phú đầy mình. Được vợ, nguồn thơ của bố tôi tịt ngòi từ đó. Không biết có phải vì bố tôi thấy tài năng và kiến thức về thơ của ông, so với vợ, cũng như vũng nước mưa bên đường so với đại dương mênh mông chẳng. May thay, ông không làm thơ thêm, nếu không thì chắc người đời cũng khổ lây, vì phải nhả mặt mà đọc thơ ông. Tôi lớn lên trong lời ru thơ của mẹ, những câu ca dao, những câu Kiều, những Chinh Phụ Ngâm, Tì Bà Hành, đến nỗi khi vào trường, không học, mà tôi thuộc lòng nhiều tác phẩm thơ, từ câu đầu đến câu cuối.

Lạ lùng, học bài thì không thuộc, nhưng đọc thơ qua một lần là tôi nhớ lâu lâu. Tôi thuộc gần hết các bài thơ hay thời tiền chiến, thời hiện đại, và thuộc luôn thơ của bạn bè thân thiết. Thời nhỏ đi học, tôi viện cớ trời nắng, trời mưa, đòi ở lại buổi trưa tại trường, để nhịn ăn trưa, dành tiền mua sách, mua thơ. Thời đó tôi ốm nhom vì nhịn ăn mà mua sách. Mới học tương đương với lớp bảy, lớp tám bây giờ, tôi để cái đầu bù xù như tổ quạ, bạn bè kêu tôi là Chateaubrian, tên một thi sĩ danh tiếng của Pháp. Bố tôi đánh đòn đến mấy, cũng không hạ được cái đầu tóc bù xù của tôi.

Tôi tưởng mình là nhà thơ lớn thật, vợ vẫn làm thơ, không chịu học bài. Có hôm làm luận văn, tôi viết theo lối văn vắn lục bát. Thầy giáo phê vào bài luận đó là “Nhảm nhí” và cho hai điểm trên mười. Thế mà cũng không làm tôi tỉnh ngộ. Tôi bị thi rớt trung học khi vào vấn đáp vì môn quốc văn. Cô giáo hỏi tôi về “ ý nghĩa tiếng đàn trong truyện Kiều”, tôi nghĩ là mình trúng tủ, nói thao thao bất tuyệt. Cô ngắt lời tôi mấy lần, mà tôi cứ nói cho sưng miệng. Cô giận thằng nhỏ ngông nghênh, bảo là lạc đề, cho tôi số không. Năm đó tôi ở lại lớp, phần chí, làm được

tập thơ cả bảy tám chục bài. Tập thơ mất, tôi không còn nhớ bài nào, nhưng có lẽ không đến nỗi có thể so sánh với thơ của ông bố tôi.

Đạo đó, vì đọc tiểu sử của các nhà thơ, tôi nghĩ là phải có nàng thơ, thi sĩ mới có nhiều cảm hứng, làm thơ hay. Tôi quyết định chọn cô bé ở xóm trên làm nàng thơ của tôi. Và không ngờ, tôi đâm ra yêu thật cái cô gái có tay dài như tay vượn, và môi dày che cái răng khểnh đó. Tôi làm thơ ca ngợi nàng, xa gần tả tình tả cảnh. Làm thành một tập thơ, nhan đề là “Cánh Nhạn Bên Trời”. Bối nàng tên là Yến. Tôi đưa tập thơ cho một anh bạn trong xóm đọc. Anh này lựa chừng hai chục bài ưng ý nhất, chép lại thành một tập thơ, lấy tên là “Gọi Yến Mây Ngàn”. Chữ anh này đẹp lắm, viết tay mà vuông vắn tròn trịa, đều đặn như chữ in. Cuốn thơ của anh cắt xén gọn gàng, thuê thợ đóng bìa cứng gáy da. Anh đem tặng cô Yến, và bảo là thơ của anh làm tặng cho cô. Tôi không biết chuyện này. Khi tôi rụt rè đưa tặng cô Yến tập thơ của tôi, cô cũng nhận. Mấy ngày sau, cô ném tập thơ vào mặt tôi mà mắng: “Đạo thơ của người khác, không biết xấu hổ”.

Tôi xấu hổ vì bị ném tập thơ vào mặt, và thất tình, tôi xin đi sĩ quan Thủ Đức. Thấy tôi bỏ học, bố mẹ tôi buồn phiền lắm. Nhưng nhờ võ vẽ năm ba câu thơ, vào quân trường tôi được sung vào ban văn nghệ chuyên làm báo, khỏi đi học bãi, khỏi đi tập thành. Nửa khóa học đã qua, mà tôi chẳng bao giờ ra bãi tập cả, tôi sợ thi rớt ra trung sĩ, một hôm trốn ban văn nghệ theo các bạn ra bãi tập. Khi học cận chiến, huấn luyện viên hô “Thủ thế”. Trong khi toàn thể khóa sinh nhảy ra, chân trước chân sau, hai bàn tay xòe ra, khuỷu tay co lại che ngang ngực, thì tôi rùn chân xuống, hay bàn tay mấm lại tựa vào hông theo thế thủ mà tôi biết.

Khi thấy mình khác bạn bè, tôi sửa thế lại, thì huấn luyện viên đã hét lên:

“Anh kia, vào đây đã nửa khóa rồi, mà chưa biết thế thủ. Sao mà dần dần đến thế. Phạt anh hai trăm cái hít đất, chạy năm vòng sân”. Khi tôi vừa thi hành hình phạt xong, mệt muốn ngất người, đang nôn ọe xây xẩm, thì khóa sinh trực ra tận bãi tập, kêu tôi về trình diện sĩ quan trưởng ban văn nghệ. Ông chửi bới vuốt mặt không kịp, bảo tôi trốn làm văn nghệ, và phạt thêm hai trăm cái hít đất. Tôi xin trình bày, định nói với ông là không đi học, thì sau này làm sao mà thi cử, nhưng ông gạt đi, không cho tôi nói. Bạn bè cho tôi biết, các khóa sinh hoạt động thường trực cho các ban ngành, thì sẽ được các ông sĩ quan trưởng ban gọi gắm khi thi cuối khóa, khỏi lo làm bài được hay không. Nhưng số tôi mạt, trước khi thi thì vị sĩ quan trưởng ban văn nghệ bị thuyên chuyển về đơn vị khác.

Không ai gọi gắm, chúng tôi may mắn, thi đậu nhưng chót bằng. May mà không thi rớt, phải ra trung sĩ. Bởi vậy, bọn trong ban văn nghệ chúng tôi bị về trấn đóng những nơi khỉ ho cò gáy. Tôi bị đưa về Đông Hà, gần giới tuyến. Cũng nhờ gần đại học Huế, nên mấy năm sau, khi đã có tú tài hai, tôi ghi danh đại học văn khoa Huế. Lâu lâu chạy đi chạy về Đông Hà – Huế, hốt hoảng dự vài buổi học rồi về đơn vị. Trở lại đời sinh viên bán chính thức, tôi thấy lòng vui và yêu đời hơn. Bài vở tôi chỉ học qua loa, thi đậu hay rớt cũng không quan trọng, thế mà bốn năm, tôi lấy được cái cử nhân văn chương. Cũng vì thơ phú, mà tôi dính với một cô sinh viên bạn học, là vợ tôi bây giờ. Cô đọc được thơ tôi đăng trên báo quân đội.

Đúng là thơ là cái nghiệp của đời tôi. Bố tôi cũng nhờ thơ mà được vợ, tôi cũng vì thơ mà có vợ. Thật tình đạo đó,

tôi cũng chưa dám lập gia đình, vì đời lính, sống chết chưa biết ngày nào, mà lương tiền cũng không dồi dào chi. Lấy nhau là đem nhau vào vất vả, âu lo.

Cuộc sống khó khăn của thực tế sẽ chôn đi bao nhiêu thiên đường mộng mơ đẹp đẽ. Trước khi lập gia đình, tiền lương của tôi hầu như chỉ để ăn và cúng cho các tiệm sách. Đi đâu cũng lè kè mang theo mấy thùng sách như của gia bảo. Có khi hầm trú ẩn của tôi thành một cái thư viện nhỏ cho anh em binh sĩ giải trí đỡ buồn nơi tiền đồn heo hút. Khi sách quá nhiều, thì gửi về nhà bố mẹ tôi. Sau khi có gia đình, thì lâu lâu mới lén lút mua được cuốn sách. Vì nếu vợ tôi biết được, thì ồn ào nhà cửa. Một điều lạ lùng nữa, vợ tôi vì thích thơ của tôi mà lấy tôi. Nhưng sau khi lấy nhau rồi, thì bà không muốn tôi làm thơ nữa. Mỗi lần viết thơ, tôi phải lén lút, dấu diếm như làm việc quốc cấm.”

Ông Tư mở thêm lon bia nữa, nài ép ông Phi:

“Làm thêm ít lon bia nữa, có sức mà kể chuyện xưa. Ăn nhiều vào, loại gà xì dầu này, mua ở tiệm đặc biệt, tận San Francisco đó. Chuyện anh kể vui quá. Rồi sao nữa trong cái nghiệp chướng hệ lụy của thơ văn?” Bốn năm lon bia đã nung mặt ông Phi đỏ bừng, hai mắt lơ lơ. Vừa nhai, ông Phi vừa kể tiếp:

“Cuộc đời lắm chuyện ly kỳ. Năm sáu năm sau, kể khi tôi tôi thất tình bỏ đi lính, thì tôi gặp lại anh bạn ăn cắp thơ tôi, và cuỗm luôn cả nàng thơ của tôi. Khi đó tôi đã là đại úy đại đội trưởng. Anh bạn là chuẩn úy mới ra trường được gửi đến đơn vị tôi. Khi trình diện tôi, anh bạn xanh mặt, vì sợ tôi trả thù. Tôi làm như không biết và không nhớ chuyện xưa, vồn vả chào hỏi đón tiếp anh ấy. Cái hình ảnh

nàng thơ xưa đã lu mờ hẳn trong trái tim tôi, đó chỉ là mối tình thầm kín vớ vẩn dại dột của tuổi mới lớn. Thất tình một cách ngu xuẩn, vì đã có tình ý chi với nhau đâu. Thế mà bỏ học, làm cha mẹ khổ buồn.

Anh bạn cũng làm như không nhớ chuyện xưa. Sau này biết đời sống khốn đốn của anh bạn với nàng thơ xưa, tôi càng tử tế hơn, vì biết ơn anh đã lãnh dùm cho tôi cái cán búa. Nàng thơ xưa của tôi, nay trở thành bà chằng lửa dữ dần, nạt nộ chồng con như tát nước. Không còn đẹp như trong lời thơ tôi khi trước:

“Em hiền Thánh Nữ đồng trinh.
Trái tim nhân ái, nuôi tình trăm năm.”.

Sau khi tôi lấy được cái bằng cử nhân, và nhờ một số thơ đăng rải rác trên báo quân đội, tôi được đưa về cục tâm lý chiến. Bởi vậy nên khi miền Nam thua trận, phải đi tù, chúng đày tôi ra miền Bắc. Trong tù, chúng tôi vẫn làm thơ và lén lút đọc cho nhau nghe. Bọn cai tù biết được, biệt giam tôi vào cái hầm kín, cái tầng địa ngục này, ngày thì nóng như lò thiêu xác, đêm thì lạnh như hầm băng. Tôi sống sót được nhờ thơ. Ngày đêm tôi làm thơ, đọc thơ, nghĩ thơ, và thở ra hơi thơ để cầm giữ sự sống, để chống chỏi với cô đơn, đói khát, đau đớn thể xác. Trong các hầm giam này, khó ai sống sót qua một tuần.

Thường thì thi thể tội nhân được khiêng ra, đã thành cái xác khô, thối hoắc. Thế mà tôi sống sót qua ba tháng. Xác tôi được kéo ra, chúng định ra lệnh đem chôn, nhưng có người nói tôi chưa chết. Tôi nằm thoi thóp thêm mấy tháng nữa ở nơi mà chúng nó gọi là bệnh xá. Bọn quản giáo nghĩ là tôi sắp chết, cho về nhà, để làm rạng đức khoan hồng của ‘cách mạng.’ Nhờ vợ con chăm nom thuốc men, tôi

không chết. Nếu không được về, thì đã gửi thầy ngoài núi rừng Bắc Việt là chuyện chắc.

Tôi bám lấy thành phố, dù công an đêm ngày thúc dục đuổi tôi đi kinh tế mới. Tôi hành nghề hớt tóc vỉa hè. Treo một cái gương, đặt một chiếc ghế trong hẻm của xóm Tấm Ngựa. Hớt tóc cho bà con quanh xóm. Ai trả bao nhiêu cũng được. Thời đó, mọi sinh hoạt đều được quốc doanh hóa, duy không có quốc doanh hớt tóc. Thế mà nhờ đó, tôi lại có cơm cháo qua ngày. Tôi vừa hớt tóc, vừa ngâm thơ cho thiên hạ nghe, ai cũng khoái, khách hớt tóc của tôi nườm nượp. Nhưng rồi tai họa tới, cũng vì thơ cả.

Có người tố cáo tôi đọc và làm thơ “phản động”. Công an bắt tôi và soát nhà, lôi ra tập thơ cả mấy trăm bài, làm sao mà khỏi có thơ “phản động”. Tôi bị gán tội biệt kích văn nghệ, gián điệp Mỹ gài lại, để làm cuộc chiến tranh văn hóa, tâm lý. Chúng gán cho tôi là kẻ sáng tác ra những bài ca dân gian chế diễu, mỉa mai chính quyền. Tôi không nhận tội. Chúng lại biệt giam tôi một lần nữa tại Chí Hòa.

Một năm nằm trong phòng biệt giam. Không cho liên lạc gia đình, bà con. Nằm trong đó, tôi thêm đọc, thêm một miếng giấy có chữ, không cần nội dung, có chữ mà đọc cho đỡ ghiền, đỡ cô đơn. Mùa hè trời nóng nực, cứ sáu ngày chúng cho đi tắm một lần. Mỗi lần được ra tắm là sướng lắm, sướng hơn cả lần đầu tiên được hôn người con gái. Vì được thấy mặt trời, thấy ánh sáng chói chan, và nhất là được thở không khí trong lành đầy lồng ngực. Lại được tắm trong vòng năm phút, nước chảy trên người như xối cả hạnh phúc, xối cả sung sướng lên thịt da, lên đầu tóc, chảy len vào từng kẽ tay, khe chân. Sướng lắm.

Thế mà có lần được ra tắm, tôi thấy một miếng giấy báo

nhỏ, miếng giấy chùi dít có vệt phân khô của ai đó bay ra khỏi thùng phân khi đem đi đổ. Trên miếng giấy báo đó, tôi thấy loáng thoáng từng giòng như có một bài thơ. Tôi mừng run lên. Giả vờ làm rớt cái khăn lên miếng giấy, rồi cúi xuống lượm khăn, cặp luôn miếng giấy dẫu vào trong khăn. Thế là bỏ một lần tắm quý báu. Dem mảnh giấy báo về phòng, tôi dùng khăn thấm nước nhẹ nhàng chùi vệt phân trên giấy, kỹ lưỡng hơn các nhà khảo cổ lượm được di tích nhiều ngàn năm trước. Tôi đọc được, đó là bài thơ ca tụng lao động sản xuất của một gã bồi bút. Nhưng tôi thấy sung sướng, sáng khoái, và niềm cô đơn thềm khát chữ nghĩa được thỏa mãn. Tôi cất kỹ như một báu vật, lâu lâu đem ra đọc như để tự đả mình.

Cho đến ngày ra khỏi biệt giam, tôi không biết mình đã đọc tấm giấy kia được bao nhiêu ngàn lần. Kỳ lăm anh ạ. Cho đến bây giờ, mỗi khi ngồi bàn cầu, tôi cũng phải có cái gì để đọc mới đi cầu được. Nếu không thì cứ ngồi hoài. Có khi đến nhà lạ, không có sách vở báo chí trong nhà cầu, tôi phải cầm cái ống kem đánh răng, sấm soi mà đọc những giòng chữ in trên đó, để có thể đi cầu được. Đó là một thói quen không tốt, nhưng cũng là một thứ hạnh phúc nho nhỏ của cuộc đời tầm thường này.

Nhà cầu bên mình, tối tăm, chật chội, ẩm thấp, hôi hám, ruồi nhặng vi vút oanh tạc, thế mà tôi cũng phải có cái chi đọc. Huống chi nhà tiêu bên này rộng như phòng ngủ, sạch sẽ như phòng khách, thơm tho, có nhạc mềm nhẹ ru đưa, thì cứ ngồi trên bồn cầu mà đọc sách, là sung sướng ngất trời. Hạnh phúc đơn giản thế, tội chi mà không hưởng.”

Hai ông Tư và Phi, mỗi ông đã cạn hết bảy tám lon bia, ăn gần hết con gà, đĩa tôm khô và lon củ kiệu. Mặt họ đỏ lửng, mắt mờ lim dim. Ông Phi nhớ đến công việc phải

làm, đứng dậy nói lè nhè:

“Thôi, rán làm việc một chút. Bóng nắng đã xế. Chuyện trò mãi không bao giờ hết. Thơ với thảo. Nợ với nần. Nghiệp với chướng.” Ông cầm cái bay cạo lên tường, nhưng say quá, cái bay cứ rớt xuống đất mãi. Ông Tư cũng ngật ngã, loạng choạng đi vào nhà kho, kéo hai cái ghế xếp bật ra, kê dưới gốc bưởi và kêu ông Phi:

“Thôi anh ơi. Tội chi mà không nằm xuống đây chợp một giấc cho đã đời. Dễ chi có được một ngày vui như hôm nay.”

Ông Tư và ông Phi nằm dưới bóng mát cây bưởi mà thi nhau ngáy như kéo gỗ. Thỉnh thoảng ông Phi mấp máy môi, ngâm thơ trong giấc ngủ. Mấy con chim nhỏ trên cành, nghiêng đầu liếc mắt nhìn xuống hai ông bạn thơ nằm ngủ, rồi cất tiếng hót nhẹ nhàng như lời ru.

Khi hai ông thức giấc, thì nắng chiều đã nhạt và gác nghiêng nghiêng. Bầy ruồi và ong áo-cánh-vàng đậu đầy mấy đĩa thức ăn, chia phần ăn nhậu. Ông Tư đứng dậy vươn vai, nhìn cái nhà kho mà lo ngại. Khi bà Tư về, thế nào cũng cần nhần, to tiếng gây gỗ ồn ào, vì hai ông chỉ mới cạo được vài mảng sơn nhỏ trên tường.

Ông Tư tuyên bố ngày làm việc đã mãn. Đưa ông Phi ra về. Ông Phi thì cứ nhìn lại cái kho, như ái ngại lắm. Khi ra khỏi cổng, ông Tư cầm tiền trả công đưa cho ông Phi. Ông Phi gạt đi và nói:

“Tôi có làm gì đâu mà trả công? Còn được ăn nhậu, đọc thơ, tâm sự đông dài. Đáng ra, nếu tôi có tiền, thì phải trả ngược lại cho anh là khác. Đừng làm tôi áy náy, không yên tâm.”

Ông Tư nài nỉ, nhét tiền dúi vào túi quần ông Phi, nói với giọng khẩn khoản:

“Thì cũng mất một ngày công của anh. Được biết anh, có được một ngày vui như hôm nay, thì bạc ngàn cũng mua không ra. Đời có nhiều thứ còn quý báu hơn bạc tiền.”

“Vâng, tôi nhận cho anh vui lòng, nhưng để cái kho đó, tuần sau tôi đến sơn cho anh, làm cho xong mới thôi, không nhận thêm đồng tiền công nào cả. Chỉ cần cho tôi mượn vài cuốn thơ đọc chơi là được rồi.”

Hai ông bạn thơ cầm tay nhau cười sung sướng.

Tràm Cà Mau

**XIN ĐỌC & CỔ ĐỘNG
TẬP SAN THẾ ĐẠO**

**XIN GIỚI THIỆU
Trang web của Ban Thế Đạo
www.banthedao.net**

Amour et Justice
Tình Thương & Công Chính
Hiền Tài Lê Văn Thêm

(Tiếp theo TSTĐ số 58)

CHƯƠNG III.
AMOUR = NHÂN ÁI
với NHÂN ĐẠO ĐẠI ĐÔNG

Từ xưa đến nay, giáo chủ các đạo hay các nhà truyền giáo dù có lập ra nghi lễ hay giới luật khác nhau, luận chứng hay



giáo lý không giống nhau, nhưng xét cho đến cùng và đi sâu vào nội dung thì chưa có đạo nào, nhất là Tam Giáo Phương Đông, đi ra ngoài chữ NHÂN.

Đức Lão Tử thì bảo là Từ (Ngã hữu tam bảo, tri nhi bảo chi. Nhất viết từ...); Đức Chúa Jesus thì không ngoài yêu thương người như mình, xem thù như bạn; còn với Đức Thích Ca

thì đó là Từ Bi Hỷ Xả. Tất cả cũng không gì khác hơn là NHÂN, cũng là NHÂN mà với Nho Tông hay Khổng Giáo

thì đó là Tông Chỉ.

Nho tông từ thuở Tây Chu với Chu Công Đán và từ thời Xuân Thu Chiến Quốc với Đức Khổng Phu Tử đã truyền bá một mối Đạo Nhân vô cùng cao thâm mà tông chỉ Phối Thiên thì thật là vi diệu.

Tông chỉ Phối Thiên nhằm cứu nhân độ thế này đã xuất hiện khá lâu, trên hai ngàn năm trăm năm, trước khi đạo Phật du nhập vào Trung Quốc.

Tiếp thay, trải qua thời gian và không gian với bao biến thiên dồn dập và vì nhu cầu quốc sự cũng như sự cần thiết cho việc tế thế an bang nên trên thực tế một số giáo chỉ chủ đạo và một số giáo điều căn bản của Khổng học, hay nói rõ hơn là những lời dạy dỗ và dặn dò tâm huyết của Đức Khổng Phu Tử đã bị các triều đại phong kiến liên tiếp ở phương đông cần dùng và sử dụng. Họ sử dụng tư tưởng của Khổng Tử như một hệ ý thức của giai cấp mà họ đại diện và họ đang cần được “ý thức hệ” này phục vụ cho sự vững mạnh và trường tồn.

Đây chính là nguồn cơn đã làm cho cơ Thiên Đạo của Khổng Giáo chỉ còn là một mối Nhơn Đạo trị quốc an dân, và những bậc Chân Nhân, Thiên Mệnh Thiên Tướng trở thành không gì khác hơn là những vị Quân, Sư, Phụ, hay phụ mẫu chi dân, có cao lắm đi chăng nữa thì cũng chỉ là những khách trần gian vang bóng một thời, chớ cơ nghiệp Phối Thiên thì phải đành gác lại.

Với hiện tình như vậy nên trong phạm vi của phần tiêu đề amour là lòng Nhân Ái, là Nhơn Đạo Đại Đồng, bài viết này chỉ xin được trình bày Đạo Nhân trong bối cảnh hiện thời và thực tại, tức đạo Khổng được hiểu chỉ thu gọn vào

Nhơn Đạo, Nhân Ái, cũng có nghĩa là lòng nhân mà câu chuyện giữa Phàn Trì và Đức Khổng đã nêu rõ như sau:

A- AMOUR = NHÂN ÁI:

Khi Phàn Trì, một đồ đệ của Khổng Tử hỏi Ngài thế nào là nhân, phải làm thế nào mới gọi là nhân thì Đức Khổng trả lời rằng phải có lòng thương người, phải làm sao thương yêu được người thì ấy là nhân (Phàn Trì vấn Nhân, Tử viết: Ái Nhân) (Luận Ngữ: Nhan Uyên)

Nghe Khổng Tử trả lời vấn tất như vậy, Phàn Trì chẳng chút an lòng. Phàn Trì trong thâm tâm nghĩ là giữa mình và người luôn luôn có sự ngăn cách hay xa rời, do đó Phàn Trì có ý sợ mình thương người mà chưa chắc được người thương lại, vì thế nên hỏi tiếp rằng: “Nhân tất phải thương người đành rồi, nhưng có khi phải đối diện với người xa lạ thì thế nào là dụng chữ nhân của mình được?”

Khổng Tử biết ý của Phàn Trì nên dạy “Nếu người cứ thương người, cứ làm điều nhân, cứ xử và chấp sự một cách cung kính với một mực trung thật (dữ nhân chung) thì có lo gì mà không được người thương, dù người có đi đến đất đai mọi rợ (di dịch) cũng chẳng ai bỏ người” (Phàn Trì vấn nhân, Tử viết: Cư xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung, tuy chỉ di dịch bất khả khí dã)

Sở dĩ Đức Khổng Tử giải thích chữ nhân và phương pháp làm nhân như vậy là vì Ngài biết Phàn Trì là một người có tính chất hơi nặng về phần tự tư tự lợi, từng có lúc xin học nghề nông, nghề làm vườn, một người có ý chú trọng về mặt lợi riêng, chuyên về lợi kỹ mà ít để ý đến lợi tha nên nhân câu hỏi này của Phàn Trì, Ngài muốn dạy người đồ đệ phải có lòng Nhân Ái, phải làm sao cố giữ được cái đạo

Nhân Luân và Thường Ngũ.

Thường Ngũ hay Ngũ Thường trong Nho giáo hay Khổng giáo là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Đó là năm sợi dây nó gắn liền hay siết chặt giữa con người với con người để cho họ giữ tròn được cái mối đạo nhân nghĩa với nhau được gọi là Nhơn đạo.

Trong Ngũ Thường thì Nhân là cao nhất, tức Nhân đứng đầu trong Ngũ Thường và Nhân cũng đứng đầu trong Nhơn đạo, vì thế nên con người khi biết ái nhân hay có lòng nhân ái thì được gọi là có giữ được Đạo Nhân. Nói rõ hơn, Đạo Nhân ở đây với ý nghĩa là Nhân ái chỉ diễn tả lòng Nhân và còn vị kỷ chớ chưa hẳn vị tha.

Còn Ngũ Luân, đó là cái đạo giữa những nhóm người mà cũng có giữa hai người, là một sự dây vô hình tự gắn kết và siết chặt lại hầu hết các thành phần trong xã hội gồm có quân thần, phụ tử, phu thê, huynh đệ và bằng hữu mà trong đó nhân cũng đứng đầu và là một mối giềng keo sơn kết chặt.

Về chữ Nhân đứng đầu và cao nhất trong các cái đạo Nhơn Luân và Nhơn Thường, có một câu chuyện lịch sử sau đây xảy ra vào thời Xuân Thu Chiến Quốc diễn tả cái diệu dụng và cao thượng của mối Đạo Nhân, với ý nghĩa là Nhân ái.

B- MỘT CÂU CHUYỆN VỀ LÒNG NHÂN ÁI:

Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, có bảy nước mạnh nhất ở Trung Hoa được gọi là thất hùng. Tất cả đều muốn thôn tính lẫn nhau, chiếm đoạt đất đai của nhau để làm bá chủ Trung Nguyên, vì thế mà chiến tranh xảy ra liên miên, chẳng có thời gian nào được yên tĩnh.

Trong số thất hùng, nước Sở vốn nhờ đất đai rộng lớn và quân binh hùng mạnh nên dần dần nổi lên làm bá chủ một phương. Các Sở Vương thi nhau chinh đốn binh mã, chiêu mộ anh hùng và tích trữ lương thực để toan tính đến đại sự.

Đến đời Sở Trang Vương, sau khi liên tiếp đạt nhiều chiến công, tạo nhiều chiến tích nên nhà vua rất hài lòng. Vua hạ lệnh cho mở tiệc khao thưởng và mời tất cả các tướng lẫn quần thần đến chung vui. Vua tôi chè chén hứng thú say sưa cho mãi đến khi trời tối mà vẫn chưa thỏa lòng, liền truyền thấp đèn lên để tiếp tục.

Do việc nước Sở vốn chưa được thuần hóa theo phong tục Trung Nguyên nên hề nếp giao tiếp với nhau vẫn còn rất tự nhiên, và trong khi quá hứng thú, Trang Vương liền truyền lệnh cho các cung nhân, phi tần ra tiếp rượu tương sĩ để tăng thêm phần vui vẻ.

Trong khi mọi người còn đang vui say nghiêng ngả thì chợt có một cơn gió mạnh thổi đến làm cho bao nhiêu đèn đuốc đều tắt hết. Ai nấy quát gọi tìm lửa, tìm đèn và trong lúc quá bối rối, quân lính không làm sao tìm ngay ra được.

Nhân lúc không đèn tối đen và có một phi tần đứng gần bên cạnh, một viên tướng trẻ liền thò tay giật chéo áo để trêu ghẹo. Đây là phi tần tuyệt sắc nhất được nhà vua hết sức sủng ái quý yêu; Phi tần này liền chụp ngay dải mũ của viên tướng nọ và tâu lớn lên rằng: “Có kẻ vô lễ chọc ghẹo thần thiếp. Thần thiếp đã giật được dải mũ của hấn. Xin đại vương mau cho lệnh nổi đèn đuốc lên. Người nào không có dải mũ đích thị là thủ phạm phải bị trừng trị.”

Trong bóng tối Sở Trang Vương thầm nghĩ: hôm nay ta đã cho phép tương sĩ và bá quan uống thật say lẽ nào bây giờ

chỉ vì một chuyện nhỏ trên hoa gheo nguyệt mà lại đi bắt tội bề tôi. Như vậy sau này tất nhiên họ cho ta là coi trọng sắc đẹp nữ nhi hơn bầy tôi tận tâm tận sức. Nghĩ như thế, nhà vua nói lớn lên như ra lệnh:

“Ngày hôm nay ta muốn tất cả cùng say đến quên hết mọi việc. Người nào chưa say đến đổi làm đứt hết dải mũ thì chưa thật lòng với ta.”

Quần thần tướng sĩ nghe vậy đều hoan hô và tự mình giật hết dải mũ để tỏ ý tuân lệnh. Rốt cuộc không ai có thể biết được ai là người đã trên gheo ái cơ của nhà vua và câu chuyện được lướt qua rồi đi vào quên lãng.

Hơn một năm sau, nước Sở và nước Tấn xảy ra chiến tranh. Hai bên liên tiếp giao chiến luôn nhiều trận long trời lở đất mà trận nào cũng có một viên tướng trẻ dưới quyền của viên tướng già là Tương Lão liêu minh chiến đấu, không nệ tử sanh, hăng say đánh lui quân địch. Nhờ vậy mà nước Sở thắng hết trận này đến trận khác, khí thế quân Sở tăng cao, càng chiến đấu lại càng vô cùng dũng mãnh.

Sở Trang Vương biết Tương Lão tướng tuy có nhiều kinh nghiệm, nhưng vì đã già sức lực có hạn nên không thể nào tiến binh dễ dàng chẳng khác nào như chẻ tre vậy được. Do đó, sau khi lệnh trại ở dưới thành Hoàng Dương, Trang Vương liền cho triệu Tương Lão đến để phán hỏi. Tương Lão tướng không dám giấu diếm, khai thật rằng toàn bộ công lao đều do một viên tướng trẻ tên là Tưởng Hùng. Chính Tưởng Hùng đích thật là một anh hùng đã lập được đầu công. Nhà vua hết sức vui mừng, lập tức xuống lệnh cho gọi Tưởng Hùng vào để ban thưởng.

Trước mặt nhà vua, khi được khen thưởng, Tướng Hùng nhất quyết từ chối vàng bạc, chức tước và tâu rằng:

“Hạ tướng đã một lần được hưởng ân đức trọng hậu của Đại Vương rồi, nay sao còn có thể vì một chút công lao nhỏ mọn này mà nhận thêm ban thưởng nữa”.

Sở Trang Vương vô cùng kinh ngạc phán hỏi:

“Từ trước đến nay ta đâu biết tên tuổi người và cũng nhớ rằng chưa hề ban thưởng cho người thứ gì. Sao người lại cho rằng đã nhận ơn đức quá lớn?”

Tướng Hùng khi ấy mới cúi đầu thú nhận:

“Hạ tướng là Tướng Hùng, trước kia trong một tiệc rượu vào đêm vì quá say nên đã lỡ tay trêu ghẹo phi tần của Đại Vương nhưng Đại Vương đã không trách phạt, rộng lòng tha thứ bỏ qua, đó thật ơn nghĩa quá lớn lao mà hạ tướng được nhận, dù có xả thân báo đền đến đâu cũng chưa đủ, vì vậy thần thật không dám nhận bất cứ ân huệ nào của bệ hạ nữa.”

Sở Trang Vương nghe qua cả cười, đã không bắt tội mà còn ban thưởng cho Tướng Hùng rất hậu, lại truyền đặt tên cho buổi yến tiệc ấy là Tuyệt Anh Hội (hội bỏ hết dãi mủ) để các tướng sĩ và quần thần ghi nhớ mà hết lòng với nước nhà¹

C_ LUẬN GIẢI VỀ CHỮ NHÂN QUA CÂU CHUYỆN TƯỚNG HÙNG VÀ SỞ TRANG VƯƠNG:

Khi ban lệnh mặc nhiên không truy xét kẻ đã dám trêu ghẹo ái thiếp của mình, có thể Sở Trang Vương trong nhất

1- Luận Về Chữ Nhân, Huyền Cơ, Tủ sách Ngũ Thương, NXB. Trẻ V.N, 2007, trang 53-54-55).

thời chỉ muốn cho cuộc vui được trọn vẹn, và chắc nhà vua không hề nghĩ rằng một ngày nào đó sẽ có việc ớn đần nghĩa trả mà như danh tướng Tưởng Hùng đã thực hiện sau này.

Có một điều thật chắc chắn là lúc làm việc này, Sở Trang Vương đã làm với tất cả lòng Nhân Ai, với tất cả lượng bao dung và tha thứ.

Do lòng Nhân Ai, Ngài đã thương người với tình thương hoàn toàn vị tha, chớ không vị kỷ, vì nếu còn vị kỷ thì việc này Ngài đã chẳng bỏ qua.

Qua tình thương vị tha tức thương người chẳng phải vì mình mà vì bao nhiêu người khác, vì lương dân lê thứ, vì xã tắc giang sơn nên Sở Trang Vương chỉ muốn cho mọi người được vui, đều vui. Hơn thế nữa, ngoài việc ban vui nhà vua cũng không muốn bất cứ ai phải chịu khổ. Tâm ý cứu khổ này của Ngài đã mặc nhiên được thể hiện qua việc chẳng hề để ý đến lời kêu gọi dù đó là lời râu rối của một ái phi.

Tóm lại, Sở Trang Vương đã làm những việc nêu trên hoàn toàn với lòng Nhân Ai. Phải nói là lòng Nhân Ai vì đây là một sự đối xử thù tiếp thế nhân, giữa những con người với nhau và đó là Nhơn Đạo Đại Đồng được lồng vào khung tiền trần, ngoại cảnh mà trong đó Sở Trang Vương đã làm tròn bốn phận theo đúng lòng Nhân trong Ngũ Thường và Ngũ Luân.

Vì Ngũ Luân, Ngài đã làm tròn bốn phận của một đấng quân vương đối với bề tôi, đối với quần thần cùng ba quân tướng sĩ, giữ trọn lòng nhân và đạo nghĩa.

Với Ngũ Thường, Ngài không quên Nhân, Nghĩa, Trí là

những đức tánh của Nhơn Đạo, giữa những con người với nhau. Chính những đức tánh này, nhất là Trí và Nhân đã làm cho Ngài bỏ qua ngay những lời tấu rối của một phi tần, nếu không thì cuộc vui Khao thưởng đã trở thành một lý do ngoài ý muốn do bởi rượu chè.

Riêng về phần viên tướng trẻ thì Tướng Hùng cũng không kém chi trong đạo Ngũ Thường và Ngũ Luân.

Vì Ngũ Thường, Tướng Hùng đã bày tỏ lòng tin yêu đối với đấng quân vương đã tha tội cho mình. Dù cho đó là cái tội làm nên trong lúc say sưa nhưng nếu nhà vua vì vị kỷ, vì cái ngã và ngã sở là ái phi thì Tướng Hùng làm sao khỏi bị trừng phạt.

Tướng Hùng được tha đã đền đáp lại bằng tất cả nghĩa, lễ, trí và tín. Nghĩa lễ trí và tín đây là những mối giềng của một thân dân, của một tướng sĩ đối với quân vương hay tổ quốc. Tướng Hùng đã xả thân chẳng nề sanh tử để báo quân vương, đền nợ nước, mà cũng để giữ chữ tín, chữ lễ, chữ trí, chữ nghĩa để đền đáp lại cái lỗi của mình được tha. Thật là những giềng mối của Ngũ Thường và Ngũ Luân vô cùng cao cả đã gắn kết con người với nhau tạo ra an bình cho xã hội. Thảo nào mà Khổng giáo lại chẳng được các nước Á Đông tôn sùng trải qua bao đời, bao thiên niên kỷ là một mối đạo tạo được an bình trong xã hội, giữ vững được nền móng của quốc gia nhờ nơi Nhơn đạo.

Nhơn Đạo Đại Đồng khởi thủy từ Lòng Nhân, phát xuất từ Lòng Nhân, phải có Nhân vì thế nên nói đạo Nhân đi từ Nhân Đạo đến Thiên Đạo thì đó là điều không có gì khó hiểu cả. Sở dĩ có khác nhau là do khung cảnh vận dụng, bối cảnh thi triển, thực hiện và mục tiêu nhắm đạt đến mà thôi.

Xin được luận bàn rõ hơn ở phần kế tiếp sau đây để cho thấy ngoài lòng Nhân Ai ít nhiều lồng trong vị kỷ, còn có vị tha, đó là Từ Ai hay Nhân Từ, là mối đạo NHÂN từ Nhơn Đạo đưa đến Thiên Đạo.

CHƯƠNG IV.

AMOUR = NHÂN TỪ

với THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT

Trong sách Luận Ngữ, tại thiên Vệ Linh Công, chương 15, Đức Khổng Phu Tử có nói như sau: “Nhân vô viễn lộ, tắc hữu cận ưu” có nghĩa người không lo xa, ắt phải rầu gần, tức là người không chịu suy tư, tìm hiểu sâu rộng để chuyển hóa thân tâm, chắc chắn sẽ bị lôi cuốn và chôn chặt với cuộc đời trần thế, phúc họa khôn lường.

Đức Khổng Phu Tử khi nói câu trên đây có mục đích rõ rệt là để nhắc nhở người đời nên lập chí tu thân.

Nói về lập chí tu thân thì quan điểm của Đức Khổng Phu Tử tại thiên Thuật Nhi cũng rất rành mạch và rõ ràng. Ngài nói: “Chí ư Đạo, cứ ư Đức, y ư Nhân” có nghĩa là cái chí của con người phải để ở Đạo, hoàn toàn căn cứ, trông cậy vào Đức, và phải có chỗ dựa vững chắc, đó là Nhân. Nói rõ hơn là Khổng Tử khuyên mọi người phải nên để cái chí của mình ở nơi chỗ lập Đạo, trước là Nhơn Đạo rồi sau đến Thiên Đạo. Mà muốn lập Đạo, đến với Đạo và đạt được Đạo thì không gì khác hơn là phải trông cậy hoàn toàn vào cách văn hồi và vun bồi cái Đức. Muốn văn hồi và vun bồi cái Đức cho xứng đáng phận làm người hay cao cả hơn là bậc Hiền Thánh, trên chẳng thẹn với Trời, dưới không hổ với Đất thì chẳng cần phải có gì cao xa cả, chỉ trông cậy hẳn vào Nhân.

Nói về Nhân, thì cũng trong Luận Ngữ, tại thiên Thái Bá và Thuật Nhi, thầy Tăng Tử và Đức Khổng Phu Tử tuân tự dạy như thế này.

Thầy Tăng Tử nói: “Sĩ bất khả dĩ bất hoàng nghị, Nhậm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỷ nhậm, bất diệc trọng hồ? Tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ? (1) có nghĩa là Kẻ sĩ thì chẳng thể chẳng có hoài bão lớn lao. Là kẻ sĩ thì cần phải có chí khí kiên cường, cao cả, bao la rộng lớn với tinh thần cương nghị có công năng phá tan được mọi vướng bận buộc ràng. Lý do là tại sao? Bởi vì gánh nặng mà đường xa, có nghĩa là trách nhiệm phải gánh vác của kẻ sĩ thì rất nặng mà đường thì xa với vợ² không khi nào đến được nếu thiếu Nhân Trí Dũng.

Nhân là cái đức Nhân mà cũng là Đạo Nhân, đó là cái trách nhiệm, cái trọng trách mà kẻ sĩ cũng như mọi người phải gánh lấy. Như vậy chẳng lẽ đó không phải là một cái gánh nặng hay sao? Càng nặng hơn nữa là đối với kẻ sĩ cũng như mọi thế nhân một khi đã hiểu chữ Nhân, nhận đức Nhân thì phải làm cho đến cùng, làm cho đến chết hoặc làm cho đến chừng nào thành đạt mới thôi, như vậy chẳng phải con đường là dài là xa lắm sao!

Nói rõ hơn, khi khuyên bảo như trên, Thầy Tăng Tử có ý nhắc nhở và nhấn mạnh kẻ sĩ cũng như người đời nên lấy chữ Nhân làm giềng mối và Đạo Nhân làm phận sự cũng như trách nhiệm của mình, vì sự thật thì đức Nhân hay Đạo Nhân, đó chính là đạo đức của con người và đó cũng chính là con đường đưa con người từ Nhơn đạo đến Thiên Đạo.

Để đưa mọi người từ Nhơn đạo đến Thiên đạo với ĐẠO NHÂN, và cũng để chỉ rõ đức Nhân, đạo Nhân ở đâu, Đức

2- Luận Ngữ, Thái Bá đệ Bát, Tiết 8

Khổng Phu Tử cũng trong Luận Ngữ tại chương Thuật Nhi đã nói một cách rất rõ ràng như sau:

“Tử viết: Nhân viễn hồ tai? Ngã dục Nhân, tư nhân chí hĩ” nghĩa là, theo Đức Khổng Phu Tử thì điều nhân, đức nhân, đạo Nhân có phải xa ta đâu. Nếu ta muốn có Nhân, tức khắc Nhân sẽ đến ngay với ta vậy.”³

Nói rõ hơn, với Đức Khổng Tử thì điều Nhân, đạo Nhân đó chính là ta, có sẵn nơi ta, ở ngay trong ta, chỉ cần ta có cái ý cái chí nói điều nhân, làm điều nhân thì tức khắc Nhân sẽ đến. Xin được kể lại một câu chuyện sau đây xảy ra trong lịch sử Trung Hoa và thời Xuân Thu Chiến quốc cho thấy rõ điều nhân, ĐẠO NHÂN có sẵn và ở tại mỗi con người.

A.- CÂU CHUYỆN NHÂN TỬ:

“Thời Xuân Thu Chiến Quốc, nước Tần tuy rất rộng nhưng đất đai còn hoang sơ, văn hóa chưa phát triển bằng các nước khác.

Khi Tần Mục Công lên ngôi, ông vốn là người có tham vọng và tài trí nên chỉnh đốn quân đội và sửa đổi lại một số chính sách. Chẳng bao lâu sau đó Tần đã trở thành một quốc gia hùng mạnh trong Thất hùng thời ấy.

Nước Tấn bên cạnh cũng là một cường quốc. Mặc dù vậy nhưng sau khi Tấn Hiến Công mất thì trở thành hỗn loạn. Lý do là vì các đại thần không chấp nhận Thái Tử Hề Tề lên nối ngôi. Kết quả là cuộc nổi loạn đã giết chết Hề Tề, Lý Cơ, Trác Tử và nước Tấn trở thành vô chủ. Các đại thần bèn sai sứ giả đi mời công tử Trùng Nhĩ về chấp

3- *Luận Ngữ: Thuật Nhi, Tiết 29*

chánh.

Trùng Nhĩ biết thời cơ chưa tới nên từ chối đề nghị này. Các đại thần đành phải sang nước Lương tìm công tử Di Ngô. Chính Di Ngô cũng biết mình chưa đủ thực lực để bình định nước nhà nên sai người qua nước Tần để xin giúp đỡ.

Để có thể chắc chắn được giúp, Di Ngô hứa với Tần Mục Công là sẽ biểu tặng năm thành. Thế nhưng, sau khi đã được lên ngôi, Di Ngô tự xưng là Tấn Huệ Công lại nuốt lời, không thi hành hẹn ước. Sau đó vài năm, nước Tấn bị mất mùa và dân tình đói kém, bất đắc dĩ Tấn Huệ Công phải sai người sang Tần xin vay một số lương thực.

Tần Mục Công vốn từ lâu đã tức giận chuyện trước kia, nhất định không cho vay, nhưng các hiền sĩ là Kiến Thúc và Bách Lý Hê hết lời khuyên can, sau cùng Tần Mục Công mới bằng lòng.

Chẳng ngờ năm sau, lại đến lượt nước Tần bị hạn hán. Tần cử người sang Tấn hỏi vay một số thóc lúa và Tấn Huệ Công muốn chấp thuận nhưng bọn cận thần lại cản ngăn và tâu rằng:

“Tấn và Tần tuy ngoài mặt giao hảo nhưng trong lòng bên nào cũng muốn thôn tính nhau. Hiện nay nước Tần mất mùa, tức là cơ hội trời ban để cho chúng ta được hưng vượng lên. Xin đại vương đừng cho Tần vay mượn lương thảo.”

Tấn Huệ Công u mê nghe theo. Tần Mục Công hai lần bị Tấn Huệ Công thất hứa, nổi trận lôi đình, kéo rốc đại quân tiến sang nước Tấn trừng phạt.

Tấn Huệ Công không hề hãi sợ, cũng điếm 600 binh xa đến núi Long Môn nghinh chiến. Cuộc chiến xảy ra hết sức dữ dội. Quân hai bên phải chia làm nhiều đạo cũng nhau hỗn chiến long trời lở đất.

Tần Mục Công khi lâm trận vì không liên lạc được với đạo quân của Công Tôn Chi nên lâm vào thế cô độc, bị tấn công và bị quân Tấn bao vây không còn đường chạy thoát. Tần Mục công chiến đấu đến lúc hơi tàn sức mỏi, quân tướng ở bên mình còn lại chẳng bao nhiêu, tự biết khó thoát khỏi cái chết nên toan lấy gươm ra tự vận để khỏi phải mang nhục vào thân.

Giữa lúc Tần Mục Công đang ở vào cảnh thập tử nhất sinh thì bỗng nhiên từ phía sau lưng quân Tấn lại có một toán người hùng hổ xông tới đánh giết rất dữ dội khiến Tấn Quân phải lâm vào cảnh lưỡng đầu thọ địch, chẳng bao lâu đã tán loạn hàng ngũ. Ngay khi ấy, Công Tôn Chi cũng vừa đến kịp để cứu viện vua Tần nên phối hợp tấn công quân Tấn, bảo vệ cho Tần Mục Công an toàn đồng thời tiến đánh bắt sống được Tấn Huệ Công. Vua Tấn đã bị bắt, toàn quân Tấn đều mất chí khí, tự động tan rã.

Sau khi thắng trận xong trở về doanh trại, Tần Mục Công không vội xét hỏi việc bắt sống Tấn Huệ Công mà hỏi tả hữu ngay về lai lịch của toán quân lạ đã cứu mình thoát chết trong gang tấc. Tả hữu thưa toán quân đó là bọn người ở núi Lương Sơn. Hóa ra trước kia có lần nhà vua đi săn đem theo một số ngựa quý. Thế mà nửa đêm bọn cướp núi ở Lương Sơn xông vào bắt hết, đem xuống chân núi nổi lửa nướng ăn. Tả hữu rất tức giận xin nhà vua phát lệnh cho đại quân đến truy nã để giết hết bọn chúng. Nhưng Tần Mục Công lắc đầu nói:

“Ngựa thì đã chết rồi, có giết họ cũng chẳng lấy lại được. Vả chẳng, ta là vua một nước mà để dân đói đến nỗi phải cướp ngựa mà ăn thịt thì trách họ sao được. Các người mang thêm rượu ngon đến thưởng họ, đừng để ta mang tiếng quý ngựa hơn dân.”

Tả hữu nghe theo, bọn trộm ngựa lúc ấy hết sức cảm kích sự độ lượng của Tần Mục Công, vì vậy mà khi nghe tin ông kéo quân đi chinh phạt nước Tấn thì đều đồng lòng dốc sức kéo nhau ra trận giúp một tay, chẳng ngờ cứu được mạng của nhà vua.

Sau khi thoát chết, Tần Mục Công liền gọi bọn trộm ngựa đến ban thưởng nhưng không ai chịu nhận, cho đó chỉ là sự đền đáp mà thôi. Nhà vua cảm thán nói với quần thần:

“Kẻ thất phu còn biết nhớ ơn đền oán trả. Thế mà Tấn Huệ Công làm vua một nước lại không bằng đứa thất phu. Ta có giết hắn thì chỉ mang tiếng hẹp hòi mà thôi”.

Sau đó, Tần Mục Công truyền tha cho Tấn Huệ Công về nước. Quả nhiên Tấn Huệ Công ngồi ở ngôi vua không lâu, sau đó phải nhường lại cho Công Tử Trùng Nhĩ kế vị, tức là Tấn Văn Công, một vị vua nổi tiếng biết giữ chữ tín và được lòng dân.”

***LUẬN GIẢI VỀ CHỮ NHÂN QUA CÂU CHUYỆN:**

Tần Mục Công là một vị vua thời phong kiến, một Thiên tử, tức một đấng con Trời. Ông có quyền sinh sát trong tay vào thời đó và muốn giết ai thì giết.

Mặc dù là một đấng quân vương có quyền uy tối thượng nhưng ông không độc tài và hiếu sát như nhiều vị vua khác. Trái lại, ông còn có lương tri và lòng nhân đối với

chúng dân của ông, mà rõ nhất là dân đói ở Lương Sơn.

Bọn cướp ở Lương Sơn đã bắt những con ngựa rất quý của ông để đem đi làm thịt ăn vì đói. Nhiều cận thần tức giận tâu xin ông phán lệnh cho phát đại quân theo truy nã để sát hại cả thầy bọn chúng. Thế mà ông lại không nghe theo và không làm.

Ông bảo rằng: “Ta là một vị thiên tử vậy mà lại để cho dân tình đói khổ đến nỗi phải đi trộm ngựa mà ăn thì trách họ sao được. Bây giờ có giết họ thì có còn lấy lại ngựa được đâu!”

Lời nói trên đây của ông chứng tỏ ông không đổ lỗi và buộc tội những người vì đói trộm ngựa ăn thịt mà lại hàm ý rằng lỗi ấy là vì tại vua đã để cho dân đói. Đó là lỗi của ông mà bây giờ nếu có bắt giết họ thì ngựa cũng đã bị ăn thịt rồi làm sao lấy lại được.

Nói rõ hơn, qua phát biểu của một vị vua Tần Mục Công muốn cho biết là ông thấu hiểu nỗi khổ và rất thông cảm với chúng dân, do đó mà ông không chịu nghe theo lời của tả hữu quần thần tâu rồi để truy bắt họ vì làm như thế là càng gây khổ cho họ thêm nhiều nữa. Đây đúng là:

“Bi năng bạt nhất thế chúng sanh chi khổ” tức Bi là tấm lòng thật sự của ông không muốn gây khổ lụy cho chúng sanh.

Hơn thế nữa, ngoài việc tha thứ cho bọn trộm ngựa mà cũng là thứ dân của ông, ông còn hạ lệnh cho thuộc hạ tùy tùng phải mang thêm rượu ngon đến để cho họ uống, và theo ông là phải làm như vậy để ông không mang tiếng là quý ngựa hơn dân.

Nói rõ hơn, việc ông ban rượu cho, đó là một hành động muốn làm cho lê thứ dưới quyền ông hết khổ được vui. Đây đúng là một hành vi, một cử chỉ ban vui, và có phải chăng đó là: “Từ năng dưỡng nhất thế chúng sanh chi lạc” mà một vị Đế Vương muốn làm cho đúng theo chữ Vương với hạnh của đất do Nho Tông đã đặt để cho mình.

Nói tóm lại, khi bị bọn đói Lương Sơn bắt ngựa đem đi làm thịt ăn, nhà vua thay vì nghe theo quần thần, truy kích bắt giết để trị tội thì ông lại thông cảm nỗi khổ của chúng dân, không đuổi bắt họ, không buộc tội họ, trừng phạt họ và trái lại còn ban thêm rượu cho họ uống để có đủ rượu thịt cho cuộc vui của họ được tròn vẹn. Việc làm này của Tần Mục Công minh chứng đó là một tình thương vị tha thật sự.

Thật vậy, nếu chỉ vì vị kỷ, chỉ biết thương mình, cho NGÃ và lo bảo vệ của cải của mình tức bảo vệ cái NGÃ SỞ thì ông đã cho đuổi bắt và giết chết hết bọn trộm ngựa đúng theo sự tâm xin của tả hữu rồi. Thế mà ông lại không làm, ông bao dung và tha thứ vì thông cảm với cảnh đói khát, cảnh khổ đau của họ, nên lại còn ban thêm rượu cho họ uống được vui. Hành động nhất thời và tự nhiên chứng tỏ là ông hoàn toàn thông cảm với họ, thương họ thật sự, một thứ tình thương vị tha hoàn toàn, chớ không vị kỷ hay có tính toán gì cả. Đây đúng là lòng Nhân từ được gọi là Tâm Từ hay Từ Bi cũng không khác. Có khác chăng là cái bối cảnh mà trong đó lòng Nhân Từ hay Tâm Từ Bi được khai triển và thi thố mà thôi.

Lòng Nhân Từ chính là Tâm Từ Bi. Khổng Giáo Phổ
Thiên chẳng khác gì Phật Giáo giải thoát.

(còn tiếp)

HT. Lê Văn Thêm

GIẢNG ĐẠO CHƠN NGÔN

(Giáo sư Thái Đển Thanh)

(Tiếp theo TSTD 59)

BÀI SỐ 13

TU THÂN - TU TRÍ - TU TÂM

Con người trên mặt thế này mà được cao thượng là chỉ nhờ có một phương tu. Danh thể giá trị được tôn trọng hơn người, là nhờ biết tu thân và tu trí.

Bởi thân thể đặng trong sạch, trí não được thông minh sáng suốt, mới có thể giúp hay cho quốc gia xã hội làm những điều ích nước lợi dân, tạo hạnh phúc cho giống nòi chung hưởng.

Còn tiến triển cao hơn đạt thành phẩm vị: Thần, Thánh, Tiên, Phật, là nhờ biết dưỡng tánh tu tâm.

Ngoài ba phương diện: Tu thân, tu trí và tu tâm, thì con người phải cam chịu ở vào hàng hạ đẳng.

Ngày nào toàn thể như sanh mà thật hành được ba phương tu kể trên, thì đời sẽ biến thành cảnh Cực Lạc Thiên Đường tại thế.

BÀI SỐ 14

CHÍ KHÍ TINH THẦN PHẤN ĐẤU

Con người sanh ra tại thế này, mọi sự hành trình cần phải có chí phấn đấu, bất luận làm một việc gì, trước khi khởi

sự ta phải suy nghĩ cho đáo để, xét đoán điều lợi hại phân minh rồi mới quyết định thật hành, khi đã khởi công phải có chí khí phấn đấu, thì mới đạt kết quả mỹ mãn và sớm muộn ta sẽ đạt thành nguyện vọng, ấy là cái chí khí của người trượng phu, làm những việc gì cũng cương quyết, không bao giờ nản lòng bán đồ nhi phế.

Nếu con người làm chuyện chi, mà chẳng có sự quyết định và thiếu chí phấn đấu, thì công trình dầu cực nhọc bao nhiêu, kết cuộc cũng trôi theo dòng nước.

Thiết tưởng kẻ sĩ vào trường học, cũng phải có chí phấn đấu, là siêng năng cần mẫn thức khuya dậy sớm, chuyên lo nấu sủ xôi kinh thập niên đăng quả, mới đậu cấp bằng tốt nghiệp ra làm quan giúp nước trị dân.

Nếu kẻ sĩ vào trường mà không kiên tâm học hỏi, lại thiếu chí phấn đấu thì chẳng khi nào lập nên danh phận mà còn trốn học bỏ trường, cam chịu tiếng chê cười thấp hèn đốt nát.

Người làm ruộng cũng phải có chí phấn đấu, là chịu dầm mưa chải nắng, quanh năm luống phạm cần cù khai mở đồn điền cho rộng lớn, nông vụ tấn thời, cày cấy cho kịp thì tiết mùa màng, đến ngày kết quả mới có lúa nhiều, để bảo tồn sự sống cho con người được ấm no đầy đủ.

Trái lại, người nông phu mà không có chí phấn đấu, thì cũng như kẻ thiếu nợ làm ruộng giao cho chủ điền, chỉ có công làm mà không được ăn.

Luận qua người tu hành đạo đức phải có đủ chí khí tinh thần phấn đấu. Chịu trải qua lăm nổi truân chuyên khổ đảo lao tâm tiêu tứ vạn khổ thiên tân, mới đạt thành phẩm vị thiêng liêng, cao thấp và tùy theo công nghiệp.

Nếu người tu mà không có chí phấn đấu, không thẳng nổi lục đục thất tình, lại thiếu đức tin với Đạo, thì sớm muộn sẽ cuốn tượng thôi tu, thất thế xa Thầy phẫn Đạo.

Nho Giáo có câu: “Chấp đức bất hoàng, tín đạo bất đốc, yên năng duy hữu, yên năng duy vô”. Nghĩa là: Người giữ Đạo mà không hoàng hóa ra rộng lớn, tin Đạo không đốc thực, thì dầu có nhiều người như vậy cũng chẳng lợi ích chi, mặc dầu không có cũng chẳng hại chi.

Kết luận trong Đạo Cao Đài:

Từ Chức Sắc Thiên Phong cho đến Chức việc và Đạo hữu nam nữ, mà được tồn tại vững bền tới ngày nay, trước mắt trông thấy cơ Đạo tiến triển như thế, ấy là nhờ có đủ nghị lực tinh thần phấn đấu, đã từng gian lao khổ hạnh dầu phải hi-sinh vì Đạo cũng chẳng ngã lòng. Thật là xứng đáng con cái hiếu hạnh của Đức CHÍ-TÔN, và trọn bốn phận tín đồ trung thành với Hội Thánh.

Vậy từ đây anh em chúng ta cần phải nung nấu tinh-thần phấn đấu cho được tăng tiến thêm nữa, và hiệp cả Thánh tâm đoàn kết với nhau, cho thành một khối kiên cố vững bền, để chung lo tô điểm nền Chơn giáo, cho được rực rỡ quang minh và lo kiến thiết sự nghiệp nước nhà, cho sớm phục hồi trật tự an ninh, dân-tộc đặng chung hưởng hòa bình, ấy là ngày của chúng ta đạt thành nguyện vọng, mới xứng đáng một kiếp sanh hữu duyên gặp Đạo.

BÀI SỐ 15

TINH THẦN ĐOÀN KẾT

Từ xưa đến nay dân-tộc trong nước, hay là một xã hội nào có tình đoàn kết với nhau, thì thấy đủ năng lực tinh thần

manh mẽ.

Theo lời của Bà Đoàn Thị Điểm nói:

Trong vũ trụ hiệp hòa là mạnh,
Phận đồ thơ phải gánh non sông.
Anh em bạn tác vậy đông,
Xô thành cũng ngã lấp sông cũng bằng.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ dạy hai câu:

Vậy thuyền chi sợ cơn giông tố,
Hiệp chúng còn hơn cuộc chiến tranh.

Xem như thế thì sự đoàn kết là một khối năng lực đồng
mãnh phi thường.

Trải qua mấy năm trên mặt báo chương hằng thấy nêu lên
những câu: Đoàn kết là sống, chia rẽ thì chết.

Vậy anh em đồng đạo và đồng bào của chúng ta, nên để
tâm chiêm nghiệm cho đáo để thì thấy rõ trong một đoàn
thể nào, mà có cảm tình thương yêu liên-lạc với nhau,
đồng tâm hiệp lực, kết dây thân ái cho được vững bền thì
mọi hành trình sẽ kết quả trăm phần thắng lợi. Còn một
việc dở tệ hơn hết là: Người chung thờ một nền Tôn-giáo,
một chủ nghĩa với nhau mà chẳng biết đoàn kết thuận hòa
cùng nhau, lại cố tâm chia rẽ phân phe lập phái thù nghịch
kích bác lẫn nhau để cho thiên hạ trông vào cười chê khinh
bỉ, trong Tôn giáo hay một đoàn thể nào, có những hành
động trái ngược như vậy thì kết cuộc sẽ thấy tai hại chẳng
nhỏ.

Xem gương trước như ba vị anh hùng Lưu, Quang, Trương

hay Sài, Triệu, Trịnh, chỉ có ba người hiệp đồng tâm đoàn kết với nhau, mà tạo thành giang san Hổn thất cơ nghiệp Tống Triều ấy là gương hiệp hào để nêu cao cho đoàn hậu tấn.

Riêng về Đạo Cao Đài, thì Đức CHÍ TÔN cùng các Đấng Thiêng Liêng, đã chỉ giáo sự thương yêu liên lạc đoàn kết cùng nhau, thì sự lợi ích thế nào? Còn chia rẽ thù nghịch lẫn nhau thì tội lỗi ra sao đều có dạy rõ.

Vậy anh em chúng ta cần phải sưu tầm những lời Thánh-Giáo để làm phương pháp thiết hành cho đặng vẹn toàn phận sự môn đệ của Đức CHÍ TÔN.

BÁT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG chỉ giáo bốn câu thật là chí lý:

Ong kiến là loài rất tế vi,
Nó còn ưu ái chẳng quên ghi.
Người đời ví biết hai điều ấy,
Thử hỏi ai mà lại dám khi.

Xét ra loài ong kiến là vật tế vi, còn biết đoàn kết với nhau mà tạo thành hang ổ có trật tự phân minh và đủ năng lực đáng kiêu nể....

Làm người có tánh linh hơn vạn vật, nếu chẳng biết thương yêu đoàn kết với nhau, lại còn tranh đua cừu hận giết hại lẫn nhau thì cũng lấy làm tủi hổ.

Than ôi, phong hóa suy đồi, như luân diên đảo, lòng người quý quái ngậm xương nòi giống, xé thịt lẫn nhau, hằng ngày xảy ra những tấn tuồng thảm thương bi kịch xem thôi mỗi mắt, nghe đã nhàm tai, những người có tầm

lòng bác ái từ bi, cũng phải ngậm-ngùi khổ tâm than trách.

Đến như cuộc thế giới chiến tranh, như sanh điều linh đồ thán, ấy là tại mất sự thương yêu đoàn kết với nhau, nên mới xảy ra tai nạn tương tàn tương sát.

Ngày nào toàn thể như loại trên mặt địa cầu này, mà biết đồng tâm hiệp lực đoàn kết với nhau thì thiên hạ mới được hòa bình an cư lạc nghiệp.

BÀI SỐ 16

THIỆN ÁC PHÂN MINH

Giải thích sở hành thiện, ác của con người, từ buổi sơ khai cho đến thời kỳ Hạ Nguơn hiện tại.

Kỳ Hạ Nguơn cận mãn, cuộc tuần huân tái tạo qui cổ hầu sang.

Đức CHÍ TÔN hoàng khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi là cơ quan cứu thế, chủ nghĩa giáo dân qui thiện, tức là xây chuyển tâm lý của người phản bốn huân nguyên.

Bởi con người đồng thọ nhưt điểm linh quang của Tạo hóa, ban cho một cái tánh lành. Có câu: «Như chi sơ tánh bốn thiện». Người mới sanh ban đầu thì có tánh trọn lành, biết giữ theo đường Thiên lý, làm việc chi cũng noi phép công bình chánh trực, không nhiễm loạn một điểm vạy tà «Tài thị không sắc thị không» gọi là tâm hữu Thánh đức. Đời Thượng cổ người người đồng giữ một tánh lành, kêu là tánh tương cận. Trải qua đến Trung Nguơn và Hạ Nguơn như tâm thất chánh, con người chia ra làm hai hạng, quân tử và tiểu nhưn. Hạng người quân tử thì biết giữ bốn tâm chơn tánh, lương tri, lương năng vẫn còn tự nhiên. Hạng

tiểu nhân thì buông lung tâm tánh, bỏ phép công bình, vật dục sở nhiễm khí bám sở cầu, sa đắm hồng trần sắc, tài, tửu, khí làm cho điểm linh tâm mờ ám, không phân biệt đường chánh nẻo tà, gian tham xảo trá trộm cướp bạo tàn, luân lý cang thường đều nghiêng đổ.

Hạng người ấy đã trở nên hung ác, toàn thể phải hãm vào con đường tội lỗi, chịu các điều hình phạt khổ sở truân chuyên, đó là sự lầm lạc của con người chẳng biết khử nhờn dục tồn thiên lý.

Cho nên người đời ngày nay, chỉ có hai phương diện một là thiện, hai là ác. Phân ra lành dữ đen trắng hai đường chánh tà đôi nẻo, để cho mọi người tùy ý mà tuyển chọn mà thi-hành....

Ai xu hướng theo việc làm lành lánh dữ, dưỡng tánh tu tâm, lập công bồi đức cứu độ nhơn sanh, thương người mến vật cặng cô truất quả, kính lão hoài ấu, tế nhơn chi cấp, cứu nhơn chi nguy, chú trọng về đạo đức tinh thần, thì đặng an nhàn thung dung tự tại.

Còn ai thích hợp việc làm dữ, chuyên môn sát sanh hại mạng, xuy mao cầu tỳ, đồ mưu hoạch kế, gian tham trộm cướp tàn bạo sanh linh, hại nhân ích kỷ tán tận lương tâm, chẳng kiêng phép nước, không sợ luật Trời, cho kiếp chết là mất, xem sự luân hồi thưởng phạt là điều vô hiệu quả, cho nên việc ác nào cũng dám làm. Những hạng người làm dữ thì dầu có đồng lực chấn thế, cường bạo đến bậc nào, cũng còn quyền luật pháp hữu hình, hay là vô vi trừng trị, chẳng bao giờ thoát khỏi chốn lao lung.

Có câu: Nhược hữu nhơn tác bất thiện đắc hiển danh giả, nhân bất hại thiên tất tru chi. Bằng có người làm những

việc chẳng lành, mà đặng giàu sang danh cao lộc cả, thì người chẳng hại, Trời ắt giết đó ...

Đáng quý những người biết làm lành, vị chủ bất vị ngã, làm nhiều việc có lợi ích chung cho nhơn quần xã hội, đặng hưởng mọi điều hạnh-phúc; trên thuận với lòng Trời, dưới cộng hòa cùng đồng chủng quốc dân, đáng mặt râu mày ưu thời mẫn thế.

Nếu con người từ ấu chí trưởng, mà biết trau dồi tâm đức, un đúc tinh thần cho trở nên chí thiện thì chẳng còn cái quyền hành thế lực nào, mà cưỡng bức chuyên trị cái quyền tự do chí thiện ấy đặng.

Bởi nước nào cũng trọng dụng cảm thương yêu người làm lành.

Có câu: Sở quốc vô dĩ vi bửu, dĩ thiện vi bửu dã. Nghĩa là: Bên nước Sở không lấy vật chi mà làm của báu trong nước, chỉ dùng người lành mà làm vật quý báu trong nước vậy.

Nếu nhơn sanh toàn thể hiệp đồng nhưt tâm, chung thờ chủ nghĩa nhân đạo, thì tự nhiên đắc giải thoát. Bởi luật hình của đời, là để răn phạt những kẻ gian tế, làm rối loạn quốc dân, mất sự trị an trong nước. Chớ không có khuôn luật nào để buộc tội lỗi những người đạo đức hiền lương.

Ngày nào nhơn sanh thật hành cho đặng trọn lành, thì đương nhiên là kế bảo an quyền hành tự chủ. Bởi con người có nhưt điểm linh tâm, đủ năng lực làm chủ xác thân, mà tại người chẳng kính trọng linh tâm nên mới mất quyền vi chủ. Nếu con người biết giác ngộ, tầm phương lập quyền tự chủ, điều khiển cái thân thể của mình, thì chẳng còn ai đặng phép làm chủ mà cai trị mình nữa. Tóm

lại, như sanh biết thức tỉnh tâm hồn ăn năn sám hối, cải
cựu ác tùng tâm lương, diệt giả phò chơn, khử tà qui chánh
thì quyền tự do tự chủ tự lập sẽ hườn nguyên phần bổn, ấy
là chí thiện vậy.

BÀI SỐ 17

TRIẾT LÝ THIỆN VÀ ÁC

Thiện ác là thế nào? Thiện là lành ác là dữ.

Chiếu theo luật công bình thiêng liêng của Tạo hóa, thì
lành thưởng dữ răn, lành siêu dữ đọa. Tùong thiện như đấng,
tùong ác như băng. Làm theo việc lành thì thuộc thanh khí
nhẹ nhàng tức nhiên thăng phù siêu thoát.

Còn làm theo điều dữ, thì thuộc về ác khí trọng trước,
là phải hạ giáng trầm luân. Cũng như thế gian hiện hữu,
người lành thì được thông thả tự do. Kẻ dữ phải chịu lao tù
khổ sở. Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo. Lành có lành
trả, dữ có dữ trả. Thiện ác nhược vô báo, càn khôn tất hữu
tư. Nếu làm lành mà không được hưởng phước còn làm
dữ mà chẳng có tai họa, thì Trời Đất ắt có tư vị hay sao?
Không, Trời Đất chẳng bao giờ mà tư vị ai tất cả.

Bởi có câu: Thiên Địa chí công, Thần minh ám sát, bất vị
tế hưởng nhi giáng phước, bất vị thất lễ nhi giáng họa. Ng-
hĩa là: Trời Đất công bình có các Đấng Thần minh soi xét,
chẳng phải vì sự cúng tế cầu khẩn mà ban phước, cũng
chẳng vì thiếu lễ vật cúng kiếng mà xuống cho tai họa.
Chỉ có làm lành hay làm dữ mà định phần phước cùng họa,
báo ứng phân minh.

Đức Thái Thượng nói: Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình.
Lành dữ đều có trả cũng như bóng theo hình....

Xem về mặt hình thức hữu vi, thì những hạng làm lành thấy chơn chất nhu nhược, không bằng cái thể tướng của kẻ làm dữ, bởi kẻ dữ thì có oai thế hùng cường mạnh bạo, ai xem thấy cũng đều kinh khủng. Mà kết cuộc người làm lành vẫn được trường tồn, còn kẻ làm dữ thì tự nhiên tiêu diệt.

Có câu: Hành thiện chi như như xuân viên chi thảo, bất kiến kỳ trưởng như hữu sở tăng, hành ác chi như như ma đao chi thạch, bất kiến kỳ tổn như hữu sở khuy. Nghĩa là những người làm lành như cây cỏ mùa xuân, tuy là khô khan còi cọc chẳng thấy lớn, mà đến lúc mưa dầm thì phát triển thành mậu, nhành lá tươi tốt sum sê. Còn những hạng người làm dữ thì xem sắc sảo cũng như lưỡi dao bén mài trên đá, tuy là chẳng thấy hao mòn, mà tự nhiên nó cùn tặn.

Chẳng khác cái lưỡi với răng. Cái lưỡi tuy mềm mà còn mãi mãi, cái răng rất cứng mà kết cuộc thì nó gãy hết không còn....

Chiếu theo Nho Giáo của Đức Khổng-Tử lưu truyền thì mỗi bộ sách đều có dạy việc thiện và ác, nhưng có chỗ thì nói sự báo ứng thậm tức, về mặt hình thức, còn có chỗ thì nói quả báo bí ẩn vô vi.

Có câu: Sở dĩ như tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi nhi kiết thần dĩ tùy chi, hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi nhi hung thần dĩ tùy chi. Nghĩa là: lòng người muốn làm việc lành tuy là việc lành chưa làm mà đã có vị kiết thần chứng minh rồi đó. Hoặc lòng người mong khởi làm việc dữ, mà việc dữ ấy chưa làm, thì đã có vị hung thần chép biên rồi đó....

Lại có câu: Nhứt nhứt hành thiện, phước tuy vị chí họa tự viễn hỉ, nhứt nhứt hành ác, họa tuy vị chí phước tự viễn hỉ. Một ngày làm lành phước tuy chưa đến, mà tai họa đã lánh xa, một ngày làm dữ họa tai tuy chưa đến mà phước đã lánh xa.

Hai bài sách trên đây, là nói sự báo ứng về cơ mầu nhiệm. Mặc dầu con người tin hay là không, đến khi kết cuộc thì sở hành thiện ác đều thấy rõ.

Sự lành thưởng dữ răn của nhân loại trên mặt địa cầu này ví như:

Trong gia-đình có đặt quyền của một ông cha cai quản, khi mà ông cha nhứt định sẽ giao gia nghiệp cho con gìn giữ thì tự nhiên ông chọn lựa trong bầy con, người nào trọn tâm hiếu nghĩa với cha mẹ, hòa thuận với anh em, biết lo bồi bổ mọi sự trong gia đình, tánh tình hiền lương đạo đức, thì ông cha mới giao sự sản đất vườn cho người ấy bảo hộ. Chớ không bao giờ cha lại giao gia nghiệp, chìa khóa tủ, bằng khoán đất cho một đứa con bất hiếu ngỗ nghịch bạo tàn, ấy là lẽ cố nhiên trong gia đình như thế.

Đức CHÍ TÔN là Cha cả, có quyền năng chưởng quản toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này, thì ông cha Thiêng liêng muốn giao đại nghiệp trong thế giới cho một sắc dân nào cầm quyền thống nhứt về mặt vật chất hay là tinh thần, thì Đại Từ Phụ cũng chọn lựa một dân tộc nào, có trọn tâm hiếu hạnh, biết tôn trọng thành kính Đấng Cha lành và có lòng đạo đức nghĩa nhơn, biết giữ luật pháp công bình chánh trực thì Đức Chí Tôn mới giao phó cả đại nghiệp trong vũ trụ này, cho dân tộc ấy giữ gìn cai quản. Chẳng khi nào Đức Chí Tôn lấy giao sản nghiệp vĩ đại trong hoàn cầu cho một sắc dân bất nghĩa vô nhơn bạo tàn

hung ác, mà được cầm quyền bá chủ.

Trái lại dân tộc ấy, đã không đặng hưởng hồng-ân của Đấng Cha lành ban cho, mà còn phải chịu luật Thiên điều trừng trị, ấy là lẽ công bình của Đức CHÍ TÔN, lành thưởng dữ răn hai đường đặc biệt.

THI

ĐỨC CHÍ TÔN

Thiện ác đáo đầu đã biết chưa,
Hiểu rồi cái ác cũng nên chừa.
Theo làm âm chất may bồi đắp,
Thì sẽ trở về chỗ vị xưa.

BÀI SỐ 18

PHƯỚC VÀ TỘI

Con người sanh ra trên mặt thế này, hạn định bách tuế chi kỳ mà chưa từng thấy ai được sống đủ đầy trăm tuổi, thiết tưởng trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc, thì bất luận già trẻ cũng có thể chết một cách dễ dàng.

Vậy thì lẽ phải của con người, nên làm những điều gì cho có phước đặng hưởng sự vui vẻ tương lai, chẳng nên làm việc chi phạm tội, rồi kết cuộc phải ăn năn hối hận, dầu có kêu than cũng đã muộn.

Nên nhớ câu sách Nho dạy rằng: “Ô hô! Tam thốn khí tại thiên ban dụng, nhứt đáng vô thường vạn sự hưu”.

Than ôi! Ba tấc hơi còn thì ngàn việc cần dùng tranh danh

đoạt lợi, chẳng may đến buổi vô thường muôn việc đều thối chỉ đem theo xuống chốn địa đài có hai món phước và tội.

Trong Kinh Sám Hối có câu:

Người lương thiện ra vào thông thả,

Kẻ tội nhiều dày đọa rất minh.

Sở hành của con người làm thế nào mà được phước, còn làm sao mà bị tội?

Tổng luận từ trong gia đình, xã hội cho đến Tôn giáo các khoản như sau:

1- Trong gia đình những người con mà được hưởng phước của cha mẹ ban cho, thì người con ấy biết nghe lời cha mẹ dạy bảo, hằng lo trông nom bồi bổ mọi sự trong gia đình, tức là người con chí hiếu. Còn đứa con mà bị tội, là bất tòng giáo hóa, không tuân lời cha mẹ khuyên răn, phóng tâm du đảng theo cờ bạc điểm đàn, làm cho cha mẹ lấm nổi thắm sâu, thiên-hạ cười chê khinh bỉ, ấy là đứa con bất hiếu đã không được hưởng phần hương hỏa, mà còn bị tội là con giặc trong gia đình.

2- Trong quốc gia xã hội có văn thân, võ tướng, những vị nào được hưởng phước lộc của chánh phủ ban cho, thì vị quan ấy là bậc trung thành, dám hy sinh với Tổ quốc, gây dựng cơ nghiệp nước nhà, tạo hạnh phúc cho giống nòi chung hưởng như thế mới có phước đức lưu tồn.

Bổn phận làm dân trong nước phải tuân theo luật lệ của chánh phủ, thật hành y theo lệnh của nhà cầm quyền trong địa phương truyền dạy.

Sứ đi thuế đóng cho tròn bốn phần lương dân mới là có phước.

Còn làm dân mà bất tòng luật pháp quốc gia, trốn lậu thuế, gian tham trộm cướp không kiêng phép nước, thì phải chịu tội tù ấy là lẽ tự nhiên cổ kim như thế.

Luận qua trong Tôn giáo Cao Đài, từ hàng phẩm Chức Sắc Thiên Phong cho tới Chức việc và Đạo hữu nam nữ, những người tận tâm trung thành vì Đạo, thật hành y theo luật pháp chơn truyền, trọn tuân Thánh giáo của Đức CHỈ TÔN cùng các Đấng Thiêng Liêng chỉ dạy, biết trọng mạng lệnh của Hội Thánh ban hành, dầu gặp việc hi sinh vì Đạo cũng chẳng thối chí ngã lòng, ấy là người trọn tâm phụng thờ Tôn giáo.

Trên thuận với lòng Trời, dưới nhơn sanh đồng tín nhiệm, thì sẽ được hưởng phước của Đức CHỈ TÔN ban cho, đạt thành phẩm vị Thiêng liêng siêu thoát.

Còn những kẻ lợi dụng danh Đạo, tạo hạnh phúc riêng về phần cá nhân, thì mọi sự hành động đều trái với luật pháp khuôn viên của Đạo, làm nhiều việc bất nghĩa vô nhân, mưu sâu chước độc, phá Đạo hại người, phản loạn chơn truyền bất tòng Thiên lý, ấy là kẻ tội nhơn trong nền Tôn giáo, phải chịu luân hồi chuyển kiếp trả quả tiền khiên, do theo lẽ công bình thưởng răn của Tạo hóa.

Muốn biết phước và tội, thì xem cả hành vi của con người, bất luận làm những việc gì có lợi ích chung cho đồng loại, được thiên hạ kính mến ca tụng, do sở hành của mình mà mọi người được hưởng nhờ ấy là phước.

Trái lại, làm điều chi mà hại nhơn ích kỷ, sanh chúng bất bình, kêu ca thán oán, bởi việc làm của mình mà thiên hạ

phải chịu khổ đau sâu sắc, ấy là kẻ đại tội trên thế gian.

Ngày nào nhơn sanh biết tìm những việc có phước đức mà thật hành, tránh xa mọi điều tội ác, được như vậy thì đời sẽ trở nên thuần phong mỹ tục, gia vô bế hộ, lộ bất thập di nhà không đóng cửa, đường chẳng ai lượm của rơi, thiên hạ cộng hưởng thái bình, tức là phục lại đời Thánh đức.

BÀI SỐ 19

TU HÀNH VÀ HỌC HÀNH

Tu hành và học hành, ấy là cái thể với cái dụng. Tu gõ mõ tụng kinh niệm Phật là cái thể, cố tâm thật hành theo lời của Phật dạy trong kinh mới là sử dụng.

Học, đọc sách viết vở làm bài là cái thể, chỉ có thi hành theo lời dạy của Thánh Hiền thì mới là hữu dụng.

Có câu: “Tụng kinh giả minh Phật chi lý”. Tụng kinh là cần hiểu rõ giáo lý của Phật, mà làm y theo mới có hiệu quả, chớ không phải tụng kinh niệm Phật lần chuỗi mà đắc đạo.

Cũng như câu: “Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàng chỉ đảo Tây Phương”. Nghĩa là một câu lục tự Di Đà cứ niệm hoài, thì chẳng nhọc khảy móng tay cũng đến cảnh Tây Phương.

Câu nói mới nghe qua thì sự hành đạo rất dễ, nhưng phải hiểu ý nghĩa lục tự Di Đà là thế nào? Và thật hành theo cho châu đảo, thì mới mong mỗi về đến cảnh Tây Phương.

Nói về Nho Giáo thì có câu: “Tạo chúc cầu minh, đọc thơ cầu lý, minh dĩ chiếu ám thất, lý dĩ chiếu nhơn tâm”. Đốt

đèn đuốc để cầu ánh sáng, còn đọc sách để kiếm hiểu chơn lý, cái ánh sáng để rọi trong nhà tối, ý nghĩa trong sách để soi vào lòng người cho được thông minh.

Đức Khổng Tử dạy rằng: “Vi thiện tối lạc, Đạo lý tối đại”. Làm lành rất vui, đạo lý rất lớn, thì người có học ai cũng biết như vậy, mà tại sao không chịu làm lành đặng hưởng sự vui vẻ, để làm những điều tàn bạo gian tham, mà phải bị các tội tình rồi ăn năn thảm sầu hối hận.

Đã biết Đạo lý là rất trọng mà chẳng chịu làm, để xu hướng theo điều bất nghĩa vô ơn, có phải tại người chỉ có tu có học bề ngoài, mà trong tâm không thật hành nên mới ra nông nổi.

Luận về Đạo Cao Đài thì toàn thể môn đệ của Đức CHÍ TÔN, khi vào nơi Bửu Điện dâng lễ, trước hết tay bắt ấn Tý để lên trán niệm: Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, ấy là Tam qui: Qui Y Phật, Qui Y Pháp, Qui Y Tăng, thì ta phải noi theo cả hành vi của Phật, từ bi bác ái, tế độ chúng sanh. Lại nữa phải trọn tuân theo luật pháp chơn truyền của Đạo và làm thế nào cho tròn bổn phận tín đồ trong nền Đạo giáo, mới xứng đáng là môn đệ của Đức CHÍ TÔN.

Trong bài Khai Kinh của Đức Lữ Tổ, ta nên chú tâm ghi nhớ một câu:

“ Trong Tam giáo có lời khuyên dạy,
Gốc bởi lòng làm phải làm lành”.

Đã trải qua ba mươi năm trường, nếu toàn Đạo nam nữ mà cố tâm thi hành cho được vuông tròn một câu đó, thì hiện nay Hòa Viện không còn phân xử tội tình của ai nữa. Bởi

vì mỗi người đã biết làm phải làm lành, thì có điều chi mà phạm vào luật Đạo, được như vậy mới tròn bổn phận người tu hành đạo đức.

BÀI SỐ 20

TRIẾT LÝ CHỮ TÂM

Tâm là vi chủ tất cả châu thân của con người, nên hư phải trái đều do nơi tâm chủ trương sở định.

Làm người biết chú trọng lương tâm, tức là biết kính thờ Trời. Có câu: «Tồn tâm dưỡng tánh sở dĩ chi sự Thiên», gìn giữ bổn tâm chơn tánh cho chẳng phóng túng mà làm các điều sai quấy, mới gọi là biết thờ Trời vậy.

Trời chẳng phải cao, mà cũng chẳng phải xa, chính thiết ở nơi lòng người, lòng người có tín ngưỡng thì Trời Đất ắt biết đó.

“Phi cao diệc phi viễn đô chỉ tại nhưn tâm, nhưn tâm sanh nhứt niệm Thiên Địa tất giai tri”.

Vậy con người chẳng nên khinh dễ bản tâm, mà phải đắc tội với Trời.

Có câu: “Khi kỳ tâm tất tự khi kỳ Thiên, Thiên bất khả khi hồ”

Người tu hành đắc đạo cùng chẳng, là do nơi tâm biết giác ngộ thì được siêu thoát, còn tâm mờ hồ si mê thì phải chịu luân hồi chuyển kiếp.

Có câu: “Vạn sự do tâm tạo”. Muốn việc chi thủy đều có kết quả, là tại sự tư tưởng của lương tâm. Hễ tâm tư tưởng việc chánh đáng công bình, thì thân thể đặng thung dung

nhàn lạc, tức là Bồng Đảo Niết Bàn tại thế. Còn tâm vọng động những điều vô nghĩa vô nhân gian ác bạo tàn, thì thân thể phải chịu mọi điều thảm khổ. Cho nên con người cần phải biết kính trọng linh tâm, nhất là làm những việc gì, trước khi khởi sự thực hành ta nên trầm tĩnh xét suy cho đáo để và phải nhớ hỏi lại chủ như Ông (tức là linh tâm) thì mọi sự phải trái thiệt hư tâm đều chỉ rõ....

Trong Tam giáo: Nho, Thích, Đạo dạy phép tịnh luyện cũng dùng chữ Tâm.

Đức Khổng Tử dạy tồn tâm, yếu dụng hai chữ trung thứ. Đức Thích Ca dạy minh tâm, thiết hành hai chữ từ bi. Đức Thái Thượng dạy tu tâm, chú trọng hai chữ cảm ứng. Bởi sáu chữ: Trung-thứ, Từ-bi, Cảm-Ứng đều có trùng tâm. Chữ tâm là: “Tam điểm như tinh tượng, hoành câu tợ nguyệt tà, phi mao tùng thủ đắc tố Phật già do tha”. Ba chấm như tượng hình sao, dòng ngang giống như trăng xiên, dờ lông theo ấy đặng thành Phật cũng bởi tâm mà nên.

“Dục tu kỳ thân giả, tiên chánh kỳ tâm”. Muốn tu thân cho nên người hiền lương đạo đức, thì trước phải sửa lòng cho được ngay thẳng “Tương tâm tử tâm tiện thị Phật tâm”. Dem cái lòng của mình mà sánh với cái lòng của người ấy là cái lòng như từ, cũng như lòng Phật vậy.

Làm người mà biết bảo thủ lương tâm, thì mới đủ tư cách làm người cao thượng, đời trở nên tận thiện.

Còn người tu hành mà biết trau giồi tâm đức cho được kiên cố vững bền, thì mới đặng thành công đắc đạo.

THÁNH GIÁO ĐỨC CHÍ TÔN

Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,

Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời.
Sang hèn trối kệ tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngời.

* * *

Tâm ấy là Trời chớ dễ tâm,
Phải trau cho sạch điểm lương-tâm.
Ngôi Trời tâm ấy là nơi dựa,
Mình biết tâm, tâm mới biết tâm.

* * *

Đạo cao thâm, Đạo cao thâm,
Cao bất cao, thâm bất thâm.
Cao khả xạ hề thâm khả điếu,
Cao thâm vạn sự tại nhưn tâm.

* * *

Tâm an mao ốc ổn,
Tánh định thể căng hương.

BÀI SỐ 21

DIỆT TẬN PHÀM TÂM

Giáo lý của nhà Phật, cần yếu là diệt tận phàm tâm tham, sân, si. Người tu hành đạo đức mà còn tích trữ lòng tham, thì không khi nào siêu phàm đạt Đạo.

Bổn phận của người tu là xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, chưa từng thấy một vị Phật nào mà còn tham lam của thế gian. Người đời vì tham quyền lợi mà giết hại lẫn nhau, gây thù kết oán cũng vì tham....

Sân là giận hờn gây gổ cãi cọ, tánh tình nhỏ mọn, thối mấc khó khăn, độ lượng hẹp hòi, thiếu lòng từ bi bác ái thì mất đức hạnh người tu, tự nhiên phải lánh xa cửa Phật.

Con người vì tánh sân mà xảy ra lắm điều oan nghiệt có khi dứt tình thân ái nghĩa nhơn cũng vì sân.

Si là mê tín dị đoan, đụng đầu nghe đó, không phân biệt đường chánh lẽ tà, nên phải lằm vào Bàn môn Tả đạo không thoát khỏi bến mê.

Đạo đức tinh thần là phương thức tỉnh nhơn sanh, người tu hành mà không phát huệ tâm, thì cũng khó mong thành chánh quả.

Giáo lý của nhà Phật, thì người tu cần phải diệt tận phàm tâm, tức là trừ bỏ tánh tham, sân, si, thì mới có thể siêu phàm đặc đạo.

“Nhơn dục tịnh tận, Thiên lý lưu hành”. Lòng dục vọng của con người lặng lẽ, thì đường Thiên lý phát khởi quang minh.

Con người giữ được Thánh tâm cho thanh tịnh mới rõ biết đường Thiên lý, thì phàm tâm nhơn dục không nảy sanh. “Tịnh tịnh thường lạc cố viết Niết Bàn”. Thánh tâm thanh tịnh an vui, thì gọi là cảnh Niết Bàn Cực Lạc.

(còn tiếp)

Giáo sư Thái Đến Thanh

TÓM LƯỢC

ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI (HIỀN TÀI DỰ PHONG) & THỂ THỨC NỘP HỒ SƠ

I.- ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP.

Muốn gia nhập vào Ban Thế Đạo với danh xưng Hiền Tài Dự Phong, các ứng viên cần phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1- Phải là Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (có nhập môn).

2- Hội đủ một trong các điều kiện về Văn hóa, chuyên môn hoặc các điều kiện đặc biệt dưới đây:

*-Tốt nghiệp Đại Học ở hải ngoại (Bằng BA, BS hoặc tương đương trở lên)

* Hoặc tốt nghiệp bằng Tú Tài II hoặc Cựu Sĩ Quan (thời kỳ trước năm 1975) cấp bậc từ Đại Úy trở lên hiện sinh sống ở hải ngoại.

* Hoặc những nhà kinh doanh, nhân sĩ có đạo tâm có công nghiệp giúp ích cho Đạo.

3-Được sự tiến cử của Chức sắc Thiên Phong cấp Giáo Hữu trở lên hoặc của ít nhất là (01) một vị Hiền Tài trở lên. Nếu người tiến cử là Chức sắc Hành Chánh Đạo tại địa phương (cấp Châu Đạo, Tộc Đạo) thì (01) một vị Quyền Đầu Tộc đương quyền hành Đạo trở lên tại địa phương đó có quyền đứng ra tiến cử.

Tại các địa phương chưa có Tộc Đạo, Chức Việc trong Bàn Trị sự được quyền đứng ra tiến cử nhưng phải có ít nhất là (02) hai vị trở lên mới hợp lệ.

I.- HỒ SƠ XIN GIA NHẬP.

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

a- Đối với Quý vị Hiền Tài Khóa VI:

Quý vị thuộc Hiền Tài Khóa VI trước đây được trân trọng mời tham gia hoạt động trong Ban Thế Đạo, không cần phải lập lại toàn bộ Hồ sơ (không cần người Tiến cử, miễn chứng minh về điều kiện văn hóa chuyên môn . . .), mà chỉ cần hoàn tất các thủ tục dưới đây:

***Nếu còn Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ:**

Chỉ cần làm Phiếu Gia Nhập (Mẫu HT6/1) và kèm Bản chính Biên nhận nộp Hồ sơ là hợp lệ (Bản chính sẽ được hoàn lại).

***Trường hợp Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ bị thất lạc:**

Chỉ cần làm Tờ Cam Kết (Mẫu HT6/2).

b- Đối với Ứng viên Hiền Tài Dự Phong thuộc thành phần Trí Thức ở Hải ngoại:

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

-Phiếu Gia nhập Ban Thế Đạo (Mẫu A)

-Tờ Tiến cử (Mẫu B).

-Bản sao (Photocopy) các Văn Bằng, Chứng Chỉ theo quy định.

-Giấy Nhập Môn (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ- Tòa Thánh Tây Ninh).

***Các Trường hợp đặc biệt:**

b1- Đối với con em trong gia đình Đại Đạo (Tòa Thánh Tây Ninh):

-Nếu đã Nhập Môn nhưng Giấy Nhập Môn bị thất lạc, cần phải Tái Thệ.

-Nếu chưa Nhập Môn, thì cần đến các Cơ sở Hành Chánh Đạo như Hương Đạo, Tộc Đạo.. để làm lễ Nhập Môn vào Đạo.

b2- Đối với con em gia đình Đại Đạo (Không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) và những người chưa nhập môn vào Đạo:

-Nếu hội đủ các điều kiện về Văn hóa chuyên môn, về Tiến cử ... , được nộp Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo nhưng Giấy Nhập Môn phải nộp bổ sung trong vòng (06) sáu tháng.

c- Đối với những Vị có Tú Tài II trở lên và những vị Sĩ Quan cấp bậc từ Đại Úy trở lên (Trước năm 1975 chưa có cơ hội gia nhập vào Ban Thế Đạo) : Nếu muốn gia nhập, hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng cần lập đủ Hồ sơ như quy định cho thành phần Trí Thức ở Hải ngoại (Điểm b, Mục II).

d- Đối với những vị đã có đóng góp công nghiệp đặc biệt cho Đạo:

-Được miễn Điều kiện về Văn hóa chuyên môn.

-Cần hội đủ điều kiện về Tiến cử, về Nhập môn quy định.

-Giấy chứng minh đóng góp công nghiệp cho Đạo.

III - NƠI NỘP HỒ SƠ

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI
Số: 3076 Oakbridge Dr,
SAN JOSE, CA 95121-1716

IV - THỜI HẠN NỘP ĐƠN.

Không có thời hạn. Ban Thế Đạo Hải Ngoại luôn luôn
hân hoan đón nhận các hồ sơ gia nhập.

V- NƠI LIÊN LẠC CẦN THIẾT:

*-HT. Nguyễn ngọc Dũ - Phone: 408-238-6547

Email: dutani@comcast.net

*-HTDP Túy Trịnh - Phone: 713-302-1625

Email: tuy_nguyen66@yahoo.com

*-HTDP Ngô Thiệu Đức, Phone: 714-636-3582

Email: thienduc00@yahoo.com

Nội Luật Ban Thế Đạo

.....
Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế sẵn có Đạo tâm, giàu
lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng
buộc trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, chưa phể
Đời hành Đạo được.

Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những
bậc có Đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

**Trích Chương Mở Đầu
Nội Luật Ban Thế Đạo**

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

trong năm 2013

- 1- * Bí pháp dâng Tam Bửu - Bí pháp giải thoát**
(Soạn giả: HT Lê Văn Thêm)
Sách dày 232 trang, phát hành tháng 4 năm 2013.
- 2-* Chân dung**
Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung
(Soạn giả: HT Trần Văn Rạng)
*** Phương châm Hành Đạo**
(Soạn giả: Thượng Đầu sư Lê Văn Trung)
Sách dày 240 trang, phát hành tháng 10 năm 2013
- 3-* Lược sử Khai Đạo**
(HT Nguyễn Trung Đạo)
Sách dày 232 trang, phát hành tháng 12-2013.

SÁCH SẼ XUẤT BẢN

trong năm 2014

Tháng 6- 2014

- 1- * Đời sống của người tín đồ Cao Đài**
(HT Nguyễn Long Thành).
*** Nhìn lại 50 năm lịch sử Đạo Cao Đài.**
(HT Nguyễn Long Thành).
- 2-* * 40 năm lịch sử Đạo Cao Đài (Hoài Nhân)**

Tháng 12-2014

- 2- * Luật Tam Thể (Đức Cao Thượng Phẩm & Bát Nương Diêu Trì Cung).**

**GIỚI THIỆU CƠ SỞ
ĐỒNG ĐẠO - THÂN HỮU**

DHT Collision & Service Center

Justin or David - *Managers*

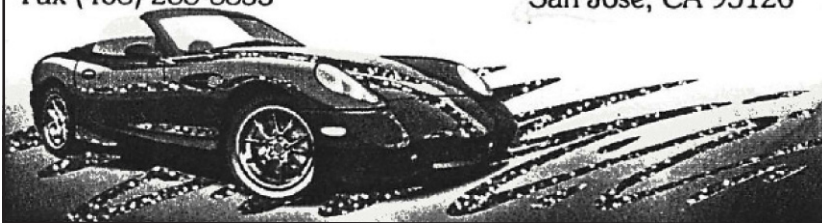
Email: dhtauto@yahoo.com

Phone (408) 288-8856

Fax (408) 288-8855

60 Stockton Ave.

San Jose, CA 95126



Lisa's Flowers
Flowers For All Occasions

2424 Quimby Rd., San Jose, CA 95148

(408) 828-5833 - (408) 528-7675

Fax: (408) 440-2974

*Free Wedding
Consultation*

Uncompromised Quality & Service

Weddings • Parties • Birthdays • Funerals • Gift Baskets

Cung chúc Tân Xuân
2014
Thái Bình

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111
(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: **(858) 467-0833 ■ (858) 277-3999**

**GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ KHAI THUẾ
(BOOKKEEPING AND TAX SERVICES)**

- GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN (BOOKKEEPING SERVICES)
- LÀM LƯƠNG BỔNG (PAYROLL SERVICES)
- KHAI THUẾ (TAX SERVICES FOR INDIVIDUAL, PARTNERSHIP, LLC, CORPORATION, ETC.)
- GIÚP THÀNH LẬP CÔNG TY VÀ CÁC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI (FORM PARTNERSHIP, CORPORATION AND BUSINESSES)
- GIÚP SANG TIỆM NAIL, TÓC, SHOP SỬA XE, NHÀ HÀNG VÀ CÁC CƠ SỞ THƯƠNG MẠI.
- LÀM CÁC HỢP ĐỒNG MUA BÁN TIỆM, MƯỢN MẶT BẰNG, THƯƠNG LƯỢNG VỚI CHỦ ĐẤT, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI ĐỂ HOÀN TẤT THỦ TỤC SANG NHƯỢNG HOẶC MƯỢN TIỆM.
- THỰC THỰC CHỮ KÝ (NOTARY PUBLIC) VÀ PHIÊN DỊCH CÁC LOẠI ĐƠN TỬ.



VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

THÀNH THẬT - TẬN TÂM - UY TÍN - LỆ PHÍ PHẢI CHĂNG

Xin Liên Lạc **NHỰT TƯỜNG and THÙY TRANG** *để biết thêm chi tiết*

Tập San Thế Đạo

Chủ Trương

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Thực hiện & Trách nhiệm

HT Nguyễn Ngọc Dũ - Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật

Ngọc Dao - Thanh Điền - Ngọc Diệp

Phụ Trách Phát Hành

Duy Hòa

Cộng Tác Thường Xuyên

TS Nguyễn Anh Tuấn - Lê Văn Thêm

Mai Văn Tim- Bạch Y- Duy Văn- Nguyễn Trung Đạo-

Tố Nguyên - Trần Công Bé- Song Nguyên

Quang Thông- Lê Tấn Tài (Úc châu)

Lê Tấn Tài (USA)- Dương Thanh Vân.

Yểm Trợ

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ

Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo

xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547 Email: dutani@comcast.net

GIỚI THIỆU

I- Trang Web www.banthedao.net của Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Trân trọng giới thiệu cùng quý Hiền Huynh Hiền Tỷ, quý Thân hữu :

Kể từ tháng 3-2014, trang web Ban Thế Đạo đã được tái lập với nội dung rất nhiều Mục gồm có:

- 1- Thông báo - Tin tức
- 2- Ban Thế Đạo - Ban Thế Đạo Hải Ngoại
- 3- Giáo lý gồm sách - Bài viết về tôn giáo Cao Đài và tam giáo Phật, Lão, Khổng.
- 4- Các cơ sở Đạo tại hải ngoại
- 5- Multimedia gồm có Nhạc - Hội họa - Thi thơ - Ảnh nghệ thuật - Tranh . . v. .v. . . .
- 6- Chúc mừng - Phân ưu . . .v. .v. . . .

II- Sách in và phát hành trong năm 2014

A- In ấn và phát hành trong tháng 6-2014:

- 1- Soạn giả HT. Nguyễn Long Thành:
“Đời sống của người tín đồ Cao Đài ”
“ Nhìn lại chặng đường 50 năm Đạo Cao Đài ”.
- 2- Soạn giả Hoài Nhân
“ 40 năm Lịch sử (1926-1966) Đạo Cao Đài.”

B- In ấn và phát hành trong tháng 12 -2014

“ Luật Tam Thế ” của
Đức Cao Thượng Phẩm & Bát Nương Điều Trì Cung.

Tập San Thế Đạo trân trọng giới thiệu.



**Ban Chấp Hành Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc CA
(nhiệm kỳ đầu tiên 2014-2016)**

KÍNH BIỂU



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại : 408-238-6547